

Số: /BC-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

“Dự thảo”

BÁO CÁO
Kết quả xây dựng Nông thôn mới đến năm 2021
huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

Triệu Sơn là huyện đồng bằng - bán sơn địa nằm ở phía tây - nam của châu thổ sông Mã - sông Chu tỉnh Thanh Hóa, cách trung tâm Thành phố Thanh Hóa 20 km về phía Tây (theo Quốc lộ 47), tiếp giáp giữa các huyện đồng bằng với các huyện miền núi của tỉnh.

- Phía Bắc giáp huyện Thọ Xuân, Thiệu Hóa;
- Phía Nam giáp huyện Như Thanh, Nông Cống;
- Phía Đông giáp huyện Đông Sơn;
- Phía Tây giáp huyện Thường Xuân và Thọ Xuân.

Địa hình của huyện thấp dần về phía Bắc, nghiêng từ Tây Bắc xuống Đông Nam; huyện có dãy núi Nưa với đỉnh cao nhất 538 m so với mặt nước biển, nơi đây có khoáng sản quý hiếm đó là quặng Cromít - quặng của kim loại crom giúp cho việc luyện ra thép rắn ít rỉ để chế tạo các thiết bị máy móc cao cấp, ở trong nước, đây là nơi duy nhất có mỏ kim loại quý hiếm này mà ở vùng Cổ Định (nay thuộc Thị trấn Nưa) chính là một trung tâm khai thác từ thời Pháp thuộc cho đến nay; có 2 con sông nội địa đi qua, đó là sông Hoàng và sông Nhom (hai nhánh của sông Yên) với chiều dài 74,05 km.

Tổng diện tích đất tự nhiên của huyện 29.004 ha, trong đó đất sản xuất nông nghiệp 13.683,53 ha, đất lâm nghiệp 4.881 ha, đất nuôi trồng thủy sản và đất nông nghiệp khác 718,82 ha. Dân số toàn huyện 204.379 người, gồm ba dân tộc chủ yếu sinh sống; dân tộc Kinh có 196.563 người, chiếm 96,18%; dân tộc Mường có 4.365 người, chiếm 2,14%; dân tộc Thái có 3.236 người, chiếm 1,58% và dân tộc khác là 215 người, chiếm 0,14% (là huyện có dân số lớn thứ tư toàn tỉnh). Đảng bộ huyện có 60 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc với 12.343 đảng viên.

Năm 2010 khi triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới (NTM) huyện có 36 đơn vị hành chính (35 xã và 1 thị trấn), trong đó có 4 xã miền núi; từ tháng 12/2019 đến nay huyện còn 34 đơn vị hành chính (32 xã và 2 thị trấn) do có

2 xã (Minh Dân và Minh Châu) sáp nhập vào Thị trấn Triệu Sơn và xã Tân Ninh thành lập thị trấn (Thị trấn Nưa), là một trong 3 huyện có số đơn vị hành chính lớn nhất tỉnh (huyện Hoằng Hóa có 37 đơn vị, Thành phố Thanh Hóa có 34 đơn vị và huyện Triệu Sơn có 34 đơn vị).

Huyện có hệ thống giao thông thuận lợi và đồng bộ: Đường huyện quản lý bao gồm 08 tuyến với tổng chiều dài 62,5km, đã được nhựa hóa, bê tông hóa 100%, phù hợp với quy hoạch được duyệt. Ngoài ra còn có các tuyến đường quan trọng chạy qua địa bàn huyện như: Tuyến cao tốc Bắc - Nam với chiều dài 4,3 km, 02 tuyến quốc lộ với chiều dài khoảng 36km (QL 47 và QL 47C), 06 tuyến tỉnh lộ với chiều dài khoảng 82km (TL 514, TL 514B, TL 515C, TL 517, TL 519 và TL 520) và tuyến đường từ trung tâm Thành phố Thanh Hóa đi Cảng hàng không Thọ Xuân với chiều dài khoảng 26,5km. Các tuyến đường đảm bảo ô tô đi lại thuận lợi quanh năm và kết nối với trung tâm hành chính các xã trên địa bàn.

Triệu Sơn là vùng đất "địa linh nhân kiệt", giai đoạn Văn hóa Đông Sơn, Triệu Sơn đã là một vùng đất trù mật được khai phá bởi lớp cư dân Việt cổ trên một diện tích rộng. Núi Nưa (nay thuộc Thị trấn Nưa) thời nghìn năm Bắc thuộc là địa điểm căn cứ cuộc khởi nghĩa Bà Triệu chống lại nhà Đông Ngô năm 248. Qua các triều đại phong kiến, huyện có 3 người đỗ tiến sĩ được ghi danh bia ở Quốc Tử Giám như: Ông Lê Bất Tứ ở Thị trấn Nưa; hai cha con ông Nguyễn Hiệu, ông Nguyễn Hoàn (con ông Nguyễn Hiệu) ở xã Nông Trường; là vùng quê giàu truyền thống văn hóa và cách mạng với 04 di tích lịch sử được xếp hạng cấp quốc gia (Đền Nưa - Am Tiên, đền thờ Lê Bất Tứ tại Thị trấn Nưa, di tích lịch sử Lê Thị Hiến tại xã Thọ Phú, nhà thờ Nguyễn Hiệu tại xã Nông Trường) và 26 di tích cấp tỉnh. Trong các cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, huyện có 07 tập thể và 06 cá nhân được Đảng và Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân, tiêu biểu như: Anh hùng Tô Vĩnh Diện, Anh hùng Bùi Văn Bìn, Anh hùng Trần Thanh Hải,...

Khi triển khai Chương trình xây dựng NTM xuất phát điểm của huyện thấp, năm 2010 giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản còn chiếm tỷ trọng tới 33,2%, công nghiệp - xây dựng mới đạt 36,3% và các ngành dịch vụ là 30,5% trong cơ cấu giá trị sản xuất của huyện; thu nhập bình quân đầu người mới đạt ở mức 13,2 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ hộ nghèo còn cao (chiếm 24,7%), số tiêu chí NTM bình quân toàn huyện chỉ đạt 5,3 tiêu chí/xã, văn hóa, xã hội chưa được quan tâm đầu tư đúng mức, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn.

Sau 12 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, với sự hỗ trợ của Trung ương, của Tỉnh, Ban Chỉ đạo xây dựng NTM tỉnh, sự nỗ lực quyết tâm phấn đấu của toàn thể Đảng bộ, Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và nhân dân trong huyện đã xây dựng huyện Triệu Sơn có diện

mạo khang trang, đời sống nhân dân ngày càng được nâng lên. Đến nay, huyện đã có 32/32 xã đạt chuẩn NTM (xã Minh Dân là một trong 3 xã điểm đầu tiên xây dựng NTM của tỉnh và đạt chuẩn NTM năm 2012, nay đã sáp nhập vào Thị trấn Triệu Sơn), huyện đạt 9/9 tiêu chí NTM; hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là giao thông, thủy lợi, trường học, cơ sở khám chữa bệnh đã đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân. Cơ cấu giá trị sản xuất chuyển dịch nhanh theo hướng tích cực, tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản ngày càng giảm; tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ ngày càng tăng; thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn huyện năm 2021 ước đạt 47,7 triệu đồng/người, gấp 3,61 lần năm 2010, khu vực nông thôn có mức thu nhập đạt 47,21 triệu đồng/người/năm (cao hơn so với mức bình quân chung của tỉnh). Tỷ lệ hộ nghèo từ 24,7% năm 2010 giảm xuống còn 0,89% năm 2020, số tiêu chí NTM bình quân toàn huyện tăng 13,7 tiêu chí/xã so với khi triển khai thực hiện Chương trình; giá trị sản phẩm trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2021 ước đạt 135 triệu đồng; nhiều mô hình sản xuất mới, hiệu quả cao trong nông nghiệp ngày càng phát triển như: Trồng hoa, cây cảnh, trồng dưa trong nhà màng áp dụng công nghệ cao, sản xuất rau an toàn, sản xuất lúa gạo VietGAP theo chuỗi liên kết, sản xuất chè sạch VietGAP đạt chuẩn sản phẩm OCOP 3 sao cấp tỉnh...

2. Thuận lợi

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM là chủ trương đúng đắn, thể hiện sự quan tâm và chăm lo của Đảng và Nhà nước đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn nên ngay từ khi Trung ương Đảng Khóa X ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW, hệ thống chính trị và nhân dân trong huyện rất đồng lòng và có quyết tâm cao để phấn đấu xây dựng huyện trở thành huyện NTM.

Trong giai đoạn vừa qua, Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương, UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, hướng dẫn kịp thời để thúc đẩy phong trào, tạo điều kiện để huyện thu hút và huy động nguồn lực tập trung phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng NTM.

Nhân dân trong huyện cần cù chịu khó, năng động sáng tạo, có kiến thức hăng say lao động, luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và điều hành của chính quyền là nguồn lực quyết định sự thành công trong xây dựng NTM.

Huyện có vị trí địa lý, mạng lưới giao thông rất thuận lợi để thu hút đầu tư phát triển công nghiệp; là vùng trọng điểm lúa của tỉnh, đất đai màu mỡ thuận lợi cho sản xuất trồng trọt, có vùng đồi bán sơn địa để phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, có di tích quốc gia và nhiều di tích lịch sử văn hóa để phát triển du lịch... là tiềm năng lớn để phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

Hệ thống kết cấu cơ sở hạ tầng như giao thông, thủy lợi, điện, trường học, hệ

thống cơ sở y tế, các thiết chế văn hóa đã được đầu tư xây dựng từ nhiều năm gần đây tạo nền tảng cho xây dựng NTM.

3. Khó khăn

Bước vào xây dựng NTM khi nền kinh tế chủ yếu là thuần nông, sản xuất manh mún, nhỏ lẻ; cơ sở hạ tầng còn yếu kém; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ chưa phát triển, thu nhập của người dân còn thấp.

Là huyện có số xã xây dựng NTM nhiều trên địa bàn tỉnh (32 xã); có 4 xã miền núi nghèo thuộc vùng khó khăn, số tiêu chí NTM chỉ đạt 3 tiêu chí/xã và có khoảng cách lớn so với các xã còn lại trong huyện.

Một số cấp ủy, chính quyền, đoàn thể ở cấp xã năng lực lãnh đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ còn hạn chế; đội ngũ cán bộ không đồng đều, trình độ chuyên môn chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao, cá biệt còn có một bộ phận cán bộ và người dân chưa hiểu hết được mục đích, ý nghĩa và mục đích của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM nên có tư tưởng trông chờ ỷ lại vào đầu tư của Nhà nước.

II. CĂN CỨ TRIỂN KHAI XÂY DỰNG HUYỆN NTM

1. Văn bản của Trung ương (Phụ biểu số 1)

2. Văn bản của tỉnh Thanh Hóa (Phụ biểu số 2)

III. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN XÂY DỰNG HUYỆN NTM

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Để đánh giá khách quan thực trạng của nông thôn đối với từng xã, dự báo mức độ hoàn thành các tiêu chí, triển khai các giải pháp xây dựng NTM, tập trung xóa nghèo bền vững, không ngừng cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống bằng các biện pháp đồng bộ, trong đó trọng tâm là phát triển sản xuất; công tác chỉ đạo, điều hành đã được triển khai đồng bộ từ huyện đến xã, thôn.

1.1. Thành lập, kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình

Năm 2011, huyện đã hoàn thành việc lập bộ máy chỉ đạo xây dựng NTM từ huyện, xã đến thôn. Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM huyện đã được thành lập và kiện toàn khi có thay đổi nhân sự của cấp ủy, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể và luôn đảm bảo duy trì hoạt động thường xuyên với 36 thành viên do đồng chí Bí thư Huyện ủy làm Trưởng ban, Ban Chỉ đạo đã ban hành quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cho các thành viên để chỉ đạo các ban, phòng, ngành, mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, các xã tiến hành rà soát từng tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng xã NTM tại các địa phương, hướng dẫn các xã xây dựng kế hoạch và lộ trình thực hiện xây dựng NTM. Thành lập Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng NTM huyện theo Quyết định số 1996/QĐ-

TTg ngày 04/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ do đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện phụ trách nông nghiệp làm Chánh Văn phòng.

Ban Chỉ đạo xây dựng NTM huyện duy trì chế độ giao ban định kỳ hàng quý, sơ kết 6 tháng, tổng kết hằng năm và 5 năm để đánh giá tình hình thực hiện xây dựng NTM, chỉ rõ những tồn tại hạn chế, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện, xác định nguyên nhân, đề ra các giải pháp để chỉ đạo thực hiện trong năm tiếp theo. Sau mỗi hội nghị giao ban, sơ kết, tổng kết, Ban Chỉ đạo đều có thông báo kết luận để tập trung chỉ đạo thực hiện đạt hiệu quả cao hơn.

Ban Chỉ đạo xây dựng NTM xã, Ban Phát triển thôn cũng được thành lập và đi vào hoạt động nề nếp, có hiệu quả ở 35/35 xã (nay là 32 xã).

Ngoài ra các xã đã thành lập Ban Quản lý Chương trình xây dựng NTM để huy động và sử dụng các nguồn lực thực hiện Chương trình xây dựng NTM. Vì vậy các nguồn lực luôn được huy động phục vụ cho Chương trình được sử dụng đúng quy định, đúng mục đích và có hiệu quả cao.

Đối với các xã có khó khăn, đồng chí Bí thư huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện trực tiếp kiểm tra và làm việc tại xã, HĐND huyện đã ban hành cơ chế hỗ trợ kịp thời để giúp các xã tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy phong trào. Các phòng, ngành chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ được giao đã ban hành các văn bản, trực tiếp hướng dẫn và đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí ở xã do phòng, ngành phụ trách. Các xã đã ban hành nghị quyết, kế hoạch cụ thể để chỉ đạo thực hiện Chương trình xây dựng NTM. Ban Chỉ đạo huyện đã thành lập Tiểu ban hoàn thiện hồ sơ huyện đạt chuẩn NTM trình Tỉnh thẩm tra, Trung ương thẩm định huyện đạt chuẩn NTM năm 2021 theo quy định.

Để xác định được lộ trình xây dựng NTM một cách khoa học, phù hợp với điều kiện thực tế, huyện đã chỉ đạo các phòng, ban, ngành phụ trách tiêu chí hướng dẫn và phối hợp với các xã rà soát chi tiết mức độ đạt chuẩn từng tiêu chí NTM của 32/32 xã, chỉ ra những nội dung công việc cần phải hoàn thiện, từ đó xây dựng kế hoạch thực hiện, phương án huy động nguồn lực hợp lý, hiệu quả. Các xã đã ban hành Nghị quyết chuyên đề, xây dựng Đề án, Kế hoạch cụ thể để chỉ đạo, thực hiện Chương trình xây dựng NTM tại đơn vị.

Nhằm phát hiện, uốn nắn những yếu kém tại cơ sở và có biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, hàng năm Ban Thường vụ Huyện ủy, HĐND huyện, UBND huyện, Thường trực Ban Chỉ đạo huyện đã tổ chức thành lập các đoàn kiểm tra, giám sát tại các xã về thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM. Qua công tác kiểm tra đã phát hiện và tham mưu cho Huyện ủy, UBND, Thường trực Ban Chỉ đạo huyện lãnh đạo, xử lý kịp thời những yếu kém, khuyết điểm trong tổ chức xây dựng NTM, quản lý sử dụng vốn hỗ trợ, nợ đầu tư xây dựng cơ bản của các xã, điều chỉnh thời gian đạt chuẩn đối với những đơn vị chưa thực sự đủ điều

kiện vững mạnh toàn diện. Chấn chỉnh tư duy nóng vội, huy động nguồn lực quá sức dân và ngân sách xã hay tư tưởng trông chờ, ỷ lại, chưa quyết tâm, quyết liệt trong chỉ đạo thực hiện các tiêu chí NTM. Đồng thời nhân rộng, cổ vũ những cách làm hay, sáng tạo của các xã trong toàn huyện, mỗi năm thực hiện kiểm tra và giám sát thường xuyên tại 10 đến 12 xã. Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội của huyện tích cực tham gia thực hiện hiệu quả công tác giám sát các nội dung xây dựng NTM trên địa bàn.

1.2. Ban hành các văn bản chỉ đạo

Trong ba kỳ Đại hội Đảng bộ huyện, khóa 16 (nhiệm kỳ 2010-2015), khóa 17 (nhiệm kỳ 2015-2020) và khóa 18 (nhiệm kỳ 2020-2025), đều chọn Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM là Chương trình trọng tâm để lãnh đạo, chỉ đạo. Ban Chấp hành Đảng bộ đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, trong đó có một số văn bản chủ yếu như: Chỉ thị số 15-CT/HU ngày 31/10/2012 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm tại hộ gia đình theo hướng nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm, an toàn dịch bệnh và vệ sinh môi trường, giai đoạn 2012-2016; Quyết định số 675-QĐ/HU ngày 28/4/2016 của Huyện ủy ban hành Chương trình đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất gắn với tái cơ cấu kinh tế huyện Triệu Sơn giai đoạn 2016-2020; Chương trình hành động số 64-CTr/HU ngày 02/4/2019 của Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình số 12-CTr/HU ngày 16/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM trên địa bàn huyện Triệu Sơn giai đoạn 2021-2025....

Để xây dựng NTM, cấp ủy, chính quyền huyện đã ban hành 38 văn bản (nghị quyết, chỉ thị, chương trình, kế hoạch, đề án) để lãnh đạo, chỉ đạo (*Phụ biểu số 3*).

Huyện ủy, HĐND, UBND, Mặt trận tổ quốc huyện đã lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai cuộc vận động và phát động phong trào thi đua “*Toàn dân chung sức xây dựng NTM*” tới các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và cộng đồng dân cư.

** Công tác chỉ đạo, điều hành được tập trung vào những chương trình trọng tâm:*

Thực hiện Quyết định số 675-QĐ/HU ngày 28/4/2016 của Huyện ủy ban hành Chương trình đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất gắn với tái cơ cấu kinh tế huyện Triệu Sơn giai đoạn 2016- 2020; Thực hiện Chương trình hành động số 13-CTr/HU ngày 14/3/2016 của Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện Nghị quyết số 16- NQ/TU ngày 20/4/2015 của Ban Chấp

hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa về tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững; Chương trình hành động số 64-CTr/HU ngày 02/4/2019 của Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; UBND huyện đã ban hành các đề án, phương án để thực hiện, kết quả:

- Từ năm 2016 đến nay huyện đã thực hiện chuyển đổi linh hoạt được trên 2.500 ha diện tích đất lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn; từ năm 2019 đến nay huyện đã tích tụ, tập trung được 1.051 ha đất để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao. Bước đầu đã hình thành được 4 vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn với tổng diện tích 6.559 ha (vùng sản xuất lúa năng suất chất lượng hiệu quả cao tập trung 6.000 ha; vùng sản xuất rau an toàn tập trung 9 ha; vùng sản xuất hoa cây cảnh 250 ha, vùng sản xuất chè 300 ha). Giai đoạn 2010-2021 huyện đã liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm với diện tích 7.000 ha, tổng giá trị liên kết khoảng 800 tỷ đồng; năm 2021, toàn huyện đã liên kết sản xuất 800 ha cây trồng các loại (lúa, khoai tây, bí xanh, ớt, ngô), trong đó cây lúa liên kết 600 ha, cây trồng khác 200 ha.

- Hàng năm, đàn lợn toàn huyện duy trì từ 60.000- 65.000 con, đàn trâu bò duy trì từ 13.500- 16.000 con, đàn gia cầm từ 1- 1,2 triệu con. Trên địa bàn hiện có 214 trang trại, gia trại; tổng vốn đầu tư của các trang trại, gia trại bình quân từ 2,5- 5 tỷ đồng; thu nhập bình quân mỗi trang trại đạt từ 500- 700 triệu đồng/năm và đã giải quyết việc làm thường xuyên cho trên 724 lao động với mức thu nhập bình quân từ 6- 8 triệu đồng/người/tháng. Mỗi năm ngành chăn nuôi cho sản lượng thịt hơi các loại đạt trên 15 ngàn tấn và trên 17 triệu quả trứng, đáp ứng nhu cầu thực phẩm của nhân dân và cung cấp cho thị trường. Giá trị ngành chăn nuôi năm 2021 ước đạt 617 tỷ đồng, chiếm 30,2% trong tổng giá trị sản xuất nội bộ ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản.

- Dựa trên điều kiện thực tế và các loại cây trồng, vật nuôi có lợi thế của địa phương, huyện đã xác định các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện (trên cơ sở sản phẩm chủ lực của tỉnh) gồm: Gạo, thịt lợn, thịt và trứng gia cầm, rau quả, gỗ và các sản phẩm từ gỗ, trâu bò thịt. Ngoài các sản phẩm chủ lực, trên địa bàn huyện có các sản phẩm lợi thế đang được mở rộng và phát triển như: Hoa cây cảnh (đào, quýt, cây cảnh các loại, hoa các loại...), các sản phẩm từ cây chè, các sản phẩm từ thủy sản nước ngọt (cá, trạch, ốc, ếch...). Trong những năm qua sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện có những chuyển biến tích cực, giá trị sản xuất nông nghiệp gia tăng nhờ việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mở rộng diện tích sản xuất cây hàng hóa, nâng cao giá trị, hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích.

- Huyện đã chỉ đạo điểm xây dựng các Hợp tác xã (HTX) kiểu mới hoạt động có hiệu quả gắn sản xuất với liên kết tiêu thụ nông sản như: Có 7 HTX làm dịch vụ mạ khay cấy máy; 2 HTX dịch vụ nông nghiệp liên kết sản xuất và tiêu thụ rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGap với các siêu thị, cửa hàng, bếp ăn tập thể; 34 HTX đã triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), hiện đã có 6 sản phẩm (Chè sạch Bình Sơn, Mật ong hoa rừng nguyên chất Bình Sơn, Trà xanh túi lọc Bình Sơn và Trà cà gai leo Bình Sơn của xã Bình Sơn, Si ro Sâm Bào, Viên nang Sâm Bào của xã Thái Hòa) được tỉnh công nhận đạt sản phẩm OCOP 3 sao cấp tỉnh.

Thực hiện Quyết định số 674-QĐ/HU ngày 28/4/2016 của Huyện ủy ban hành Chương trình phát triển công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ gắn với phát triển đô thị huyện Triệu Sơn giai đoạn 2016- 2020; UBND huyện đã ban hành các đề án, phương án để thực hiện, kết quả:

- Đã thành lập 02 cụm công nghiệp (CCN) gồm CCN Hợp Thắng, CCN liên xã Dân Lực - Dân Lý - Dân Quyền và thu hút được các doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất. Đến nay, toàn huyện có 70 doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, hoạt động hiệu quả và tạo việc làm cho trên 20.000 lao động, tiêu biểu như: Công ty TNHH Sơn Trung Hiếu có tổng mức đầu tư 65 tỷ; Công ty TNHH Triệu Thái Sơn có tổng mức đầu tư khoảng 90 tỷ; mở rộng nhà máy may Dream FVina xã Đồng Lợi có tổng mức đầu tư 11 tỷ đồng; Mở rộng dự án Nhà máy sản xuất, gia công dày dếp tại xã Thọ Dân của Công ty TNHH giấy ALERON Việt Nam với diện tích 10ha, tổng mức đầu tư 450 tỷ đồng,...

- Đến 30/9/2021, toàn huyện có 493 doanh nghiệp đang hoạt động (trong đó có 6 doanh nghiệp FDI giải quyết việc làm cho trên 15.000 lao động có thu nhập ổn định); có 4 làng nghề sản xuất hàng tiểu thủ công nghiệp với trên 450 hộ tham gia.

- Toàn huyện có 6.561 cơ sở hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ ở khu vực nông thôn, tăng 3.301 cơ sở so với năm 2010; các ngành dịch vụ phát triển mạnh như: Bưu chính viễn thông, vận tải, bán buôn, bán lẻ, khách sạn nhà hàng..., tạo việc làm cho trên 18.000 lao động.

1.3. Cơ chế hỗ trợ khuyến khích xây dựng NTM

Cùng với các chính sách của Trung ương, của Tỉnh, HĐND huyện đã ban hành các cơ chế hỗ trợ nhằm thực hiện có hiệu quả Chương trình, cụ thể:

- Nghị quyết số 171/NQ-HĐND, ngày 05/4/2011 của HĐND huyện về cơ chế hỗ trợ khuyến khích phát triển giao thông nông thôn huyện Triệu Sơn năm 2011.

- Nghị quyết số 27/2012/NQ-HĐND, ngày 14/7/2012 của HĐND huyện về cơ chế hỗ trợ khuyến khích phát triển giao thông nông thôn huyện Triệu Sơn năm 2012.

- Quyết định số 2549/QĐ-UBND ngày 31/10/2012 của UBND huyện về việc ban hành một số cơ chế hỗ trợ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013-2016;

- Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND, ngày 17/10/2016 của HĐND huyện về cơ chế khuyến khích hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2017-2021.

- Nghị quyết số 31/NQ-HĐND, ngày 25/12/2017 của HĐND huyện về cơ chế khuyến khích hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Triệu Sơn giai đoạn 2018- 2021;

- Nghị quyết số 52/2019/NQ-HĐND ngày 03/7/2019 của HĐND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung cơ chế hỗ trợ các xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019 và 2020 trên địa bàn huyện.

- Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 06/7/2020 của HĐND huyện về hỗ trợ xây dựng các công trình cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 trên địa bàn huyện.

- Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 25/12/2020 của HĐND huyện về thông qua điều chỉnh, bổ sung Phương án khuyến khích, hỗ trợ các xã đang xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020;

- Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 25/12/2020 của HĐND huyện về việc thông qua Phương án hỗ trợ xây dựng xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu, thôn nông thôn mới kiểu mẫu và sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện giai đoạn 2020-2025;

Đến nay tổng số tiền hỗ trợ từ ngân sách huyện giai đoạn 2011-2020 là 672 tỷ đồng góp phần quan trọng vào xây dựng NTM và phát triển kinh tế - xã hội. Những cơ chế hỗ trợ của huyện đã trở thành động lực thu hút đầu tư và huy động nguồn lực đóng góp của nhân dân, doanh nghiệp tạo khí thế thi đua sôi nổi thúc đẩy phong trào phát triển sản xuất và xây dựng NTM trong toàn huyện.

2. Công tác tuyên truyền, đào tạo, tập huấn

2.1. Công tác tuyên truyền

Ngay từ khi triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, Ban Chỉ đạo từ huyện đến xã đã chú trọng công tác tuyên truyền các chủ trương của Đảng, cơ chế chính sách của Trung ương, địa phương về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM đến với nhân dân. Công tác tuyên truyền được triển khai sâu rộng và bằng nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú như: Trung tâm Chính trị huyện đã lồng ghép đưa chuyên đề xây dựng NTM vào chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên hàng năm ở các xã, thị trấn; Hội Phụ nữ huyện tổ chức hội thi “Phụ nữ chung tay xây dựng NTM” từ cấp cơ sở lên cấp huyện, thu hút đông đảo quần chúng nhân dân

tham gia cổ vũ cho hội thi,...; tuyên truyền qua Bản tin thông tin nội bộ của Huyện ủy; trang thông tin điện tử huyện với 1.254 tin bài phát thanh, trên 1.350 bài trên trang thông tin điện tử, 450 lượt tuyên truyền cổ động bằng xe lưu động; tuyên truyền trực quan bằng các cụm tin, băng zon, khẩu hiệu, xây dựng được 245 cụm tin lớn, 6.756 pano, 8.670 băng ron, 6.830 khẩu hiệu tường,...

Tất cả các xã trên địa bàn huyện đã xây dựng cụm, tuyến tuyên truyền điểm nhằm tuyên truyền bằng các hình thức trực quan và tạo nên cảnh quan đẹp cho mỗi vùng quê. Hệ thống Đài Truyền thanh huyện, xã đã mở các chuyên trang, chuyên mục hàng tuần và tăng thời lượng để tuyên truyền về xây dựng NTM; ngoài ra còn phối kết hợp tuyên truyền trên báo, đài của tỉnh, của Trung ương để phản ánh quá trình xây dựng NTM, nêu gương các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong phát triển sản xuất, hiến đất, góp công, gương mẫu đi đầu xây dựng NTM. Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể trong hoạt động thường xuyên đã phát động thi đua, tuyên truyền đến các tầng lớp nhân dân, đoàn viên, hội viên, hưởng ứng phong trào “Chung sức xây dựng NTM”, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”,... tuyên truyền những nhân tố mới, mô hình mới, cách làm hay, tuyên truyền những thành quả, kết quả đạt được trong thực hiện xây dựng NTM.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, xây dựng đô thị văn minh”; tổ chức lễ phát động “Toàn dân chung tay xây dựng NTM” có đại diện các xã tham gia ký kết giao ước thi đua xây dựng NTM.

Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện đã chủ động tích cực tham gia xây dựng NTM bằng các phong trào, các hoạt động thiết thực như: thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”, cuộc vận động xây dựng “Mái ấm tình thương” đã hỗ trợ xây mới và sửa chữa 50 nhà xuống cấp, dột nát tổng trị giá 745 triệu; tổ chức các hội thi “Phụ nữ chung tay xây dựng NTM”, “Phụ nữ Triệu Sơn với vệ sinh an toàn thực phẩm”, phát động mô hình “Trồng hoa thay thế cỏ dại ven đường” đã trồng được 226 km dài đường hoa, xây dựng được 15 mô hình “Tuyến đường mẫu”; hỗ trợ thành lập 05 HTX, 03 tổ hợp tác về chăn nuôi, sản xuất và, thu gom rác thải; thành lập 16 CLB “Tự quản về vệ sinh an toàn thực phẩm”; Phối hợp tỉnh tổ chức 49 lớp sơ cấp nghề cho 1.470 hội viên; vận động gia đình hội viên, phụ nữ và Nhân dân hiến 100.000m² đất mở rộng nền đường, đặt 8.000 thùng rác thải tại khu dân cư, mua 7.917 thẻ BHYT, 49 sổ BHXH tự nguyện. Trong 12 năm qua Hội đã giúp 1.256 hộ nghèo thoát nghèo, trong đó có 445 hộ do phụ nữ làm chủ, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện xuống còn 0,89%, và hoàn thành tiêu chí số 9, 10, 11, 12, 17 trong xây dựng xã đạt chuẩn NTM.

Hội Cựu Chiến binh huyện đã tuyên truyền vận động cán bộ, hội viên thực hiện phong trào thi đua “Cựu chiến binh gương mẫu”. tích cực hưởng ứng cuộc

vận động “Toàn dân đoàn kết chung sức xây dựng NTM”; là lực lượng nòng cốt động viên hội viên và nhân dân hiến hơn 120.000 m² đất làm đường giao thông nông thôn; huy động hơn 3.500 ngày công tham gia vệ sinh môi trường với 182 tổ bảo vệ môi trường sông, hồ; xây dựng 254 “Tổ an ninh tự quản” phối hợp với công an bảo đảm ANTT ở địa phương; triển khai thực hiện tốt phong trào “Cựu chiến binh giúp nhau giảm nghèo bền vững” đã giúp nhau giảm 826 hộ gia đình hội viên nghèo; thực hiện cuộc vận động “làm nhà nghĩa tình Cựu chiến binh” hơn 12 năm qua đã vận động hội viên xây dựng quỹ xóa được 26 nhà dột nát với số tiền 986 triệu đồng góp phần cùng toàn huyện xây dựng NTM.

Đoàn thanh niên đã phát huy tinh thần xung kích, tình nguyện của tuổi trẻ, đi đầu tham gia thực hiện tốt các tiêu chí về xây dựng NTM. Đã thường xuyên tuyên truyền, vận động cán bộ, đoàn viên thanh niên và Nhân dân hưởng ứng tích cực “Phong trào chung tay xây dựng NTM”, huy động hàng vạn ngày công để thực hiện các chiến dịch làm sạch môi trường, đăng tải trên 537 tin, bài tuyên truyền về các hoạt động tham gia xây dựng NTM của thanh niên trên các phương tiện thông tin đại chúng; phối hợp với Đài Truyền thanh huyện giới thiệu, tuyên truyền các gương đoàn viên thanh niên tiêu biểu trong sản xuất, kinh doanh... trong phong trào xây dựng NTM.

Hội Nông dân huyện tích cực tuyên truyền, vận động hội viên, nông dân đóng góp xây dựng, tu sửa, làm mới đường giao thông nông thôn, giao thông và kênh mương nội đồng, nhà văn hóa thôn...; chỉnh trang và xây mới nhà ở dân cư. Đồng thời, phát động, hướng dẫn hội viên, nông dân xây dựng gia đình văn hóa, bình quân mỗi năm có trên 23.000 hộ nông dân đạt danh hiệu gia đình văn hóa (đạt 85,7%). Các cấp hội đã triển khai, hướng dẫn hội viên, nông dân sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường, ký cam kết thực hiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường; không sử dụng chất cấm trong sản xuất, chế biến, kinh doanh: Tổ chức lắp đặt được 2.326 bể chứa vỏ thuốc bảo vệ thực vật và tổ chức thu gom; xây dựng 34 mô hình phân loại và xử lý rác hữu cơ; xây dựng 16 cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn. Bên cạnh đó, các cấp hội đã tập trung vận động, hướng dẫn, hỗ trợ hội viên, nông dân phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, góp phần đạt tiêu chí “thu nhập bình quân đầu người” theo chuẩn NTM. Trong đó, các cấp hội đã tích cực tổ chức các hoạt động hỗ trợ nông dân; duy trì và phát huy rất hiệu quả phong trào thi đua “Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”, coi đây là lực lượng nòng cốt tham gia chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát huy nội lực, xóa đói, giảm nghèo, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân ở nông thôn: Có hơn 13.000 hộ nông dân đạt danh hiệu sản xuất kinh doanh giỏi các cấp, chuyển đổi hơn 2.500 ha đất lúa sang cây trồng khác

hoặc kết hợp nuôi trồng thủy sản, xây dựng 152 mô hình phát triển sản xuất; phối hợp với các ngân hàng cho hơn 13.000 gia đình hội viên nông dân vay hơn 800 tỷ đồng phục vụ sản xuất và đời sống.

Liên Đoàn lao động huyện đã triển khai đến cơ sở chú trọng công tác tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, cơ chế chính sách của Trung ương, địa phương về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM đến với đông đảo đoàn viên, công nhân viên chức lao động và các tầng lớp Nhân dân.

2.2. Công tác đào tạo, tập huấn

Hàng năm Ban Chỉ đạo đã cử thành viên Ban Chỉ đạo, cán bộ phụ trách NTM huyện, trưởng, phó Ban Chỉ đạo xã, cán bộ theo dõi NTM xã tham gia các lớp tập huấn kiến thức NTM do cấp tỉnh và Trung ương tổ chức. Trong 12 năm qua, huyện đã phối hợp với Văn phòng Điều phối Chương trình NTM tỉnh mở được 12 lớp tập huấn kiến thức cho hơn 500 lượt cán bộ tham gia, mở 22 lớp tập huấn với hơn 1.230 học viên là Bí thư, Chủ tịch, Cán bộ phụ trách nông thôn mới các xã, Ban phát triển các thôn; tổ chức 15 cuộc tham quan cho Ban chỉ đạo huyện, xã đi học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh. Trung tâm Chính trị huyện đã lồng ghép đưa chuyên đề xây dựng NTM vào chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị cho tất cả cán bộ, đảng viên hàng năm ở các xã, thị trấn.

Sau mỗi đợt tập huấn Thường trực Ban Chỉ đạo huyện đã tổ chức cho các học viên đi thăm quan các mô hình xây dựng NTM tại các huyện trong và ngoài tỉnh. Ngoài ra ở hầu hết các xã cũng đã tự tổ chức cho đội ngũ cán bộ xã, thôn đi thăm quan, học hỏi trao đổi kinh nghiệm ở các xã tiêu biểu trong huyện, trong tỉnh và ngoài tỉnh về tổ chức, chỉ đạo thực hiện xây dựng NTM, phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp và ngành nghề nông thôn để vận dụng vào địa phương mình trong quá trình triển khai thực hiện.

Nhìn chung, đến nay hầu hết cán bộ chủ chốt và cán bộ công chức làm công tác xây dựng NTM từ huyện đến cơ sở đã được đào tạo, bồi dưỡng những kiến thức cơ bản về xây dựng NTM, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng NTM trên địa bàn huyện

3.1. Về huy động nguồn vốn

Trong quá trình triển khai chương trình xây dựng NTM trên địa bàn, huyện đã quan tâm, chú trọng huy động tối đa nguồn lực để đầu tư xây dựng NTM. Ngoài nguồn lực ngân sách nhà nước các cấp (trực tiếp và lồng ghép), huyện đã chỉ đạo các xã, thôn chủ động vận động các nguồn lực khác, nhất là nguồn lực của cộng đồng dân cư, doanh nghiệp, con em xa quê thành đạt. Tổng nguồn vốn được huy

động giai đoạn 2010-2020 để xây dựng NTM trên toàn huyện đạt 9.753 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

- Ngân sách Trung ương: 786,3 tỷ đồng, chiếm 8,06%;
- Ngân sách tỉnh: 247,6 tỷ đồng, chiếm 2,54%;
- Ngân sách huyện: 672 tỷ đồng, chiếm 6,89%;
- Ngân sách xã: 1.352 tỷ đồng, chiếm 13,86%;
- Doanh nghiệp, HTX: 178,4 tỷ đồng, chiếm 1,83%;
- Vốn vay các tổ chức tín dụng: 872,7 tỷ đồng, chiếm 8,95%;
- Vốn lồng ghép từ các chương trình dự án: 835,8 tỷ đồng, chiếm 8,57%;
- Nhân dân tham gia đóng góp để xây dựng công trình công cộng (tiền mặt 4.807,9 tỷ đồng, chiếm 49,3%, trong đó:
 - + Đóng góp tiền mặt: 986,2 tỷ đồng, chiếm 20,51%
 - + Ngày công lao động: 27,4 tỷ đồng (137.000 công lao động), chiếm 0,57%;
 - + Hiến đất (32,78 ha); quy ra tiền: 42,82 tỷ đồng, chiếm 0,89%;
 - + Xây dựng nhà cửa, chỉnh trang vườn tạp: 3.062,52 tỷ đồng, chiếm 76,29%
 - Nguồn khác (con em xa quê): 83,74 tỷ đồng, chiếm 1,74%.

3.2. Về quản lý và sử dụng nguồn vốn

Việc quản lý, phân bổ và sử dụng nguồn vốn đầu tư do ngân sách nhà nước cho Chương trình xây dựng NTM là một nội dung quan trọng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và hoàn thiện cơ sở hạ tầng nông thôn. Để đảm bảo quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư, HĐND, UBND huyện đã phân bổ, quản lý, sử dụng đảm bảo đúng nguyên tắc, đúng mục đích, đúng đối tượng. Ngân sách huyện ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hoàn thiện các tiêu chí giao thông, thủy lợi, đường điện ánh sáng, trường học, trạm y tế, cơ sở vật chất văn hóa xã, thôn, đầu tư phát triển sản xuất.

Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án huyện đã chỉ đạo các xã, thị trấn tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm ưu tiên đầu tư các công trình phục vụ phát triển sản xuất, dân sinh như: Công trình kiên cố hóa kênh mương, công trình nước sạch, xử lý rác thải, giao thông, trường học, trạm y tế, sân vận động, nhà văn hóa...

Việc huy động nguồn đóng góp của nhân dân phục vụ xây dựng NTM được thực hiện theo phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân hưởng thụ" với sự huy động đúng mức, đảm bảo công khai, dân chủ đã khơi dậy nguồn lực và sự chủ động tham gia của người dân vào việc kiến thiết, xây dựng quê hương. Nhiều xã đã có cách làm sáng tạo trong huy động nguồn lực của nhân dân, động viên con em xa quê thành đạt hỗ trợ kinh phí cùng với vốn lồng ghép các chương trình dự án để

xây dựng nhiều công trình phúc lợi ở thôn, xã. Các nguồn vốn được quản lý chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả và đúng mục đích, công khai minh bạch.

Các công trình đầu tư xây dựng cơ bản thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM trên địa bàn các xã đều được huyện thẩm định nguồn vốn đối ứng để đảm bảo hoàn thành dự án, vì vậy, các công trình đầu tư xây dựng cơ bản thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM trên địa bàn các xã trong huyện được quản lý xây dựng đảm bảo tiến độ, chất lượng tốt, phát huy hiệu quả đầu tư.

IV. KẾT QUẢ XÂY DỰNG NTM CỦA HUYỆN

1. Số xã đạt chuẩn NTM

- Tổng số xã trên địa bàn huyện: 32 xã; số xã được công nhận đạt chuẩn NTM: 32/32 xã, đạt tỷ lệ 100%, *(có danh sách các xã được công nhận đạt chuẩn NTM kèm theo)*, trong đó:

Số xã công nhận đạt chuẩn NTM trước năm 2017 theo Bộ tiêu chí quốc gia tại Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 4296/QĐ-UBND ngày 04/12/2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa là 11 xã (có xã Minh Dân đã sáp nhập vào Thị trấn Triệu Sơn năm 2019).

Số xã công nhận đạt chuẩn NTM từ năm 2017 đến nay theo Bộ tiêu chí quốc gia tại quyết định số 1980/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 1415/2017/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa là 23 xã (có xã Tân Ninh đã thành lập Thị trấn Nưa năm 2019).

Theo Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa, từ tháng 12/2019 đến nay huyện Triệu Sơn có 32 xã và 2 thị trấn (thành lập thị trấn Nưa trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số xã Tân Ninh; xã Minh Dân và xã Minh Châu sáp nhập vào Thị trấn Triệu Sơn).

2. Một số kết quả chủ yếu xây dựng NTM của các xã

2.1. Công tác lập quy hoạch và tổ chức quản lý thực hiện quy hoạch

* Giai đoạn 2011 - 2020:

Quy hoạch được xác định là nội dung cần được triển khai trước một bước để định hướng cho xây dựng NTM, do đó huyện đã tập trung chỉ đạo và đến cuối năm 2012 các xã trong toàn huyện đã hoàn thành xong công tác lập quy hoạch và xây dựng đề án NTM được UBND huyện phê duyệt, ban hành quy chế quản lý theo quy định. Sau khi được duyệt đã tổ chức công bố, công khai quy hoạch và cắm mốc quy hoạch, quản lý thực hiện quy hoạch tạo điều kiện thuận lợi cho các xã trong việc triển khai thực hiện hoạt động xây dựng NTM.

Toàn huyện đã có 35/35 xã (trước sáp nhập) tiến hành hợp đồng các đơn vị tư vấn triển khai thu thập số liệu, khảo sát đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội của

địa phương. Trên cơ sở phân tích số liệu, lập dự thảo quy hoạch, các xã đều tổ chức lấy ý kiến tham gia của đảng bộ và nhân dân về việc lập quy hoạch xây dựng NTM. Ban Chỉ đạo huyện đã thành lập các tổ công tác, xuống từng xã để nghe và góp ý kiến trực tiếp để đơn vị tư vấn cùng với UBND xã bổ sung vào đồ án quy hoạch, đảm bảo tính sát thực, phù hợp với điều kiện và tiềm năng lợi thế của từng địa phương.

Đồ án quy hoạch xây dựng NTM của các xã được các phòng: Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Công thương (nay là Kinh tế và Hạ tầng), Giáo dục và Đào tạo, Văn hoá - Thông tin huyện tham gia chỉnh sửa, thẩm định và trình Chủ tịch UBND huyện phê duyệt. Đến tháng 6/2012 đã có 35/35 xã được Chủ tịch UBND huyện ra Quyết định phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng NTM giai đoạn 2011-2020.

Trên cơ sở quy hoạch xây dựng NTM đã được phê duyệt, Ban Chỉ đạo huyện tập trung chỉ đạo các xã triển khai công tác lập Đề án xây dựng NTM. Đến tháng 12/2012, đã có 100% số xã được Chủ tịch UBND huyện Quyết định phê duyệt Đề án xây dựng NTM. Các xã đã công bố, công khai rộng rãi và tiến hành cắm mốc giới theo quy hoạch được phê duyệt, thực hiện quản lý quy hoạch xây dựng NTM theo quy hoạch và đề án đã được phê duyệt. 100% số xã đã xây dựng Quy chế quản lý quy hoạch. Trong quá trình thực hiện do có nhiều biến động về phát triển kinh tế - xã hội và sử dụng đất các xã đã tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch nhằm đáp ứng yêu cầu của bộ tiêu chí mới và tình hình thực tế, phù hợp với các quy hoạch của huyện theo vùng, theo ngành, đảm bảo với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp; kết hợp xây dựng NTM với từng bước đô thị hóa, xây dựng cơ sở hạ tầng, đã nhận được sự đồng thuận cao của cộng đồng dân cư nông thôn, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng NTM.

* Giai đoạn 2021 - 2030:

Thực hiện Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa, hiện nay huyện Triệu Sơn có 32 xã và 02 thị trấn, theo Kế hoạch xây dựng NTM huyện Triệu Sơn, toàn huyện có 24 xã phải lập quy hoạch chung xây dựng xã giai đoạn 2021-2030, 8 xã nằm trong vùng quy hoạch đô thị (đã thực hiện quy hoạch), đến nay 24/24 xã đã có quy hoạch chung xây dựng xã đến năm 2030 được duyệt, đã công bố công khai quy hoạch và ban hành quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch.

Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.

2.2. Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội

2.2.1. Giao thông

Tổng chiều dài đường giao thông nông thôn trên địa bàn huyện năm 2010 là 2.963,6km, trong đó: Đường huyện, đường từ xã đến huyện dài 81,5km; đường xã dài 420,3km; đường trục thôn, liên thôn dài 818,8km; đường ngõ, xóm dài 1.098km và đường trục chính nội đồng 545km.

Thời điểm bắt đầu triển khai xây dựng NTM, hệ thống giao thông nông thôn quy mô nhỏ, tỷ lệ cứng hóa thấp chưa đáp ứng được nhu cầu đi lại sản xuất, dân sinh cũng như tiêu chí NTM. Đường xã nhựa hóa, bê tông hóa 181km (đạt 43,06%); đường trục thôn, liên thôn 348km (đạt 42,5%); đường ngõ, xóm 473km (đạt 43,06%); đường trục chính giao thông nội đồng 101km (đạt 18,53%); còn lại chủ yếu là đường cấp phối, đường đất, nhiều tuyến đường bị ngập úng, lầy lội vào mùa mưa; đường trục chính nội đồng chủ yếu là đường đất, nền và mặt đường nhỏ, hẹp.

Tổng nguồn vốn huy động để làm đường xã, đường trục thôn, liên thôn, ngõ xóm và đường nội đồng từ năm 2010 đến 2021 là 565,27 tỷ đồng; trong đó vốn tỉnh và Trung ương là 92,21 tỉ đồng, vốn huyện 19,72 tỉ đồng, vốn xã 288,21 tỉ đồng, nhân dân đóng góp 165,14 tỉ đồng.

Ngoài nguồn hỗ trợ khuyến khích phát triển giao thông nông thôn, kích cầu giao thông nội đồng của tỉnh và hỗ trợ xi măng của Chương trình xây dựng NTM, các xã đã huy động nhân dân hiến đất, đóng góp ngày công lao động, cùng với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác đã thực hiện bê tông hóa, nhựa hóa xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp đường giao thông trong thôn và đường nội đồng kết quả đã nâng cấp, xây mới 181km đường xã, 348km đường liên thôn, 473km đường ngõ xóm, 101km đường giao thông nội đồng. Hầu hết các tuyến đường có quy mô chiều rộng nền, mặt đường đảm bảo đạt chuẩn theo quy định. Các xã thường xuyên phát động nhân dân, các tổ chức đoàn thể tham gia phong trào làm vệ sinh môi trường các tuyến đường; vận động nhân dân tháo dỡ vi phạm hành lang an toàn giao thông dưới lòng, lề đường, vỉa hè; phát động nhân dân trồng cây bóng mát, trồng hoa ven đường tạo cảnh quan khu dân cư; công tác duy tu, bảo trì được thực hiện thường xuyên.

Kết quả thực hiện sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa theo Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Đường trục xã, liên thôn: Có 420,3/420,3km đường được nhựa hóa, bê tông hóa đạt chuẩn 100%; đảm bảo ô tô đi lại quanh năm, $B_n = 6,5m$, $B_m = 3,5m$; đạt 100%.

- Đường thôn, trục thôn có 794,5/818,8km được bê tông hóa, đạt 97,03%; đảm bảo ô tô đi lại quanh năm, $B_n = 4,0m$, $B_m = 3,0m$; đạt 100%.

- Đường ngõ xóm 1.047/1.098km được bê tông hóa đạt 95,36%; sạch và không lầy lội vào mùa mưa, $B_n = 4,0m$, $B_m = 3,0m$.

- Đường trục chính nội đồng 449/545km được bê tông hóa, cứng hóa đạt 82,38%, đảm bảo vận chuyển hàng hoá thuận tiện quanh năm.

Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.

2.2.2. Thủy lợi

Năm 2010 toàn huyện có 594,6 km kênh mương nội đồng, trong đó kênh nội đồng do thị trấn quản lý là 5 km, tỷ lệ tưới tiêu toàn huyện đạt 84,4% (21.422,32ha/25.391,52 ha) diện tích đất nông nghiệp hàng năm. Tỷ lệ kiên cố hóa kênh nội đồng mới đạt 33,9% (201,73 km). Hệ thống tiêu của huyện chủ yếu tiêu qua hệ thống kênh mương đổ ra sông Hoàng, sông Nhơ, một số trạm bơm tiêu công suất nhỏ chỉ để hỗ trợ khi có yêu cầu cấp thiết.

Sau 12 năm xây dựng NTM, đã huy động được 441,5 tỷ đồng từ nguồn vốn của nhà nước và nhân dân, nguồn vốn lồng ghép các chương trình để đầu tư kiên cố kênh mương (115 km); nâng cấp, sửa chữa 20 hồ và xây dựng mới 5 trạm bơm, nâng cấp, mở rộng thêm 9 máy với tổng lưu lượng 62.000 m³/h để cấp nước tưới cho 2.250 ha sản xuất nông nghiệp. Đến nay toàn huyện đã kiên cố được 316,73 km, tăng 115 km so với năm 2010, đạt 53 %. Toàn huyện có 66 trạm bơm tưới, 16 trạm bơm tiêu, 36 hồ đập.

Do hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn huyện được nâng cấp, sửa chữa, nạo vét thường xuyên nên việc tưới tiêu phục vụ sản xuất trên địa bàn huyện luôn được chủ động, phục vụ tưới cho 22.952,61 ha/24.267,68 ha đất sản xuất nông nghiệp (đạt 94,6%).

Huyện Triệu Sơn được bao bọc bởi 2 sông: Sông Hoàng, sông Nhơ, đây là nguồn nước ngọt dồi dào cung cấp cho sản xuất nông nghiệp; có 4 tuyến đê sông: Đê tả sông Hoàng, đê tả sông Nhơ, đê hữu sông Hoàng, đê hữu sông Nhơ với tổng chiều dài 75,04km (đê cấp IV). Các tuyến đê thường xuyên được kiểm tra phát hiện sự cố để xử lý, đảm bảo công tác phòng chống thiên tai.

Hàng năm các xã đã thực hiện tốt công tác quản lý đê điều, xử lý các vi phạm theo quy định nên đã giảm thiểu các vụ vi phạm pháp luật về đê điều. Xác định phòng chống, ứng phó, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Để chủ động ứng phó kịp thời với những diễn biến bất thường của thiên tai, hàng năm UBND huyện đã chỉ đạo các xã đã thành lập Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn do Chủ tịch UBND xã làm trưởng ban, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, xây dựng, phê duyệt Kế hoạch phòng chống thiên tai và tổ chức thực hiện Phương án phòng chống thiên tai theo phương châm “4 tại chỗ”. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức trong cộng đồng về các loại hình thiên tai, kinh nghiệm, kiến thức phòng tránh, nhất là việc chủ động phương án ứng phó, khắc phục hậu quả với lũ lụt, sự cố về đê điều, bão mạnh, siêu bão...

Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.

2.2.3. Điện nông thôn

2.2.3. Điện nông thôn

Năm 2010 các xã thị trấn trong huyện có 296 trạm biến áp, đường dây hạ áp (0,4KVA) dài 682km được đầu tư từ lâu không đảm bảo công suất sử dụng và không đảm bảo an toàn hệ thống và vận hành sử dụng điện; Công ty Điện lực Thanh Hóa quản lý, vận hành, kinh doanh điện trên địa bàn 25 xã, thị trấn; Hợp tác xã dịch vụ điện năng quản lý, vận hành, kinh doanh điện trên địa bàn 03 xã, thị trấn; Công ty CP XL điện lực Thanh Hóa quản lý, vận hành, kinh doanh điện trên địa bàn 11 xã, thị trấn.

Đến nay các chủ đầu tư đã đầu tư nâng cấp công suất trạm, lắp đặt các trạm biến áp mới, đầu tư cải tạo nâng cấp lưới điện tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Triệu Sơn để chống quá tải lưới điện, toàn huyện có 422 trạm biến áp, tăng 126 trạm so với năm 2011, đường dây hạ áp (0,4KV) 853km, tăng 171 km so với năm 2011 do Công ty điện lực Thanh Hóa và các doanh nghiệp, hợp tác xã đủ điều kiện kinh doanh vận hành lưới điện an toàn, đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của các xã trong huyện.

Đến 30/9/2021 tỷ lệ hộ dân toàn huyện sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn là 57.487 hộ/57.487 hộ, đạt 100% (năm 2010 là 99,5%), trong đó khu vực nông thôn là 54.785/54.785 hộ, đạt 100% (năm 2010 là 99,43%).

Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.

2.2.4. Trường học

Năm 2010 các xã NTM có 25/109 trường học đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 22,8%, trong đó: Mầm non 03/37 trường, đạt tỷ lệ 8,1%; Tiểu học 15/37 trường, đạt tỷ lệ 40,54%; Trung học cơ sở có 07/35 trường, đạt tỷ lệ 20%.

Giai đoạn 2010-2021, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Triệu Sơn đã phối hợp với các phòng, ban, ngành cấp huyện có liên quan tích cực tham mưu cho UBND huyện chỉ đạo các địa phương và trường học tập trung huy động nguồn lực, đầu tư xây dựng nâng cấp, mua sắm trang thiết bị dạy học, 100% các trường có trang Website, kết nối internet, khu sân chơi, bãi tập có cây bóng mát đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn. Sau 12 năm xây dựng nông thôn mới, từ nhiều nguồn vốn của tỉnh, huyện, xã đã đầu tư trên 200 tỷ đồng để sửa chữa, nâng cấp, xây mới 60 công trình trường học với 336 phòng học và 35 nhà hiệu bộ, chỉnh trang khuôn viên các nhà trường. Đến nay, toàn huyện có 89/101 trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học, các xã xây dựng NTM có 89/101 trường đạt chuẩn, đạt tỷ lệ 88,12%. (Mầm non: 28; Tiểu học: 30; THCS: 28; THPT: 03).

Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia của huyện cao hơn bình quân của tỉnh 8,43%, đặc biệt cấp tiểu học đứng top đầu tỉnh, trong 89 trường đạt chuẩn quốc gia có 100% trường đạt chuẩn mức độ 1, 04 đạt chuẩn mức độ 2, chiếm 3,96%.

Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.

Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.

2.2.5. Về cơ sở vật chất văn hóa

Năm 2011 bước vào triển khai xây dựng NTM, trên địa bàn toàn huyện có 31/35 xã có nhà hội trường, 377/377 nhà văn hóa thôn và khu thể thao.

- Về Trung tâm Văn hóa - thể thao xã:

Trước khi sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã, toàn huyện có 27/35 xã có Trung tâm Văn hóa- Thể thao với quy mô, diện tích xây dựng không đạt theo quy định. Thực hiện Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa hiện nay huyện Triệu Sơn giảm còn 32 xã.

Từ năm 2011 đến nay, có 29 Hội trường - Nhà văn hóa đa năng cấp xã được đầu tư xây dựng mới, 03 Hội trường - Nhà văn hóa đa năng được cải tạo đạt chuẩn theo quy định: Hội trường nhà văn hóa xã từ 200-350 chỗ ngồi, được trang bị đầy đủ các thiết chế và trang thiết bị: quốc hiệu, quốc huy, ma kết trang trí, bàn ghế, tủ, loa đài, âm thanh, ánh sáng, có các phòng chức năng.

Trung tâm văn hóa - thể thao của các xã được đầu tư đưa vào sử dụng, đã đáp ứng tổ chức tốt nhiều sự kiện quan trọng của xã như: Đại hội Đảng bộ, tổ chức hội nghị, hội thảo, tuyên truyền, thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ nhân các sự kiện chính trị trọng đại, tổ chức các hoạt động truyền thông, hoạt động vui chơi, giải trí. Trung tâm văn hóa - thể thao cũng là địa điểm thuận lợi cho tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, thể thao các xã trong huyện, hoạt động phong trào của các tổ chức đoàn thể nhân dịp kỉ niệm các ngày lễ lớn, đặc biệt đã đáp ứng tổ chức tốt nhiều hoạt động văn hóa cấp cụm như: Hội thi “Bí thư chi bộ giỏi tuyên truyền xây dựng NTM”, Hội thi “Kể chuyện tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, Hội thi “Báo cáo viên giỏi cấp huyện”, Hội thi “Tìm hiểu kiến thức gia đình” cấp huyện.

Toàn huyện có 32/32 xã có khu Thể thao diện tích từ 2.000 m² trở lên, gồm sân bóng đá mini, sân bóng chuyền da, bóng chuyền hơi, sân cầu lông, bóng bàn, khu vực vui chơi giải trí cho trẻ em...; 32 xã có sân vận động xã đạt diện tích trên 10.800 m², đảm bảo tổ chức Đại hội Thể dục - Thể thao, các hoạt động thể thao hàng ngày của nhân dân như: Bóng đá, kéo co, chạy bộ, chạy việt dã, khu vui chơi cho trẻ em...

- Về Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn:

Trước khi sáp nhập thôn, toàn huyện có 377/377 thôn có Nhà văn hóa - khu thể thao thôn của 35 xã, sau khi sáp nhập thôn theo Quyết định số 3110/2018/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa và Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa, đến nay toàn huyện có 229/229 Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn của 32 xã đạt chuẩn theo quy định. Quy mô các nhà văn hóa thôn được xây dựng với tổng diện tích trên 500 m², diện tích nhà văn hóa đảm bảo từ 120-150 chỗ ngồi, sân khấu trên 30m², với đầy đủ các thiết chế và trang thiết bị phục vụ nhu cầu tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao của người dân, đạt tỷ lệ 100%.

Hiện nay, toàn huyện có: 01 nhà tập luyện và thi đấu, 02 sân quần vợt, 02 bể bơi cố định, 32 sân bóng đá cấp xã, 01 sân bóng đá cấp huyện, 35 sân bóng đá mini, 254 sân Bóng chuyền da, 254 sân Bóng chuyền hơi, 145 sân Cầu lông, 275 bàn Bóng bàn, 15 sân bóng rổ, 229 sân chơi, bãi tập... Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn đã đáp ứng tốt nhu cầu các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và vui chơi giải trí của nhân dân trong thôn, cũng như tổ chức thường xuyên các hoạt động của các loại hình Câu lạc bộ tại thôn như: CLB Thơ, CLB Văn nghệ truyền thống, CLB dưỡng sinh... Hệ thống thiết chế Nhà Văn hóa thôn được quan tâm đầu tư đã góp phần lưu giữ được nhiều vốn văn hóa truyền thống của dân tộc trên địa bàn huyện, tiêu biểu như: Câu lạc bộ "Gia đình Văn hóa", Câu lạc bộ "Gia đình phát triển bền vững", Câu lạc bộ "Liên thế hệ", Câu lạc bộ "Văn nghệ truyền thống" xã Dân Quyền, Dân Lực, Xuân Thọ, Minh Sơn, Bình Sơn... Hệ thống thiết chế Nhà Văn hóa thôn được quan tâm đầu tư đã góp phần lưu giữ được nhiều vốn văn hóa truyền thống của dân tộc trên địa bàn huyện.

Phòng đọc sách báo tại các Nhà Văn hóa thôn được duy trì hoạt động thường xuyên, với hệ thống sách, báo luôn được luân chuyển mỗi năm từ 150-200 đầu sách, báo từ cấp huyện về địa phương đến các thôn, nên đã thu hút nhiều bạn đọc tham gia.

Quá trình triển khai thực hiện, từ năm 2011 - 2021 kinh phí từ ngân sách Nhà nước các cấp hỗ trợ xây dựng hoàn thiện thiết chế văn hóa, xây dựng mới Nhà Văn hóa thôn, Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và hoạt động văn hóa, thể thao cấp xã là: 175,635 tỷ đồng, trong đó gồm:

- Kinh phí từ ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao cấp xã: 12,320 tỷ đồng (bình quân 35 triệu đồng/xã/năm).

- Kinh phí hỗ trợ xây dựng hoàn thiện thiết chế văn hóa, xây dựng mới Nhà Văn hóa thôn, Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã: 163,315 tỷ đồng; (Trong đó, kinh phí từ nguồn vốn Trung ương, tỉnh và kinh phí hỗ trợ từ ngân sách huyện, xã: 105,560 tỷ đồng; kinh phí huy động nhân dân tự nguyện đóng góp (xã hội hóa) là 57,755 tỷ đồng).

Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.

2.2.6. Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Năm 2010 huyện có 17 chợ thuộc 17 xã. Các chợ hầu hết đều là chợ dân sinh được hình thành từ xa xưa, do đó cơ sở vật chất của nhiều chợ đã xuống cấp, không đáp ứng độ an toàn và nhu cầu buôn bán, trao đổi hàng hóa của nhân dân.

Thực hiện Chương trình xây dựng NTM, đến ngày 30/9/2021 trong huyện có 17 chợ đang hoạt động thuộc quy hoạch mạng lưới chợ tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến 2025, trên địa bàn 17 xã phục vụ nhu cầu giao thương của nhân dân, để hoàn thành tiêu chí về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, các xã đã đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất các chợ từ nguồn vốn ngân sách, vốn huy động hợp pháp khác và vốn của doanh nghiệp; giai đoạn 2010-2021 xây dựng mới 5 chợ, cải tạo nâng cấp 10 chợ với tổng kinh phí 37,5 tỷ đồng, đồng thời chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh khai thác chợ sang cho doanh nghiệp quản lý kinh doanh, có 17/32 xã đăng ký xây dựng tiêu chí chợ, trong đó có 01 chợ đã chuyển đổi mô hình quản lý từ UBND xã sang doanh nghiệp (chợ Song xã Thọ Ngọc). Đến nay, các chợ nông thôn trên địa bàn được đầu tư xây dựng kiên cố và bán kiên cố, đảm bảo đạt tiêu chí chợ hạng 2 hoặc hạng 3 theo quy định, đáp ứng được nhu cầu của nhân dân, góp phần lưu thông hàng hóa, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển và giữ gìn nét đẹp của phiên chợ vùng nông thôn.

Đến thời điểm hiện tại đã có 14 chợ đã được cải tạo, nâng cấp đảm bảo tiêu chí và được công nhận chợ kinh doanh thực phẩm, cụ thể: có 07 chợ theo TCVN 11856:2017; 07 chợ tạm theo Quyết định 08/2020/QĐ-UBND, còn lại 18 xã đã tiến hành xây dựng các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, đảm bảo lưu thông và cung ứng hàng hóa phục vụ nhân dân đạt chuẩn theo quy định.

Thực hiện Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa, hiện nay trên địa bàn huyện có 01 chợ đang hoạt động thuộc quy hoạch mạng lưới chợ của tỉnh trên địa bàn xã Tân Ninh (nay là thị trấn Nưa).

Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.

2.2.7. Về thông tin và truyền thông

Năm 2011, bước vào xây dựng NTM, tiêu chí số 8 được triển khai các xã trên địa bàn huyện, nội dung được triển khai thực hiện trên hai lĩnh vực, đó là: xã có điểm Bưu điện văn hóa xã đạt chuẩn, có hạ tầng viễn thông và Internet tới thôn đạt tiêu chuẩn ngành Thông tin - Truyền thông, thời điểm đó tiêu chí số 8 chưa xét đến nội dung hoạt động của đài truyền thanh xã và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cấp xã.

Đến nay toàn huyện có 32/32 xã đều có điểm Bưu điện văn hóa xã đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính của các tổ chức, cá nhân tại địa phương như nhận gửi bưu phẩm, bưu kiện, chuyển phát nhanh, phát hành báo, chuyển tiền nhanh, tiết kiệm bưu điện, chi trả lương hưu, trợ cấp và BHXH,... tất cả các xã

trong huyện đều có điểm cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet tới tất cả các thôn, xóm như qua các mạng Viettel, Mobifone, Vinaphone,... đáp ứng nhu cầu sử dụng của các tổ chức, cá nhân tại địa phương; có 32/32 xã có đài truyền thanh, trang thông tin điện tử cấp xã và 100% số thôn có hệ thống loa, cụm loa truyền thanh hoạt động thường xuyên; có 32/32 xã trong huyện có ứng dụng thông tin trong quản lý điều hành, trang bị máy tính phục vụ công tác và có hòm thư điện tử công vụ, 100% cán bộ, công chức xã đã sử dụng thành thạo máy vi tính, hòm thư điện tử công vụ trong giải quyết công việc.

Xác định việc phát triển Chính quyền điện tử là nhiệm vụ trọng tâm, huyện đã chỉ đạo 100% các xã, thị trấn và các phòng, ngành, đơn vị có liên quan tổ chức lắp đặt và đưa vào hoạt động hệ thống Hội nghị trực tuyến từ UBND huyện đến xã, thị trấn trong huyện.

Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.

2.2.8. Nhà ở dân cư

Giai đoạn (2011- 2020) các hộ gia đình đã đầu tư xây dựng mới và chỉnh trang 37.532 căn nhà đảm bảo an toàn, bền vững, mỹ quan, phù hợp với điều kiện tự nhiên. Ngoài ra, từ các nguồn hỗ trợ của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên, ngân sách huyện, quỹ đền ơn, đáp nghĩa, các nhà hảo tâm trong và ngoài tỉnh đã xây dựng được 26 căn nhà tình nghĩa, với tổng số tiền 896 triệu đồng.

Đến nay trên địa bàn huyện không còn hộ gia đình ở nhà tạm, nhà dột nát. Tỷ lệ nhà đạt chuẩn của Bộ Xây dựng trên địa bàn toàn huyện là 52.598/57.487 hộ, đạt 91,5%, trong đó: Khu vực nông thôn là 45.961/50.596 hộ, đạt 90,84%. Nhà đảm bảo “3 cứng”, diện tích nhà ở bình quân đạt từ 21 m²/người trở lên, niên hạn sử dụng công trình nhà ở từ 20 năm trở lên, nhà có đầy đủ các công trình phụ trợ và kiến trúc phù hợp với phong tục, tập quán, lối sống của địa phương.

Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.

2.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân, giảm nghèo nhanh và bền vững

Đây là một trong những nội dung chủ yếu, quan trọng nhất của Chương trình xây dựng NTM, yếu tố quyết định sự phát triển bền vững, lâu dài của địa phương và cũng là nhiệm vụ rất nặng nề.

Trong những năm qua huyện đã tập trung chỉ đạo, triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất và nâng cao thu nhập cho người dân; tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2011 - 2021 đạt 17.989 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân hằng năm giai đoạn 2011- 2020 đạt 14,67%, cao hơn giai đoạn 2006-2010 là 4,15 điểm phần trăm; tổng giá trị sản xuất toàn huyện năm 2020 (theo giá so sánh năm 2010) đạt 17.581,5 tỷ đồng, gấp 3,93 lần năm 2010 (năm

2021 giá trị sản xuất dự ước đạt 20.040,6 tỷ đồng). Cơ cấu giá trị sản xuất chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm tỉ trọng ngành nông, lâm nghiệp, tăng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ; tỷ trọng giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản từ 33,2% năm 2010 xuống còn 14,2% năm 2020, công nghiệp - xây dựng từ 36,3% năm 2010 lên 50,5% năm 2020, các ngành dịch vụ từ 30,5% năm 2010 lên 35,3% năm 2020. Giá trị sản phẩm thu được trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt 124,3 triệu đồng, gấp 1,48 lần năm 2010 (năm 2021 ước đạt 135 triệu đồng). Thu nhập bình quân đầu người toàn huyện năm 2021 ước đạt 47,7 triệu đồng, gấp 3,61 lần năm 2010, trong đó: Khu vực nông thôn ước đạt 47,21 triệu đồng, gấp 3,72 lần năm 2010, từng bước rút ngắn khoảng cách về thu nhập giữa thành thị và nông thôn, năm 2010 thu nhập bình quân/tháng chênh lệch giữa thành thị và nông thôn là 1,28 lần, năm 2021 xuống còn 1,1 lần.

2.3.1. Về sản xuất nông nghiệp

+ Trồng trọt

Sản xuất nông - lâm - thủy sản phát triển theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp là phương châm của huyện. Trong những năm qua huyện đã thực hiện tốt công tác đổi điện, dồn thửa; đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đưa các loại giống có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất. Khai thác lợi thế của từng vùng để sản xuất hàng hóa tập trung, hình thành và phát triển các chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp. Trồng trọt đã chuyển dịch theo hướng chuyển trọng tâm sản xuất từ sản lượng sang chất lượng, hiệu quả; cơ cấu thời vụ có sự chuyển biến rõ nét theo hướng tích cực, 75 % diện tích cơ cấu trà lúa xuân muộn và mùa sớm, (bỏ hẳn trà lúa xuân sớm, mùa muộn), thực hiện theo đúng lịch sản xuất và thời vụ của tỉnh. Các giống lúa chất lượng cao được sử dụng với diện tích ngày càng tăng, đến năm 2021 diện tích lúa chất lượng cao cả năm đạt 2.000 ha (tăng 1.600 ha so với năm 2010), giá trị kinh tế sản xuất lúa chất lượng cao hơn sản xuất các giống lúa thông thường từ 1,2 - 1,5 lần. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, mở rộng cơ giới hóa trong sản xuất. Giá trị sản phẩm thu được trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2020 đạt 124,3 triệu đồng, gấp 1,48 lần năm 2010 (năm 2021 ước đạt 135 triệu đồng). Tổng sản lượng lương thực bình quân hằng năm giai đoạn 2011-2020 đạt 129,4 ngàn tấn, đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn huyện. Huyện đã tập trung đẩy mạnh việc tích tụ ruộng đất, chuyển đổi diện tích đất lúa kém hiệu quả sang các cây trồng khác và trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản. Từ năm 2015 đến năm 2021 đã chuyển đổi được 2.760 ha đất canh tác lúa kém hiệu quả sang cây trồng khác và trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản.

Tích tụ ruộng đất để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn được quan tâm, đến nay toàn huyện có 15 mô hình tích tụ ruộng đất quy mô từ 1 đến 3 ha để sản xuất

với diện tích 80 ha, điển hình như các xã Thái Hoà, Vân Sơn, Thọ Phú, Thọ Vực, Hợp Lý, Minh Sơn, Đồng Thắng, Xuân Thịnh...

Huyện đã xây dựng và triển khai Kế hoạch số 627/KH-UBND ngày 18/3/2020 về việc thực hiện “Chương trình mỗi xã một sản phẩm huyện Triệu Sơn” năm 2020; ban hành Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 về việc ban hành Đề án “Phát triển các sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện Triệu Sơn giai đoạn 2021-2025”. Là huyện tích cực trong việc xây dựng sản phẩm OCOP, đến tháng 9/2021 huyện có 06 sản phẩm OCOP được công nhận 3 sao cấp tỉnh gồm: Chè sạch Bình Sơn, Trà xanh túi lọc Bình Sơn, Trà cà gai leo túi lọc Bình Sơn, Mật ong bốn mùa hoa rừng nguyên chất, Viên nang sâm báo Triso, Siro bổ dưỡng sâm báo Triso. UBND huyện đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp, Hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ hộ sản xuất kinh doanh tham gia Chương trình OCOP. Dự kiến hết năm 2021 toàn huyện có 10 sản phẩm OCOP đạt 3 sao cấp tỉnh.

+ *Chăn nuôi:*

Ngành chăn nuôi đã chuyển mạnh từ chăn nuôi phân tán, nhỏ lẻ sang chăn nuôi trang trại, gia trại và sản xuất hàng hóa. Công tác quản lý dịch bệnh được huyện đặc biệt quan tâm, được các ngành chuyên môn của tỉnh đánh giá cao về công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Huyện đẩy mạnh áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học đối với gà, lợn và triển khai các chương trình nâng cao chất lượng đàn bò. Ứng dụng công nghệ biogas, độn lót sinh học trong xử lý chất thải chăn nuôi giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đã quy hoạch các vùng phát triển chăn nuôi và ban hành cơ chế khuyến khích, hỗ trợ phát triển các trang trại tập trung. Trên địa bàn hiện có 214 trang trại, gia trại tổng vốn đầu tư của các trang trại, gia trại bình quân từ 2,5-5 tỷ đồng; thu nhập bình quân mỗi trang trại đạt từ 500-730 triệu đồng/năm và đã giải quyết việc làm thường xuyên cho trên 724 lao động, với mức lương bình quân từ 6-8 triệu đồng/người/tháng. Hằng năm đàn lợn duy trì từ 60.000-65.000 con, đàn trâu bò duy trì từ 13.500-16.000 con, đàn gia cầm từ 1 - 1,2 triệu con. Mỗi năm ngành chăn nuôi cho sản lượng thịt hơi các loại đạt trên 15.000 tấn và trên 17 triệu quả trứng, đáp ứng nhu cầu thực phẩm của nhân dân và cung cấp cho thị trường. Giá trị ngành chăn nuôi năm 2021 ước đạt 617 tỷ đồng, chiếm 30,2% trong tổng giá trị sản xuất nội bộ ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản.

+ *Về lâm nghiệp:* Toàn huyện có 16 xã, thị trấn có rừng (xã Bình Sơn, Thọ Bình, Thọ Sơn, Triệu Thành, Hợp Thành, Hợp Tiến, Hợp Lý, Hợp Thắng, Thọ Tiến, Thọ Tân, Minh Sơn, Dân Lực, Thọ Cường, Vân Sơn, Thái Hòa, Thị trấn Nưa). Tổng diện tích rừng 4.252 ha, trong đó rừng phòng hộ 1.310 ha, rừng sản xuất 2.942 ha. Trên địa bàn huyện có 6 doanh nghiệp chế biến lâm sản, giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp năm 2020 đạt 36.576 triệu đồng, năm 2021 ước đạt 36.786 triệu đồng. Do làm tốt công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng nên trong những năm

qua không để xảy ra cháy rừng, phá rừng trái pháp luật, an ninh rừng được giữ vững, diện tích rừng sản xuất đã mang lại nhiều hiệu quả kinh tế cho người dân.

+ *Thủy sản:*

Khai thác và nuôi trồng thủy sản là ngành kinh tế chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu kinh tế nông nghiệp của huyện nhưng có đóng góp trong việc thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Huyện tập trung chỉ đạo nhằm nâng cao hiệu quả diện tích nuôi trồng thủy sản, ngoài nuôi trồng các loại cá nước ngọt, đã mở rộng diện tích con nuôi đặc sản như: Ốc, ếch, lươn, trạch,... Năm 2021, tổng diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản của huyện đạt 880 ha (giá trị thu được trên 1 ha mặt nước nuôi trồng thủy sản đạt 161,7 triệu đồng (*cao hơn 37,2 triệu đồng so với trồng trọt*), tăng 46,4 triệu đồng/ha so với năm 2010. Tổng sản lượng thủy sản đạt năm 2021 ước đạt 2.037 tấn, trong đó: Sản lượng nuôi trồng 1.986 tấn. Giá trị sản xuất ngành thủy sản năm 2021 ước đạt 76,3 tỷ đồng.

Phát triển hợp tác xã: Toàn huyện có 56 Hợp tác xã (HTX) đang hoạt động, so với năm 2010 tăng 27 HTX, trong đó: Có 41 HTX dịch vụ nông nghiệp, 03 HTX tiểu thủ công nghiệp, 01 HTX dịch vụ điện năng, 01 HTX vận tải, 01 HTX dịch vụ môi trường, 09 quỹ tín dụng.

Các HTX nông nghiệp từng bước được đổi mới và phát huy hiệu quả, năm 2010 bước vào xây dựng NTM, toàn huyện có 29 HTX nông nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, hoạt động chủ yếu 3 khâu dịch vụ đó là: Dịch vụ thủy lợi, dịch vụ bảo vệ đồng ruộng và bảo vệ thực vật. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nhất là cơ giới hóa trong nông nghiệp gặp rất nhiều khó khăn, trong khi các doanh nghiệp không muốn đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp do có sự rủi ro rất lớn, lợi nhuận từ sản xuất nông nghiệp thấp.

Ban Thường vụ Huyện ủy đã ban hành Kế hoạch số 12-KH/HU ngày 24/6/2020 về tổ chức học tập quán triệt thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa 9 về tiếp tục đổi mới phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể. Năm 2020, doanh thu bình quân một HTX đạt 2,59 tỷ đồng, gấp 1,72 lần năm 2010 (riêng HTX nông nghiệp đạt 285 triệu đồng); lợi nhuận bình quân một HTX đạt 172,4 triệu đồng, gấp 2,32 lần năm 2010 (riêng HTX nông nghiệp đạt 32,7 triệu đồng), thu nhập bình quân của người lao động làm việc thường xuyên trong HTX là 56,4 triệu đồng/người/năm. Đến năm 2021 toàn huyện có 41 HTX nông nghiệp, 100% HTX đều hoạt động theo Luật HTX năm 2012 với tổng số 1.089 thành viên, đã giải quyết việc làm cho trên 500 lao động ở khu vực nông thôn, góp phần vào ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Căn cứ Hướng dẫn tại Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT ngày 17/4/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về phân loại, đánh giá HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, có 41 HTX, trong đó HTX hoạt động tốt là 25 HTX, chiếm

65,8% (3 HTX mới thành lập chưa đánh giá), hoạt động khá 13 HTX, chiếm 34,2%, không còn HTX loại trung bình và yếu.

Các HTX nông nghiệp trên địa bàn huyện đã tổ chức thực hiện được các khâu dịch vụ đáp ứng cho nhu cầu của thành viên HTX và cộng đồng dân cư tại địa phương như: dịch vụ thủy lợi, cung ứng giống, vật tư nông lâm nghiệp, tiêu thụ sản phẩm, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, làm đất, tu sửa và làm mới kênh mương nội đồng, đầu tư mua máy cày, mạ khay để áp dụng cơ giới hóa đồng bộ vào sản xuất nông nghiệp, sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP.... Tiêu biểu là các HTX dịch vụ nông nghiệp (DVNN) xã Đồng Thắng, xã Thọ Phú đầu tư 1,5- 2,3 tỷ đồng mua máy gặt đập liên hợp, máy làm đất, xây dựng cơ sở mạ khay, máy cày; HTX DVNN các xã Đồng Tiến, Thọ Phú, Dân Lý, Hợp Thành đầu tư hơn 800 triệu đồng mua 02 máy cày, mạ khay, máy gieo hạt, máy làm đất; HTX sản xuất rau an toàn Tiến Nông, Dân Lý đầu tư trên 600 triệu đồng xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà lưới để sản xuất rau an toàn. HTX chăn nuôi và phát triển giống thỏ Newzealand (trụ sở tại xã Dân Lực) với tổng kinh phí đầu tư chuồng trại, con giống trên 12 tỷ đồng. Trong thời gian qua huyện không ngừng tạo điều kiện, khuyến khích các tổ hợp tác tăng cường các hoạt động sản xuất, kinh doanh, mở rộng thêm các dịch vụ mới, tham gia vào chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động, tạo việc làm, tăng thu nhập cho thành viên và người lao động.

Các mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững. Các HTX liên kết bao tiêu sản phẩm các cây trồng hàng hóa có giá trị kinh tế cao như HTX DVNN Đồng Thắng sản xuất và bao tiêu sản phẩm lúa gạo theo tiêu chuẩn VietGAP quy mô 100 ha/vụ; HTX DVNN các xã Thọ Phú, Thái Hoà, Dân Lý liên kết sản xuất bao tiêu sản phẩm lúa gạo quy mô 50 ha/vụ; HTX sản xuất rau an toàn xã Tiến Nông sản xuất và bao tiêu sản phẩm rau an toàn quy mô 6 ha, sản lượng trên 300 tấn/năm; HTX chăn nuôi gà ta an toàn Thọ Sơn quy mô 60.000 con/năm.

Các mô hình liên kết giữa hộ dân với HTX và doanh nghiệp từ khâu sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm mang lại hiệu quả kinh tế cao với tổng diện tích cây trồng liên kết bao tiêu sản phẩm giai đoạn 2011- 2021 đạt 4.783 ha, tổng giá trị liên kết 537 tỷ đồng, trong đó: liên kết sản xuất lúa 3.161 ha, sản xuất chè 300 ha, ngô 489 ha, trồng ớt xuất khẩu tại các xã Khuyến Nông, Tiến Nông, Thọ Vực, Thọ Phú 350 ha, giá trị thu nhập đạt 150- 200 triệu đồng/ha (cao gấp 4 lần so với trồng lúa); trồng rau màu các loại tại các xã Tiến Nông, Dân Lý 123,6 ha, giá trị thu nhập đạt 280 triệu đồng/ha (cao gấp 6 lần so với trồng lúa); trồng cây ăn quả 80 ha ở các xã Thọ Tân, Thị trấn Nưa, Hợp Lý, cho thu nhập 170 triệu đồng/ha, nuôi cá kết hợp trồng lúa tại các xã Xuân Thọ, Thọ Ngọc 80 ha, cho thu nhập 120- 150 triệu đồng/ha; trồng hoa cây cảnh trên đất lúa tại các xã Hợp Lý, Vân Sơn, Thọ Tân,

Thọ Dân, Hợp Tiến diện tích 200 ha, giá trị thu nhập đạt 300 triệu đồng/ha (cao gấp 5 lần so với trồng lúa)...

2.3.2. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng cơ bản có bước phát triển liên tục với tốc độ khá

Được xác định là ngành kinh tế quan trọng, chủ đạo của huyện với tốc độ tăng trưởng cao đóng góp lớn cho ngân sách, chiếm tỷ trọng giá trị lớn nhất trong cơ cấu kinh tế của huyện.

Năm 2010, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng trên địa bàn huyện và các xã chưa phát triển, một số làng nghề và nghề truyền thống phát triển chậm, giá trị xây dựng chủ yếu từ ngân sách, xây dựng khối doanh nghiệp và dân cư thấp, số doanh nghiệp hoạt động và hộ có đăng ký kinh doanh còn thấp, tỷ trọng ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng trong cơ cấu kinh tế của huyện chỉ chiếm 36,3%.

Sau 12 năm xây dựng NTM, ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng của huyện đã có bước phát triển mạnh mẽ trở thành ngành chủ lực tạo ra giá trị sản xuất, giải quyết nhiều việc làm góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng NTM. Năm 2020 giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng đạt 9.005 tỷ đồng, chiếm 50,5% tổng giá trị sản xuất toàn huyện, gấp 5,42 lần năm 2010 (năm 2021 ước đạt 10.823 tỷ đồng).

Huyện đã hình thành 04 cụm công nghiệp, tăng 02 cụm so với năm 2010 (theo Quyết định số 2888/QĐ-UBND ngày 09/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa) gồm: Cụm công nghiệp Dân Quyền - Dân Lực 50 ha; cụm công nghiệp Hợp Thắng 70 ha; cụm công nghiệp Nưa 20 ha; cụm công nghiệp Đồng Thắng 5,5 ha). Hiện nay, các Nhà đầu tư đang khẩn trương hoàn thành giải phóng mặt bằng và đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp trên. Ngoài ra, thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư sản xuất như xã Thọ Dân, xã Đồng Lợi, xã Thọ Vực, xã Vân Sơn, Thị trấn Triệu Sơn, xã Đồng Tiến. Thực hiện chủ trương thu hút đầu tư, các xã đã vận động nhân dân thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng cho doanh nghiệp thuê đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp. Đến nay toàn huyện có 493 doanh nghiệp, tăng 277 doanh nghiệp so với năm 2010 (trong đó có 06 doanh nghiệp FDI), số doanh nghiệp trên một vạn dân đạt 24,2 doanh nghiệp, tạo công ăn việc làm thường xuyên cho trên 15.000 lao động, tập trung chủ yếu trong lĩnh vực công nghiệp da dầy, may mặc, xây dựng, vận tải hành khách, chế biến lâm,... nhiều doanh nghiệp sản xuất giấy da, may mặc, chế biến lâm sản xuất khẩu có quy mô lớn như: Công ty may FDREMFVINA, Công ty may POLYWELL, công ty may IVORY, Công ty may Vân Sơn, Công ty Triệu Thái Sơn, công ty giấy da ROBOT, công ty giấy da ARIANA, đảm bảo thu nhập bình quân cho người lao động từ 7-12 triệu đồng/người /tháng.

Do làm tốt công tác thu hút đầu tư, kinh tế phát triển, huy động tốt nguồn lực xây dựng NTM nên giá trị ngành xây dựng luôn có tốc độ tăng trưởng cao, đã có chuyển dịch lớn trong cơ cấu xây dựng chủ yếu từ ngân sách nhà nước sang khối doanh nghiệp và khu vực dân cư.

Các xã đã khôi phục, phát triển các làng nghề, nghề truyền thống, du nhập, nhân cấy nghề mới, đến nay đã thu hút và tạo việc làm cho trên 7.500 lao động, thu nhập bình quân 5,3 triệu đồng/người/năm; huyện đã có 06 làng nghề được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận: Làng nghề chổi đót Thọ Sơn, làng nghề nón lá Xuân Lộc, Làng nghề chế tác đá Đồng Thắng, 4 làng nghề hoa cây cảnh xã Hợp Lý

2.3.3. Ngành dịch vụ, thương mại đạt tốc độ tăng trưởng khá.

Thương mại, dịch vụ thời gian qua tiếp tục phát triển mạnh, góp phần quan trọng trong việc tiêu thụ sản phẩm, đáp ứng nhu cầu về hàng hóa và thúc đẩy kinh tế phát triển. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2021 ước đạt 6.457 tỷ đồng, gấp 4,73 lần năm 2010, giá trị xuất khẩu hàng hóa năm 2021 ước đạt 32 triệu USD (chủ yếu là sản phẩm giày da, may mặc, ván ép...). Các hoạt động xúc tiến thương mại được quan tâm chỉ đạo, huyện thường xuyên tổ chức hội chợ giới thiệu sản phẩm và tham gia các hội chợ xúc tiến thương mại do Văn phòng Điều phối NTM tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Phụ nữ tỉnh, UBND tỉnh, Trung ương tổ chức để quảng bá giới thiệu sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp của địa phương. Trong những năm qua, dịch vụ phát triển với tốc độ cao, đã hình thành nhiều siêu thị, cửa hàng thương mại với quy mô lớn đáp ứng nhu cầu mua sắm tiêu dùng của người dân.

Toàn huyện có 27 cửa hàng xăng dầu loại III, IV, trên 4.000 cửa hàng tổng hợp, có 17 chợ đang hoạt động đáp ứng lưu thông hàng hóa phục vụ sản xuất và tiêu dùng của người dân, doanh nghiệp.

Là huyện có tiềm năng và lợi thế trong phát triển du lịch, từ năm 2010 đến nay khu du lịch tâm linh Đền Nưa - Am Tiên đã thu hút nguồn vốn đầu tư trên 125 tỷ đồng để đầu tư hạ tầng; Việc kết nối du lịch tâm linh với các khu du lịch sinh thái trên địa bàn huyện đã và đang được triển khai có hiệu quả như: Vườn cò, xã Tiến Nông; Làng hoa cây cảnh, xã Hợp Lý; Đồi chè, xã Bình Sơn,... số lượng du khách đến tham quan ngày một tăng, năm 2020 đã đón được trên 35.000 lượt khách, doanh thu từ các hoạt động du lịch trên đạt từ 10-15 tỷ đồng/năm, góp phần giải quyết việc làm cho hơn 800 lao động với thu nhập bình quân từ 65-80 triệu đồng/người/năm.

Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.

2.3.4. Thu nhập, lao động, việc làm

Những năm qua, kinh tế trong huyện, trong tỉnh phát triển nhanh, với số lượng lớn đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài và tham gia làm công nhân tại các nhà máy công nghiệp, xây dựng, du lịch, dịch vụ, nông nghiệp nên thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn huyện năm 2021 ước đạt 47,7 triệu đồng/người/năm, gấp 3,61 lần năm 2010, khu vực nông thôn có mức thu nhập 47,21 triệu đồng/người/năm.

Cùng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động trên địa bàn huyện có nhiều chuyển biến tích cực, tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông nghiệp giảm liên tục qua các năm, từ 56,7% năm 2010 xuống còn 27,5% năm 2020, năm 2021 dự kiến còn 26,5%.

Giai đoạn 2011-2020, trung bình mỗi năm huyện đã giải quyết việc làm mới cho trên 2.700 lao động, năm 2021 dự kiến tạo việc làm mới cho trên 3.500 lao động. Tính đến thời điểm hiện tại số lao động có việc làm trên địa bàn toàn huyện là 125.253/128.726 lao động, đạt tỷ lệ 97,26 % (toàn tỉnh là 94,72%), trong đó khu vực nông thôn là 110.161/113.351 lao động, đạt 97,19%. Trong đó tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo toàn huyện là 94.321/125.198 lao động, đạt 75,3% (toàn tỉnh là 70,2%), tăng 36,0% so với năm 2010, trong đó khu vực nông thôn là 82.412/ 110.161 lao động, đạt 74,81%, tăng 36,3% so với năm 2010.

Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.

2.3.5. Giảm nghèo nhanh và bền vững

Trong những năm qua, huyện đã thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo, các Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo, người nghèo được tiếp cận tốt hơn các dịch vụ xã hội cơ bản, tỷ lệ hộ nghèo của huyện giảm qua các năm, từ 24,7% năm 2010 (13.051 hộ) giảm xuống còn 0,89% năm 2020 (512 hộ) thấp hơn mức bình quân chung toàn tỉnh (2,0%) và một số huyện có tính tương đồng, trong đó khu vực nông thôn tỷ lệ hộ nghèo còn 0,96% (486 hộ). Hiện nay trên địa bàn huyện không còn hộ nghèo có thành viên là người có công (*Chi tiết theo phụ biểu số 10*).

Để đạt được kết quả trên, cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở đã chú trọng đến công tác giảm nghèo, hỗ trợ các hộ nghèo phát triển sản xuất, tạo việc làm nâng cao thu nhập. Triển khai thực hiện đồng bộ các Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo, như chương trình nhân rộng mô hình giảm nghèo đã hỗ trợ số tiền 9,24 tỷ đồng đồng giúp cho các hộ nghèo chăn nuôi trâu, bò sinh sản phát triển sản xuất, vươn lên thoát nghèo; chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế hỗ trợ số tiền là 2,17 tỷ đồng giúp cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo mua giống sản xuất; chương trình hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng hỗ trợ số tiền là 3,73 tỷ đồng; chương trình tín dụng đối với hộ nghèo có số hộ vay vốn là 7.521 hộ, tổng số tiền được vay là 165,21 tỷ đồng; chương trình tín dụng đối với hộ cận nghèo có số hộ vay vốn là 4.726

hộ, tổng số tiền được vay là 87,42 tỷ đồng; hỗ trợ học nghề; cấp thẻ bảo hiểm y tế; hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí cho học sinh; hỗ trợ tiền điện; thăm hỏi, tặng quà các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, từ đó nhiều hộ đã vươn lên thoát nghèo, từng bước ổn định đời sống.

Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.

2.4. Giáo dục, y tế, văn hóa, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm

2.4.1. Giáo dục và đào tạo tiếp tục được quan tâm

Huyện Triệu Sơn có truyền thống là vùng đất hiếu học, là một trong những đơn vị thuộc top đầu tỉnh về chất lượng giáo dục. Cấp ủy, chính quyền các cấp luôn quan tâm đến công tác phổ cập và xóa mù chữ, có nhiều giải pháp tích cực, nâng cao chất lượng giáo dục, tăng cường cơ sở vật chất trường học, do đó kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đạt kết quả tốt.

Huyện đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi năm 2013, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 năm 2015, đạt phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3 năm 2020, xóa mù chữ mức độ 2 năm 2020. Đến nay huyện đã duy trì bền vững phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2.

Công tác xã hội hóa giáo dục, khuyến học, khuyến tài, xây dựng gia đình hiếu học, dòng họ hiếu học, cộng đồng học tập ngày càng phát triển. Trung tâm Giáo dục dạy nghề - Giáo dục thường xuyên và trung tâm học tập cộng đồng các xã, thị trấn hoạt động tích cực, phát huy được chức năng và vai trò trong việc nâng cao trình độ dân trí, tay nghề cho lao động nông thôn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục được học trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông và học nghề năm 2021 đạt 98%.

Trong 12 năm, có gần 40 học sinh đầu vào các trường Trung học phổ thông chuyên của Bộ, của tỉnh; đạt 29 giải Nhất cấp tỉnh các môn văn hóa, 06 giải quốc gia các môn văn hóa (01 Nhất, 01 Ba, 04 Khuyến khích), đạt 01 Huy chương Vàng cấp quốc gia về giải toán trên máy tính cầm tay môn Toán.

Công tác xã hội hóa giáo dục, khuyến học, khuyến tài, xây dựng gia đình hiếu học, dòng họ hiếu học, cộng đồng học tập ngày càng phát triển, 32/32 xã có quỹ khuyến học, nhiều dòng họ có quỹ khuyến học, Quỹ Khuyến học các cấp trong huyện có số tiền trên 41,8 tỉ đồng, hằng năm duy trì trao thưởng cho giáo viên và học sinh có thành tích xuất sắc và học sinh nghèo vượt khó với số tiền trên 5 trăm triệu đồng. Trung tâm Giáo dục dạy nghề - Giáo dục thường xuyên huyện luôn dẫn đầu trong tỉnh; Trung tâm học tập cộng đồng của các xã, thị trấn hoạt động có hiệu quả, thiết thực.

Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.

2.4.2. Y tế

Toàn huyện có 34 Trạm y tế xã, thị trấn với 174 giường bệnh, có 151 y, bác sỹ (trong đó có 24 bác sỹ) đang làm việc tại các trạm y tế. Cơ sở vật chất, trang thiết bị trạm y tế được quan tâm đầu tư, xây dựng và sửa chữa nâng cấp đảm bảo nhu cầu chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân. Giai đoạn 2010-2021, đã huy động được 72,46 tỷ đồng đầu tư cho y tế tuyến xã, xây mới và nâng cấp các trạm y tế xã, thị trấn. Đến năm 2020 đã có 100% số xã, thị trấn được công nhận đạt chuẩn Quốc gia về Y tế. Các xã đạt được Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế của huyện Triệu Sơn định kỳ hằng năm được Sở y tế kiểm tra, đánh giá đảm bảo duy trì tốt Bộ tiêu chí. Trong những năm qua Trạm y tế xã, thị trấn luôn thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm, không để dịch bệnh, vụ ngộ độc thực phẩm lớn xảy ra trên địa bàn; công tác khám chữa bệnh được triển khai thực hiện có hiệu quả.

Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi thể thấp còi toàn huyện từ 20,3% năm 2010 xuống còn 9,8% năm 2020 (năm 2021 ước còn 9,0%), trong đó khu vực nông thôn năm 2010 là 21,7% giảm xuống còn 10,3% năm 2020 (năm 2021 dự ước còn 9,2%), thấp hơn mức bình quân chung toàn tỉnh (14,0%) và một số huyện có tính tương đồng.

Công tác tuyên truyền, nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (BHYT) được huyện, xã tập trung chỉ đạo. Tổng số người tham gia BHYT trên tổng dân số toàn huyện đến tại thời điểm đạt 95,41% tăng 38,41% so với năm 2010 (194.991/204.379 người), gấp 1,77 lần số người tham gia BHYT năm 2010 (110.156 người), trong đó khu vực nông thôn tăng từ 46,32% lên 95,36% năm 2021 (171.698/180.086 người)

Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.

2.4.3. Về văn hóa

Hiện nay, toàn huyện có 229/229 thôn đã được công nhận danh hiệu văn hóa theo quy định, đạt 100%; 32/32 xã được công nhận danh hiệu "Xã đạt chuẩn văn hóa NTM", đạt 100%. Các hoạt động văn hóa - thông tin, tuyên truyền có nhiều đổi mới, đa dạng về hình thức, chất lượng không ngừng được nâng cao, công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở được gắn với nội dung Chương trình xây dựng NTM, triển khai đến từng xã, từng thôn, từng hộ gia đình bằng nhiều hình thức; 100% các thôn đã tiến hành điều chỉnh hương ước, quy ước, bổ sung các thiết chế văn hóa tại Nhà Văn hóa các thôn. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục được đẩy mạnh và mang lại hiệu quả thiết thực. Tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 89,5%, tăng 22,7% so với năm 2010. Phong trào thể thao quần chúng phát triển mạnh, tỷ lệ hộ gia đình thể thao đạt 32,5% số hộ, tỷ lệ người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 42,5% dân số.

Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội đã được thực hiện nghiêm túc. Huyện đã ban hành Chỉ thị tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và Lễ hội trên địa bàn huyện và chỉ đạo các Cấp ủy, chính quyền, đoàn thể triển khai thực hiện. Vì vậy, việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội có nhiều chuyển biến tích cực, nhiều hủ tục đã được loại bỏ, đời sống văn hóa lành mạnh được nâng lên.

- Về việc cưới: Đã thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, nhiều đơn vị đã vận động tốt công tác tổ chức cưới tại Nhà Văn hóa thôn, không ăn uống linh đình kéo dài, không hút thuốc lá. Nhiều xã đám cưới được tổ chức tại Nhà Văn hóa thôn, tiêu biểu như: xã Đồng Tiến, Thọ Vực, Đồng Thắng, Thọ Tân, Minh Sơn....

- Về việc tang: Được thực hiện đúng quy định, khi có người chết, không để quá 48 giờ mới tổ chức an táng, trường hợp chết do có bệnh truyền nhiễm đã được tổ chức an táng ngay, các hủ tục lạc hậu đã được xóa bỏ. Việc dùng hình thức hỏa táng trong đám tang đang được nhân rộng; hiện nay, ngoài chính sách hỗ trợ của UBND tỉnh Thanh Hóa, một số các xã trên địa bàn huyện đã có chính sách hỗ trợ đối với các trường hợp hỏa táng như: xã Đồng Tiến, Vân Sơn, thị trấn Triệu Sơn, Nông Trường, tỷ lệ hỏa táng toàn huyện đạt 28,0%...

- Về Lễ hội: Lễ hội truyền thống trên địa bàn huyện được duy trì thường xuyên như: Lễ hội Đền Nưa- Am Tiên, Thị trấn Nưa; Lễ hội Phủ Tía; Lễ hội Vua Đinh,... các Lễ hội đã được chính quyền và nhân dân địa phương tổ chức đúng nghi lễ truyền thống, có phần lễ và phần hội, an ninh trật tự được đảm bảo, không có tình trạng đông bóng, bói toán... Tổ chức tốt việc hướng dẫn nhân dân và du khách tham gia các lễ hội thực hiện đúng nếp sống văn minh trong lễ hội.

Toàn huyện có 30 di tích lịch sử văn hóa được xếp hạng, trong đó: 04 di tích cấp Quốc gia, 26 di tích cấp tỉnh. Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di tích lịch sử văn hóa luôn được quan tâm đẩy mạnh, một số di tích được quan tâm đầu tư hạ tầng giao thông, bãi xe, chỉnh trang nâng cấp khuôn viên di tích với tổng mức đầu tư hàng trăm tỷ đồng.

Với những kết quả đạt được, nhiều đơn vị trên địa bàn huyện đã được Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, UBND tỉnh, Sở VHTTDL khen thưởng: năm 2017 được tặng Cờ thi đua của Bộ VHTTDL, năm 2020 UBND tỉnh Thanh Hóa tặng Bằng khen, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch nhiều giấy khen, UBND huyện tặng Giấy khen, trong đó nhiều đơn vị nhiều năm liên tục được tặng Giấy khen, Bằng khen của Sở VHTTDL. Các đơn vị có nhiều thành tích tiêu biểu như: xã Minh Sơn, Đồng Tiến, Thọ Tân, Đồng Lợi, Vân Sơn...

Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.

2.4.4. Về môi trường và an toàn thực phẩm

Huyện Triệu Sơn - Báo cáo kết quả xây dựng huyện Nông thôn mới

Căn cứ các Chương trình, nghị quyết và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ và UBND tỉnh, Huyện ủy, UBND huyện đã ban hành các Nghị quyết chuyên đề, chương trình hành động về môi trường, xây dựng kế hoạch chỉnh trang cảnh quan, đảm bảo vệ sinh môi trường giai đoạn 2021 - 2025 để triển khai rộng khắp đến tất cả các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện. Đồng thời tăng cường công tác chỉ đạo, phát động các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về tiêu chí môi trường trong xây dựng NTM bằng nhiều hình thức khác nhau như phổ biến trên hệ thống loa truyền thanh, lắp đặt pano, khẩu hiệu, tổ chức thực hiện các mô hình dân vận khéo: “trồng hoa, cây bóng mát ven đường”, “thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên các cánh đồng”..., đến nay môi trường của huyện luôn được đảm bảo.

Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh toàn huyện là 57.487/57.487 đạt 100%, tăng 21,4% so với năm 2010, trong đó khu vực nông thôn từ 76,8% năm 2010 lên 100% năm 2021 (50.596/50.596 hộ), số hộ được sử dụng nước sạch toàn huyện là 44.760/57.487 đạt 77,86%; trong đó khu vực nông thôn là 39.085/50.596 hộ, đạt 77,25%. Hiện nay, trên địa bàn huyện Triệu Sơn có 03 nhà máy cung cấp nước sạch tập trung là: Chi nhánh cấp nước Triệu Sơn, Thị trấn Triệu Sơn, Nhà máy nước sạch Thị trấn Nưa, Nhà máy nước sạch xã Thọ Ngọc cung cấp nước sạch cho 34/34 xã, thị trấn;

Trên địa bàn 32 xã có 2.380 cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ đều đạt các yêu cầu về bảo vệ môi trường (BVMT), 100% cơ sở có các công trình, biện pháp xử lý chất thải đảm bảo đạt các quy định về BVMT. Trong đó gồm 156 cơ sở thuộc đối tượng lập hồ sơ môi trường (Báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết BVMT, Kế hoạch BVMT, đề án BVMT đơn giản) cụ thể:

- + 36 dự án, bao gồm: 04 dự án về chăn nuôi, 05 dự án về khai thác khoáng sản, 29 dự án về sản xuất và dịch vụ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.

- + 101 dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND huyện.

- + Còn lại 2.380 cơ sở sản xuất nhỏ, kinh doanh nhỏ lẻ (dịch vụ thương mại, buôn bán các sản phẩm, hàng hóa tiêu dùng, đồ gia dụng, nhà hàng ăn uống, nuôi trồng thủy sản hộ gia đình...), các cơ sở này đều đã ký cam kết với các xã về việc chấp hành các quy định về BVMT đã được các địa phương quản lý, kiểm tra và giám sát thường xuyên theo thẩm quyền.

Đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản: Trên địa bàn huyện có 285 cơ sở chuyên nuôi trồng thủy sản. Trong đó: 137 cơ sở nuôi thâm canh, bán thâm canh có diện tích nuôi trồng từ 1,2-3,5 ha tại các xã Xuân Thọ, Tân Ninh,.. (đã có Đề án BVMT đơn giản được Chủ tịch UBND huyện xác nhận). Còn lại các cơ sở nuôi nhỏ lẻ có diện tích ao nuôi từ 0,03 ha trở lên. Các cơ sở nuôi trồng thủy sản đã thực hiện vệ

sinh ao nuôi thủy sản định kỳ; không sử dụng thuốc thú y, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép trong nuôi trồng thủy sản.

Đối với phát triển làng nghề: Huyện Triệu Sơn có 6 làng nghề tại 04 xã, gồm Đồng Thắng, Thọ Sơn, Hợp Lý, Xuân Lộc (cụ thể: 01 làng nghề nón lá tại các xã Xuân Lộc, 04 làng nghề hoa cây cảnh tại xã Hợp Lý, 01 làng nghề chổi dót tại xã Thọ Sơn và 01 Làng nghề chế tác đá tại xã Đồng Thắng. Có 01 làng nghề được UBND huyện phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề theo đúng quy định tại Thông tư 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, còn 03 làng nghề đang trình phê duyệt, còn 02 làng nghề đang trình thẩm định. Các làng nghề đã thành lập các tổ chức tự quản về môi trường và ký hợp đồng với các đơn vị chức năng để thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn sản xuất. Nước thải chủ yếu phát sinh từ hoạt động sinh hoạt được xử lý qua các bể tự hoại trước khi thải ra môi trường.

Sau 12 năm nỗ lực phấn đấu về đích huyện NTM, công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện đã có nhiều chuyển biến tích cực; nhận thức về bảo vệ môi trường của các cấp, các ngành và nhân dân từng bước được nâng lên; các xã, thị trấn đều đã ban hành các văn bản nghị quyết, kế hoạch, quy chế, hương ước về bảo vệ môi trường để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác BVMT trên địa bàn đơn vị. Ban Thường vụ Huyện ủy đã ban hành Chỉ thị số 18-CT/HU, ngày 30/6/2020 về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng trong việc thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện giai đoạn 2020 - 2025; Chương trình số 14-CTr/HU, ngày 16/12/2020 về bảo vệ môi trường huyện Triệu Sơn giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 29-KH/HU, ngày 20/4/2021 của Ban thường vụ Huyện ủy Triệu Sơn về thực hiện Kết luận số 2073-KL/TU, ngày 07/9/2020 của Ban thường vụ tỉnh ủy về việc tiếp tục thực hiện Nghị Quyết 05-NQ/TU; UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 4090/KH-UBND, ngày 19/10/2020 của UBND huyện về thực hiện Chỉ thị số 18-CT/HU, ngày 30/6/2020 của Ban Thường vụ Huyện ủy; Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 14/01/2019 của UBND huyện về kế hoạch thực hiện phong trào “chống rác thải nhựa” trên địa bàn huyện Triệu Sơn và nhiều văn bản chỉ đạo khác. Bên cạnh đó, Huyện ủy, UBND huyện cùng các tổ chức chính trị xã hội đã phát động phong trào toàn huyện xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn và duy trì thực hiện thường xuyên tổng vệ sinh môi trường vào chủ nhật hàng tuần như: Trồng hoa, hàng rào xanh ở đường làng, quét dọn vệ sinh, chỉnh trang đường làng ngõ xóm, công sở, trường học, khu vực công cộng,... Hàng tuần, huy động trên 8.000 lượt người ở các cơ quan, đơn vị và người dân tham gia tổng vệ sinh môi trường; tổ chức chỉnh trang và phát quang trên các trục đường giao thông nông thôn. Toàn huyện đã trồng được trên 226 km đường hoa dọc các trục đường xã, đường thôn và liên thôn, trồng 300.000 cây bóng mát; 50 km lát vỉa hè đá; 75

km đường điện sáng; giải phóng, san ủi hành lang đường, lòng, lề: 180km. Tạo cảnh quan thông thoáng, sáng, xanh, sạch, đẹp.

Hàng năm UBND các xã đã xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường, đồng thời phân công trách nhiệm cụ thể cho các ngành, tổ chức hội, đoàn thể phụ trách công tác vệ sinh môi trường tại các khu vực công cộng của thôn, xã và các khu dân cư. Đã ban hành một số các văn bản chỉ đạo để tiến hành công tác bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp, đặc biệt đã triển khai tích cực các hoạt động hưởng ứng các sự kiện lớn về môi trường, như: Ngày môi trường thế giới, chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn, giờ trái đất.

Các nghĩa trang được quy hoạch và quản lý theo quy hoạch, hoạt động mai táng phù hợp với quy hoạch và quy định của địa phương theo quy định tại Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ. Thường xuyên tuyên truyền cho người dân trong hoạt động mai táng theo hình thức phù hợp với quy hoạch và quy định của địa phương, 100% các thôn trên địa bàn huyện đã xây dựng các quy ước, hương ước về BVMT.

Hiện nay 32/32 xã (*đạt 100%*) đã có phương án thu gom, ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (Hợp tác xã dịch vụ Tân Sơn, Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Thanh Hóa, đội đảm bảo giao thông huyện). Rác thải sau khi được thu gom, vận chuyển đến các khu xử lý rác tập trung của các xã để chôn lấp. Có 06 xã hợp đồng vận chuyển đi xử lý tại các bãi chôn lấp hợp vệ sinh (bãi rác Đông Nam - Thành phố Thanh Hoá; Thọ Xuân) và hợp đồng xử lý tại khu xử lý tập trung bằng công nghệ đốt tại Hoàng Hóa. Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các xã khoảng 99 tấn/ngày. Tỷ lệ thu gom rác thải tại các xã đạt 90% (*năm 2021*). Đặc biệt, sau khi được triển khai mô hình thu gom, phân loại rác tại nguồn, xử lý chất thải rắn sinh hoạt hữu cơ thành phân bón hữu cơ tại hộ gia đình nhận thức người dân được nâng cao, người dân đã phân loại, tận dụng những rác thải có nhóm hữu cơ để làm thức ăn chăn nuôi, phân bón hữu cơ, nhờ đó lượng rác thải thu gom đã giảm đi nhiều, trung bình thu gom để đem đi xử lý tại các xã khoảng 79,2 tấn/ngày.

+ *Đối với chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại*: Các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, may mặc, cơ khí... trên địa bàn các xã đều ký kết hợp đồng thu gom và xử lý chất thải công nghiệp thông thường. Riêng chất thải nguy hại tại các cơ sở có phát sinh chất thải nguy hại, yêu cầu chủ cơ sở phải có nhà kho lưu giữ, thiết bị lưu chứa CTNH và dán mã CTNH theo quy định; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý (Công ty môi trường Nghi Sơn và Công ty môi trường Việt Thảo) và nộp chứng từ CTNH về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, quản lý theo quy định.

+ *Đối với chất thải nguy hại đồng ruộng*: UBND huyện đã ban hành kế hoạch thu gom, lưu trữ, vận chuyển chất thải nguy hại đối với các chủ nguồn chất thải có số lượng chất thải nguy hại phát sinh dưới 600kg/năm trên địa bàn huyện Triệu Sơn; theo đó chất thải nguy hại định kỳ được thu gom và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý. Bao bì hóa chất bảo vệ thực vật của 32 xã được thu về 3.200 thùng, bể chứa bao bì ngoài đồng ruộng, ký kết với Công ty cổ phần môi trường Nghi Sơn để thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ 6 tháng 01 lần, với khối lượng khoảng 6.500 kg/năm.

+ *Đối với chất thải rắn nông nghiệp*: Chủ yếu là vỏ, thân, lá, gốc rễ các loại cây trồng sau thu hoạch, bao gồm rơm, rạ, vỏ trái cây; tỷ lệ rơm rạ chiếm 82-87%. Một số hộ nông dân thường sử dụng làm chất đốt, làm thức ăn cho gia súc hoặc che phủ cho rau màu và một phần được xử lý ngay tại đồng ruộng bằng phương pháp cây lật đất, ngâm ủ nước làm phân hữu cơ. Như vậy chất thải rắn nông nghiệp được tái sử dụng gần như 100%, không phải chôn lấp tập trung.

+ *Đối với chất thải rắn từ chăn nuôi gia súc*: Bao gồm phân gia súc, gia cầm đã được các hộ gia đình thu gom và ủ phân để bón ruộng, trồng hoa, cây cảnh hoặc sử dụng trong nuôi giun quế làm thức ăn cho gia cầm, thủy sản.

+ *Đối với chất thải y tế*: Trên địa bàn có 36 cơ sở y tế (gồm Bệnh viện Đa khoa, Trung tâm y tế huyện và 34 trạm y tế và 20 cơ sở khám chữa bệnh tư nhân. Chất thải y tế phát sinh khoảng 92.710 kg/năm. Trong đó chất thải y tế thông thường khoảng 22.995 kg/năm được phân loại bán cho cơ sở tái chế phế liệu, một phần được xử lý như chất thải sinh hoạt thông thường, chất thải y tế lây nhiễm khoảng 69.715 kg/năm được hợp đồng vận chuyển về Bệnh viện Đa khoa huyện Triệu Sơn để xử lý (theo Quyết định số 2126/QĐ-UBND ngày 11/6/2015 của UBND tỉnh về kế hoạch quản lý chất thải y tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2020).

Công tác triển khai phân loại rác thải tại nguồn và xử lý rác hữu cơ tại gia đình được UBND huyện tập huấn, triển khai. Từ đó, nhiều hộ gia đình đã có ý thức phân loại rác tại nguồn, xây dựng các bể ủ phân hữu cơ để xử lý rác thải hữu cơ phát sinh của gia đình bằng phương pháp ủ phân vi sinh, sử dụng chế phẩm sinh học phun, ủ, xử lý phân chuồng để bón cây trồng trong vườn, ngoài đồng ruộng... góp phần giảm thiểu rất lớn lượng rác thải hữu cơ ngay tại nguồn, giảm ngân sách hỗ trợ và giảm ô nhiễm môi trường. Các hộ gia đình đều có các biện pháp xử lý nước thải sơ bộ bằng các bể thu gom, lắng lọc trước khi đầu nối với mương tiêu thoát nước khu dân cư. Các khu dân cư không có hiện tượng nước thải ứ đọng, ngập úng.

- Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh toàn huyện đạt 93,73 (53.881/57.487 hộ), cao hơn năm 2010 là 27,4%, trong đó khu vực nông thôn đạt 92,3% (47.155/50.596 hộ), tăng 37,62% so với năm 2010.

Công tác vệ sinh nhà cửa, đường làng, ngõ xóm của các hộ gia đình thực hiện đúng theo tiêu chí 3 sạch quy định.

- Trên địa toàn huyện có 214 trang trại, gia trại chăn nuôi và trang trại tổng hợp, nuôi trồng thủy sản kết hợp trồng cây ăn quả, đã được UBND huyện xác nhận thuộc đối tượng lập hồ sơ môi trường hoặc tương đương (*06 trang trại thuộc đối tượng lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt; 34 trang trại thuộc đối tượng lập Kế hoạch BVMT được Chủ tịch UBND huyện xác nhận theo quy định*), còn lại 174 trang trại, gia trại có quy mô nhỏ hoặc trang trại sinh thái không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường theo quy định.

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường toàn huyện là 13.362/15.250 hộ, đạt 87,62%, cao hơn năm 2010 là 36,14%, trong đó: Khu vực nông thôn là 12.450/14.264 hộ, đạt 87,28%, cao hơn năm 2010 là 38,63%.

- Đối với công tác an toàn thực phẩm, hằng năm UBND huyện đã xây dựng kế hoạch thực hiện, phối hợp chặt chẽ với Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể triển khai ký cam kết đến 100% chủ cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm trên địa bàn các xã, ý thức trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng đã được nâng lên, dần đi vào nề nếp, tình trạng sử dụng chất cấm trong chăn nuôi, trong chế biến thực phẩm, lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân hóa học đã được kiểm soát; công tác truyền thông về an toàn thực phẩm đã được chú trọng, việc phổ biến pháp luật, kỹ năng sản xuất, lựa chọn sản phẩm an toàn thực phẩm được thực hiện thường xuyên. Việc xây dựng các chuỗi sản phẩm an toàn, chợ an toàn thực phẩm, cửa hàng an toàn thực phẩm đang được tiến hành. Hiện các xã đều đang triển khai xây dựng xã an toàn thực phẩm theo tiêu chí của tỉnh Thanh hóa, đã có 34/34 xã, thị trấn đạt tiêu chí an toàn thực phẩm được UBND tỉnh công nhận. Toàn huyện có 867 cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, các cơ sở đã được nhập dữ liệu và thực hiện quản lý theo quy định của tỉnh.

Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.

2.5. Về xây dựng hệ thống chính trị, đảm bảo Quốc phòng - An ninh

2.5.1. Về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

Trong những năm qua huyện đã chú trọng xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh; kiện toàn tổ chức bộ máy Đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc, đoàn thể các cấp đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ. Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của Đảng về công tác tổ chức, cán bộ; Xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 04/NQ-TU của Tỉnh ủy về tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ và đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ. Tiếp tục làm tốt công tác quy hoạch cán bộ; gắn quy hoạch với việc đào tạo nâng cao trình độ, chuẩn hóa đội ngũ và luân chuyển cán bộ. Phát triển đảng viên mới được quan tâm cả về số lượng và chất lượng; chú trọng phát triển đảng viên khu vực nông thôn. Làm tốt

công tác đào tạo, trong giai đoạn 2011 - 2020 huyện đã cử đi đào tạo 562 đồng chí, trong đó đào tạo lý luận chính trị 248 đồng chí, đào tạo chuyên môn 313 đồng chí. Điều động, luân chuyển 13 cán bộ huyện làm cán bộ chủ chốt xã, thị trấn. Trong giai đoạn 2011-2020 đã kết nạp mới 2.842 đảng viên.

Tổng số cán bộ công chức của 32 xã trong huyện là 640 người. Việc bố trí cán bộ, công chức đảm bảo theo quy định, trong đó cán bộ là 310 người, công chức là 330 người.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ 10 người, chiếm tỷ lệ 1,56%; Đại học 557 người, chiếm tỷ lệ 87%; Cao đẳng 13 người, chiếm tỷ lệ 2%; Trung cấp 47 người, chiếm tỷ lệ 9,44 %.

Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp, cử nhân có 8 người, chiếm tỷ lệ 1,25 %; Trung cấp 511 người, chiếm tỷ lệ 79,8 %; Sơ cấp và chưa qua đào tạo 68 người, chiếm tỷ lệ 18,95 %.

Tất cả 32/32 xã có đầy đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định, bao gồm Đảng ủy, HĐND, UBND, Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. 100% các xã có Đảng bộ được cấp ủy, chính quyền huyện đánh giá đạt “trong sạch, vững mạnh”, các tổ chức chính trị được đánh giá, xếp loại “Khá” trở lên.

Từ năm 2017 đến nay, công tác đánh giá tiếp cận pháp luật trên địa bàn huyện đã được quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện nghiêm túc. Hàng năm, UBND huyện đã ban hành kế hoạch, tổ chức tập huấn, tập trung chỉ đạo các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật được tổ chức thường xuyên, liên tục, thiết thực, hiệu quả thông qua các hội nghị, các cuộc họp dân, trên hệ thống truyền thanh, trên trang thông tin điện tử huyện, xã. Tính đến thời điểm hiện tại 100% các xã đạt chuẩn theo quy định.

Công tác đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình được cấp ủy Đảng, chính quyền huyện, xã đã quan tâm thực hiện, đến nay huyện có 100% xã, thị trấn đạt nội dung có ít nhất một nữ lãnh đạo chủ chốt ở cấp xã, có nữ tham gia Ban Thường vụ hoặc tỷ lệ cấp ủy viên là nữ đạt từ 15% trở lên. 100% xã có phụ nữ thuộc hộ nghèo, phụ nữ khuyết tật được tạo điều kiện vay vốn ưu đãi từ chương trình, không phát hiện các trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, bạo lực gia đình. 100% số xã, thị trấn đều có các chuyên mục tuyên truyền về bình đẳng giới trên hệ thống truyền thanh xã, bình quân từ 02 chuyên mục/tháng trở lên. 100% số xã, thị trấn đều có quyết định thành lập hoặc công nhận địa chỉ tin cậy, nhà tạm lánh tại cộng đồng đặt tại Trạm Y tế đảm bảo theo quy định.

Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.

2.5.2. Công tác Quốc phòng và An ninh

2.5.2.1. Quốc phòng

Các xã đã thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương, chú trọng xây dựng lực lượng dân quân nòng cốt và rộng khắp thống nhất trên địa bàn toàn huyện, có số lượng phù hợp, chất lượng ngày càng cao.

Hàng năm Ban Chỉ huy quân sự các xã đã tham mưu cho cấp ủy, chính quyền và hội đồng nghĩa vụ quân sự luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, công tác tuyển gọi công dân nhập ngũ đảm bảo chỉ tiêu và vượt chỉ tiêu cấp trên giao. Tổ chức diễn tập và tham gia đầy đủ các hội thi, hội thao quân sự do các cấp tổ chức đạt kết quả cao.

Từ năm 2010 đến nay cùng với lực lượng vũ trang (LLVT) tỉnh, LLVT huyện Triệu Sơn đã tổ chức và thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua “LLVT chung sức xây dựng NTM”. Trong những năm qua, LLVT huyện đã quyên góp được 425,3 triệu đồng hỗ trợ các thôn, nhà trường thuộc xã về thiết chế văn hóa và tu sửa trường học.

Thông qua phong trào thi đua “LLVT Triệu Sơn chung sức xây dựng NTM” để tiếp tục khẳng định vai trò của LLVT huyện Triệu Sơn trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, góp phần cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân; đồng thời thực hiện tốt chức năng đội quân công tác, tiếp tục tôn vinh hình ảnh xứng danh “Bộ đội Cụ Hồ” của LLVT Triệu Sơn trong giai đoạn mới.

2.5.2.2. An ninh

Cấp ủy, chính quyền luôn xác định an ninh trật tự đảm bảo là cơ sở để giữ vững ổn định chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và góp phần thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của địa phương trong xây dựng NTM.

Hiện nay, tổng số lực lượng công an trên địa bàn huyện 172 đồng chí; trong đó: Có 34/34 xã, thị trấn có công an chính quy với 98 đồng chí (34 trưởng công an xã, 34 phó trưởng công an xã, 30 công an viên).

Trong những năm qua, lực lượng công an xã luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, nỗ lực phấn đấu, khắc phục mọi khó khăn, vươn lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; đảm bảo giữ vững an ninh chính trị (ANCT) và trật tự an toàn xã hội (TTATXH) tại địa bàn. Với những thành tích đã đạt được, nhiều tập thể và cá nhân được các cấp, các ngành biểu dương, khen thưởng, nhiều đơn vị đạt danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” và “Đơn vị tiên tiến” hàng năm.

Các xã đã thực hiện tốt cuộc vận động “Vì bình yên cuộc sống, từng người, từng nhà, từng cơ quan đơn vị hãy làm nhiều việc tốt về ANTT”, xây dựng khu dân cư an toàn về ANTT, xây dựng các mô hình tự quản về ANTT ở khu dân cư. Các mô hình tự quản về ANTT được các xã xây dựng và hoạt động có hiệu quả; điển hình như mô hình: “Dòng họ tự quản” tại xã Thị trấn Triệu Sơn, Bình Sơn; “Tổ an ninh công nhân” tại xã Dân Quyền, Thọ Dân; Tổ an ninh trật tự trường THPT tại xã

Thái Hoà, Hợp Lý, Đồng Lợi; mô hình an ninh trật tự vùng giáp danh (phối hợp với huyện Nông Công); UBND huyện đã chỉ đạo các phòng, ngành, đoàn thể cấp huyện, UBND các xã, thị trấn triển khai xây dựng mô hình “Camera với ANTT” tại các xã, thị trấn.

So với những năm trước đây, tình hình ANTT ở 32 xã đạt chuẩn NTM đã có nhiều chuyển biến tích cực, rõ nét.

Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.

2.6. Kết quả duy trì, nâng cao chất lượng tiêu chí xã NTM

Đối với các xã đã đạt chuẩn NTM, Ban Chỉ đạo xây dựng NTM huyện đã yêu cầu Ban Chỉ đạo các xã rà soát, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện, nâng cao chất lượng tiêu chí. Đến nay các xã đều duy trì và đạt chuẩn theo bộ tiêu chí Quốc gia và các quy định của Tỉnh, chất lượng của các tiêu chí được nâng lên rõ rệt so với thời điểm xét công nhận đạt chuẩn. Đồng thời bắt tay vào công cuộc xây dựng thôn NTM kiểu mẫu, xã NTM nâng cao và xây dựng xã NTM kiểu mẫu.

3. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện NTM

3.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch.

3.1.1. Yêu cầu của tiêu chí

Có quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện được phê duyệt.

3.1.2. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện đến năm 2045 đã được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt và đã được UBND huyện Triệu Sơn tổ chức công bố, công khai quy hoạch. Ngoài ra, đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Triệu Sơn đến năm 2045 đã được đăng tải thông tin quy hoạch lên cổng thông tin điện tử quốc gia www.quyhoach.xaydung.gov.vn và cổng thông tin điện tử của huyện.

- Quy định quản lý xây dựng đã được UBND tỉnh phê duyệt.

3.1.3. Tự đánh giá: Đạt.

3.1.3. Tự đánh giá: Đạt.

3.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông

3.2.1. Yêu cầu của tiêu chí

- Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã;

- Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%.

3.2.2. Kết quả thực hiện tiêu chí

Hoàn thiện và phát triển cơ sở hạ tầng giao thông luôn được huyện quan tâm chỉ đạo thực hiện để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; từng bước xây dựng hệ thống giao thông của huyện phát triển đồng bộ, có một mạng lưới giao thông hợp lý, đảm bảo kết nối toàn diện với đường quốc gia, đường tỉnh, giữa trung tâm hành

chính huyện với trung tâm hành chính các xã và đến các thôn, xóm, các cụm kinh tế - xã hội, khu du lịch, các điểm du lịch, các cụm công nghiệp, các đô thị trên địa bàn.

Giai đoạn 2011 - 2021, tổng nguồn vốn huy động để làm đường giao thông huyện, giao thông liên xã toàn huyện đạt 1.865,4 tỷ đồng (Vốn Trung ương 124,3 tỷ đồng; vốn Tỉnh 175,2 tỷ; vốn huyện 178,6 tỷ; vốn khác 1.387,3); trong đó xây mới, nâng cấp, cải tạo 47,2 km đường huyện, 35,6 km đường xã, 32,7 km đường thôn, xóm nội đồng sản xuất, cải tạo, sửa chữa 27 cầu, 153 cống các loại. Nhìn chung đến thời điểm hiện tại hệ thống mạng lưới giao thông nông thôn huyện Triệu Sơn tương đối hoàn chỉnh, một số tuyến đường được đầu tư quy mô lớn theo hướng đô thị hóa như: đường từ cầu Thiệu đi cầu Nhôm.

- Đường bộ:

Đường huyện quản lý bao gồm 08 tuyến với tổng chiều dài là 62,5km, kết nối với trung tâm hành chính tất cả các xã trên địa bàn đã được nhựa hóa, bê tông hóa đạt 100%. Các tuyến đường huyện được đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng phù hợp với quy hoạch được duyệt, đạt chuẩn cấp VI đến cấp III. Cấp kỹ thuật các tuyến đường đạt chuẩn theo quy định.

Trên địa bàn huyện hiện có 144 cầu, cống các loại với tổng chiều dài 2.121m. Những năm qua hệ thống cầu, cống đã được nâng cấp mở rộng, xây mới đảm bảo giao thông, thoát nước, phù hợp với cấp đường quy hoạch và định hướng phát triển kinh tế - xã hội. Hàng năm huyện đều xây dựng kế hoạch duy tu, bảo trì các tuyến đường GTNT và công trình trên tuyến (*bình quân ngân sách huyện đã bố trí khoảng 01 đến 02 tỷ đồng/năm*).

- Hệ thống vận tải, bến xe: Hiện nay trên địa bàn huyện có 02 bến xe đang hoạt động là bến xe khách Hào Hương (*diện tích 6.568,2m²*) và bến xe Huyện Hồng (*diện tích 8.858,3 m²*) tại Thị trấn Triệu Sơn, đáp ứng tiêu chuẩn bến loại IV. Ngoài ra, còn một số doanh nghiệp vận tải khác như: Công ty TNHH vận tải hành khách và Thương mại du lịch Thọ Mười (nhà xe Thọ Mười), công ty TNHH vận tải Tam Hợp (nhà xe Giang Thắng), công ty TNHH vận tải hành khách Anh Kết (nhà xe Anh Kết), công ty TNHH vận tải hành khách và thương mại du lịch Hải Định (nhà xe Hải Định), công ty TNHH thương mại dịch vụ vận tải và du lịch Bình Hoài (nhà xe Bình Hoài), nhà xe Anh Hào, nhà xe Thực Yên, nhà xe Thanh Hoa.

Hệ thống vận tải của huyện đang từng bước được hoàn thiện, mạng lưới xe buýt đã hoàn chỉnh gồm các điểm dừng, đỗ, nhà chờ trên các trục đường chính.

3.2.3. Tự đánh giá: Đạt.

3.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi

3.3.1. Yêu cầu của tiêu chí

Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch.

3.3.2. Kết quả thực hiện tiêu chí

Toàn bộ diện tích đất nông nghiệp của 36 xã, thị trấn (trước khi sáp nhập) được cấp nước chủ yếu qua hệ thống Kênh Nam và C6 lấy nước từ hồ Cửa Đạt (huyện Thường Xuân), chiếm 45%, lượng nước còn lại lấy từ 36 hồ, đập và 66 trạm bơm nhỏ bơm nước từ sông Nhôm, sông Hoàng trên địa bàn huyện.

Hệ thống thủy lợi liên xã được xây dựng phù hợp với quy hoạch thủy lợi được duyệt tại các Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 17/6/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt tổng thể thủy lợi tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030, Quyết định số 3670/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án Quy hoạch thủy lợi chi tiết vùng Nam sông Chu, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030. Công trình thủy lợi liên xã chính của huyện là hệ thống tưới kênh Nam, kênh C6, kênh dẫn từ các hồ, đập và kênh dẫn từ các trạm bơm tưới với tổng chiều dài kênh liên xã là 73,08 km, phục vụ tưới tiêu cho 32 xã và 2 thị trấn.

Có tổ chức quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã là Công ty TNHH MTV Sông Chu (trực tiếp là Chi nhánh thủy lợi Triệu Sơn), các HTX dịch vụ nông nghiệp hoạt động hiệu quả, bền vững. Cụ thể:

- Công ty TNHH MTV Sông Chu được thành lập theo quy định hiện hành, Công ty được chuyển đổi thành mô hình công ty TNHH một thành viên hoạt động công ích có vốn nhà nước 100%, thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật. Quản lý khai thác hệ thống theo đúng kế hoạch được duyệt, đảm bảo tưới tiêu nước hợp lý, hiệu quả: Hàng năm, Công ty TNHH MTV Sông Chu đều thực hiện kiểm tra công trình trước lũ, sau lũ; rà soát, bổ sung phương án phòng chống lụt bão; xây dựng kế hoạch duy tu bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn; phối hợp chặt chẽ với UBND huyện, phòng Nông nghiệp và PTNT huyện xây dựng kế hoạch, phương án điều tiết nước tưới tiêu hợp lý và xử lý các sự cố xảy ra trong quá trình thực hiện.

- Các HTX dịch vụ nông nghiệp được thành lập, chuyển đổi theo Luật HTX năm 2012, thực hiện theo Luật HTX và các quy định khác của pháp luật. Quản lý khai thác hệ thống theo đúng kế hoạch được duyệt, đảm bảo tưới tiêu nước hợp lý, hiệu quả: Hàng năm, các HTX đều thực hiện kiểm tra công trình trước lũ, sau lũ; rà soát, bổ sung phương án phòng chống lụt bão; xây dựng kế hoạch duy tu bảo dưỡng, sửa chữa các công trình thủy lợi trên địa bàn được giao quản lý; xây dựng kế hoạch, phương án điều tiết nước tưới tiêu hợp lý, hiệu quả và xử lý các sự cố xảy ra trong quá trình thực hiện.

3.3.3. Tự đánh giá: Đạt

3.4. Tiêu chí số 4 về Điện

3.4.1. Yêu cầu của tiêu chí

Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống.

3.4.2. Kết quả thực hiện tiêu chí

Hệ thống điện Triệu Sơn được đầu tư đồng bộ, cơ bản đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất sinh hoạt cho nhân dân. Toàn huyện có 01 trạm trung gian, 422 trạm biến áp, 367 km đường dây trung thế, 853 km đường dây hạ thế, được quản lý, vận hành bởi Điện lực Triệu Sơn và Công ty cổ phần quản lý kinh doanh và xây lắp điện Thanh Hóa. Hệ thống điện đảm bảo cấp điện an toàn đạt tiêu chuẩn và đáp ứng nhu cầu sử dụng điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và dân sinh trên địa bàn huyện. Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện an toàn từ các nguồn đạt 100%.

3.4.3. Tự đánh giá: Đạt.

3.5. Tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục

3.5.1. Nội dung về y tế

3.5.1.1. Yêu cầu của tiêu chí

Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia.

3.5.1.2. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Bệnh viện Đa khoa huyện Triệu Sơn được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa công nhận là bệnh viện hạng II, là đơn vị sự nghiệp y tế trực thuộc Sở Y tế Thanh Hóa. Bệnh viện có cơ cấu tổ chức gồm Ban giám đốc (gồm Giám đốc và 3 Phó Giám đốc), 5 phòng chức năng và 12 khoa, phòng chuyên môn với quy mô 441 giường bệnh thực kê; có tổng số 261 cán bộ, trong đó có: 67 bác sĩ điều trị (03 bác sĩ chuyên khoa cấp II, 15 thạc sĩ và bác sĩ chuyên khoa cấp I), 12 dược sĩ (5 dược sĩ đại học), còn lại là các cán bộ y tế và các cán bộ khác.

Bệnh viện được đầu tư cơ sở vật chất khang trang với đầy đủ các trang thiết bị y tế đáp ứng yêu cầu của bệnh viện hạng II đáp ứng nhu cầu khám và điều trị bệnh cho nhân dân.

Hàng năm bệnh viện khám và điều trị cho khoảng 130.000 lượt người được khám bệnh, điều trị nội trú với trên 20.000 lượt người. Số lượt khám chữa bệnh năm 2021 là 20.908 lượt, không để xảy ra các sai sót chuyên môn nghiêm trọng. Kết quả đánh giá chất lượng bệnh viện năm 2021 theo Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam, ban hành kèm theo Quyết định số 6858/QĐ-BYT ngày 18/11/2016 của Bộ Y tế, Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn thực hiện 83/83 tiêu chí với tổng số điểm là 276 điểm, trung bình 3,31 điểm/tiêu chí.

- Trung tâm y tế huyện Triệu Sơn được xếp hạng đơn vị Y tế hạng III theo Quyết định số 5048/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh

Hóa. Cơ sở hạ tầng hiện tại đảm bảo cho hoạt động chuyên môn của 07 khoa, phòng và khu điều trị Methadonen thay thế dạng thuốc phiện; nguồn nhân lực của Trung tâm y tế gồm 47 người, trong đó có 16 bác sỹ chuyên khoa II 01 bác sỹ, chuyên khoa I 06 bác sỹ 05 bác sỹ đa khoa, có hệ thống máy móc, trang thiết bị đảm bảo cho thực hiện các hoạt động y tế dự phòng, các chương trình mục tiêu y tế quốc gia và các bệnh xã hội. Nhiều năm liền không để xảy ra các vụ dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm lớn trên địa bàn.

3.5.1.3. Tự đánh giá: Đạt

3.5.2. Nội dung về Văn hóa

3.5.2.1. Yêu cầu của tiêu chí

Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã có hiệu quả đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26/2/2010 ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của tổ chức sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/01/2010 quy định tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3.5.2.2. Kết quả thực hiện tiêu chí

** Về văn hoá:*

- Hiện tại, huyện đã có Trung tâm hội nghị huyện với diện tích 5.800m², gồm: Nhà Hội trường 1.250m², có 05 phòng chức năng, xây dựng và đưa vào sử dụng năm 2010, được nâng cấp khang trang (năm 2015 và 2020); hội trường có 380 chỗ ngồi, sân khấu rộng 108m², được trang bị đầy đủ quốc hiệu, quốc huy, cờ đảng, cờ tổ quốc, bàn, ghế, các thiết bị âm thanh, ánh sáng đảm bảo phục vụ hội nghị và tổ chức hội diễn văn nghệ cấp huyện.

- Khu Văn hóa - Thể thao huyện có diện tích 47.000m², gồm: 01 sân bóng đá, 02 sân tennis, 02 sân bóng chuyền, 02 sân cầu lông, 01 sân bóng đá mini, 01 bể bơi và khu vui chơi cho thiếu nhi.

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện:

+ Trụ sở Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện có quy mô 2 tầng, diện tích 250m², gồm 9 phòng chức năng.

- Bộ máy của Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện có 18 cán bộ viên chức: trong đó có 01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc và 15 viên chức, gồm 03 phòng nghiệp vụ, Phòng Hành chính, Phòng Nghiệp vụ, Đài Truyền thanh - Truyền hình. Đội ngũ cán bộ viên chức Trung tâm Văn hóa - Thể dục, Thể thao huyện được đào tạo đảm bảo trình độ phục vụ hoạt động chuyên môn, 100% cán bộ có trình độ Đại học (có 03 thạc sỹ), lý luận chính trị cao cấp 03 và 10 người có trình độ trung cấp.

Hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể dục, Thể thao huyện: Trong giai đoạn 2011 - 2021 đã tổ chức thành công 2 kỳ Đại hội Thể dục - Thể thao cấp cơ sở

và Đại hội Thể dục - Thể thao huyện lần thứ 6 năm 2013; lần thứ 7 năm 2017. Hàng năm huyện đều tổ chức tham gia thi đấu các giải thể thao cấp tỉnh tổ chức thường xuyên tổ chức các giải thể thao quần chúng như: Chạy việt dã, bóng chuyền da, bóng chuyền hơi, bóng đá, kéo co, bóng bàn, cầu lông...Ngoài ra, để đảm bảo các nhu cầu sinh hoạt và tập luyện thể thao của nhân dân Trung tâm Thể dục - Thể thao còn duy trì thường xuyên các hoạt động của các câu lạc bộ thể dục thể thao ở các bộ môn: Bóng đá nam, bóng bàn, cầu lông, quần vợt, võ thuật cổ truyền, thể dục thẩm mỹ, bóng rổ...Hiện nay, trên địa bàn huyện có 131 Câu lạc bộ (CLB) thể thao được tổ chức và duy trì thường xuyên. Trong đó: 72 CLB bóng chuyền hơi, 25 CLB Bóng bàn, 27 CLB Cầu lông, 7 CLB Bóng đá... Trung tâm Văn hóa - Thể dục, Thể thao huyện và các CLB là địa chỉ để mọi người dân, những người có sở thích đam mê thể thao đến để sinh hoạt và tập luyện.

Quá trình tổ chức và hoạt động, Phong trào Thể dục, Thể thao của huyện Triệu Sơn ngày càng được nâng cao, tham gia đầy đủ các Hội thi do tỉnh, ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức. Qua các kỳ Đại hội TDTT tham gia thi đấu các môn từ 2011 đến nay, huyện Triệu Sơn đã được tặng 8 Huy chương Vàng, 19 Huy chương Bạc, 25 Huy chương đồng, được tặng cờ thi đua xuất sắc Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”; hiện tại đứng thứ 18/29 đơn vị trong toàn tỉnh; các kỳ Seagames huyện Triệu Sơn không có vận động viên đạt Huy chương Vàng, Huy chương Bạc.

- Phong trào văn hóa, văn nghệ được tổ chức và duy trì thường xuyên, với các nội dung hoạt động vui chơi, giải trí và thi đua chào mừng các sự kiện chính trị, các ngày lễ, kỷ niệm của đất nước, của tỉnh, của huyện như: Hội diễn văn nghệ mừng Đảng, mừng Xuân; hội diễn văn nghệ chào mừng các ngày kỷ niệm của đất nước và địa phương, tổ chức Hội thi kỷ niệm ngày thành lập Đảng; Hội thi Nhà nông đua tài; Hội thi Văn nghệ gia đình NTM; Hội thi Văn nghệ gia đình văn hóa; Hội thi Phụ nữ với an toàn vệ sinh thực phẩm; Hội thi giảm nghèo... Trung tâm Văn hóa - Thể dục, Thể thao huyện, mỗi năm tổ chức từ 7 đến 9 chương trình hoạt động văn hóa - văn nghệ; mở từ 15 đến 22 lớp năng khiếu; thường xuyên phối hợp với các xã, thị trấn trên địa bàn tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, phục vụ các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa của địa phương; Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, duy trì và phát triển dưới các loại hình câu lạc bộ, nhóm sở thích, các lớp năng khiếu nghệ thuật đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân. Ngoài ra huyện còn tập trung phục dựng các loại hình di sản văn hóa phi vật thể gắn với phát triển du lịch: Nhảy sạp, khua Luồng; khôi phục các trò chơi, trò diễn truyền thống phục vụ nhân dân trong dịp tết cổ truyền của dân tộc như: Ném còn, cờ người, pháo đất, đu... Tổ chức lớp tập huấn các làn điệu chèo và sử dụng nhạc cụ dân tộc, các CLB tham gia Hội thi cấp tỉnh, toàn quốc giành nhiều huy chương

vàng. Huyện đã tham gia Hội thi thông tin cổ động toàn tỉnh từ năm 2010 - 2021 đều đạt Giải A. Hàng năm, đã tổ chức 130 đến 150 lượt tuyên truyền lưu động, dựng 280 pa nô tấm lớn tại các vị trí trung tâm của huyện; hàng 1000 áp phích và treo 1200 băng rôn, khẩu hiệu. Hiện nay, trên địa bàn huyện có 135 CLB, gồm: 34 CLB văn nghệ cơ quan văn hóa, 08 CLB thơ, 10 CLB Chèo, 34 CLB Văn hóa, Thể thao của Người cao tuổi; 34 CLB Liên thế hệ, 15 CLB Gia đình phát triển bền vững, 10 CLB gia đình hạnh phúc, 34 CLB Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế. Các CLB được tổ chức và duy trì thường xuyên. Các CLB được tổ chức và duy trì thường xuyên. Trong đó tiêu biểu như: CLB liên thế hệ Thị Trấn Triệu Sơn, CLB liên thế hệ Xã Dân Lực, CLB liên thế hệ Xã Dân Quyền, CLB liên thế hệ xã Xuân Thịnh...

- Thư viện huyện có hơn 10.000 đầu sách, báo các loại và được liên tục bổ sung các đầu sách, báo, tạp chí với hơn 700 đầu sách/năm (50 triệu đồng), đặt mua 12 tạp chí, báo/ quý phục vụ bạn đọc; có 01 phòng máy với 10 máy tính có kết nối Internet phục vụ nhu cầu tra cứu của độc giả thuộc dự án Bill MelidaGette tài trợ năm 2013. Hàng năm có hơn 120 bạn đọc làm thẻ mới và có hơn 100 bạn đọc thường xuyên. Mỗi ngày thư viện đón 30-50 lượt bạn đọc.

Những năm qua Thư viện huyện đã tổ chức nhiều hoạt động quảng bá văn hóa đọc như: tổ chức các ngày hội đọc sách, trao sách cho các thư viện xã và trường học trên địa bàn huyện như năm 2017, 2018, 2020, 2021 tham mưu hỗ trợ 1500 đầu sách cho các xã Thọ Bình, Thọ Tiến, Hợp Lý, tủ sách dòng họ, tủ sách hội Giáo chức; ...Tổ chức phát hơn 800 thẻ đọc miễn phí cho học sinh giỏi, học sinh nghèo vượt khó trên địa bàn huyện.

Với thành tích đạt được, ngành văn hóa huyện Triệu Sơn đã được Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch tặng Bằng khen và Cờ thi đua năm 2017, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa tặng Bằng khen năm 2020 và nhiều giấy khen của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Tổng kinh phí từ ngân sách Nhà nước cấp cho hoạt động văn hóa, thể thao cấp huyện từ năm 2011 - 2021 là 24,486 tỷ đồng.

* Để nâng cao chất lượng tiêu chí, huyện đã thống nhất chủ trương đầu tư mới Khu Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện trong năm 2021 với tổng diện tích là 67.343m², gồm 04 khu vực:

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện với các hạng mục công trình đảm bảo đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Quy mô xây dựng gồm:

Khu Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện với tổng diện tích là 67.343m², gồm 04 khu vực:

+ Nhà tập luyện và thi đấu có diện tích là 3.051m²; được thiết kế và xây dựng đúng quy chuẩn tập luyện và thi đấu, diện tích xây dựng 2.786m², cơ cấu đầy đủ các phòng chức năng; khán đài 1.546m² và 1500 chỗ ngồi.

+ Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện quy mô xây dựng 03 tầng, mỗi tầng 358m² (tổng diện tích 1.074m²) trong đó: có 12 phòng chức năng đảm bảo diện tích theo quy định, 01 phòng Giám đốc, 02 phòng Phó Giám đốc, 07 phòng làm việc cán bộ viên chức; 01 phòng họp 96m²; 01 phòng truyền thống diện tích 96m²; khu thư viện gồm: 01 phòng đọc 96m², 01 phòng đọc báo điện tử 40m², 01 kho sách 40m², 01 phòng cán bộ phụ trách 20m²...

+ Sân vận động diện tích 14.204m², khán đài quy mô 2.000 chỗ ngồi; có đường pit kiên cố, hệ thống đèn chiếu sáng. Các công trình này đều được thiết kế, xây dựng đảm bảo tiêu chuẩn, phục vụ tốt các hoạt động thi đấu, luyện tập (kể cả buổi tối) cho vận động viên và nhân dân trong huyện. Hệ thống thiết bị tập luyện và thi đấu thể dục ngoài trời; gồm 02 sân Cầu lông 700m², 02 sân Tennis diện tích 1.406m², Bể bơi được xây dựng đạt chuẩn diện tích 2.1002. Vườn hoa cây xanh 10.119m².

Tổng vốn đầu tư xây dựng khu Trung tâm Văn hoá - Thể thao khoảng 145 tỷ đồng.

* Về Du lịch: Thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XVIII, Đại hội Đảng bộ huyện Triệu Sơn khóa XVII xác định phát triển du lịch là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ 2015 - 2020. Trong những năm qua huyện Triệu Sơn đã tập trung quản lý quy hoạch về phát triển du lịch, đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch, làm các tuyến đường kết nối các điểm du lịch trên địa bàn, trùng tu, tôn tạo các di tích, bảo tồn khôi phục văn hóa phi vật thể và nghề truyền thống tạo sản phẩm du lịch; thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm về Chương trình phát triển du lịch huyện Triệu Sơn, đến 2025, tầm nhìn đến năm 2030; quy hoạch xây dựng du lịch văn hóa tâm linh Ngàn Nưa, gắn với du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái, làng nghề hoa cây cảnh...

3.5.2.3. Tự đánh giá: Đạt

3.5.3. Nội dung về Giáo dục

3.5.3.1. Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn $\geq 60\%$.

3.5.3.2. Kết quả thực hiện tiêu chí

Năm 2010 trên địa bàn huyện có 7 trường Trung học phổ thông (THPT) gồm: 01 trường Dân Lập (Trường THPT Triệu Sơn), 06 trường công lập (Trường THPT Triệu Sơn 1, Trường THPT Triệu Sơn 2, Trường THPT Triệu Sơn 3, Trường THPT Triệu Sơn 4, Trường THPT Triệu Sơn 5, Trường THPT Triệu Sơn 6). Đến năm 2017 trường Triệu Sơn 6 giải thể.

Từ năm 2010 đến nay, các trường THPT trên địa bàn huyện đã tích cực đầu tư xây mới, cải tạo, bổ sung cơ sở vật chất phòng học, phòng học bộ môn, phòng

chức năng, tăng cường các trang thiết bị, đồ dùng dạy học,... đồng thời hoàn thiện các tiêu chuẩn của trường trung học đạt chuẩn quốc gia theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về công nhận kiểm định chất lượng và đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Đến 30/9/2021 toàn huyện còn 6 trường THPT trong đó 4 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia, đạt 66,7% (Trường THPT Triệu Sơn 1, Trường THPT Triệu Sơn 2, Trường THPT Triệu Sơn 5, Trường Phổ thông Triệu Sơn)

- Trường THPT Triệu Sơn, thành lập năm 2002. Năm học 2020-2021 trường có 1.230 học sinh ở 3 khối học và 3 cấp học, có 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, có 48 phòng học, 03 phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường đã hoàn thành công tác Tự đánh giá 5/5 tiêu chuẩn đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục theo thông tư 18/2018/TT- BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, dự kiến đề nghị kiểm tra công nhận kiểm định chất lượng và trường đạt chuẩn quốc gia trong năm 2021.

- Trường THPT Triệu Sơn 1 thành lập năm 1965, đạt chuẩn Quốc gia năm 2018 theo Quyết định số 665/QĐ-UBND ngày 23/02/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa, được Bộ giáo dục và Đào tạo công nhận là Cơ sở đạt tiêu chuẩn giáo dục cấp độ III. Năm học 2020-2021 trường có 1134 học sinh ở 3 khối học và 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, có 30 phòng học, 06 phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Trường THPT Triệu Sơn 2 thành lập năm 1968. Năm học 2020-2021 trường có 881 học sinh ở 3 khối học và 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, có 26 phòng học, 06 phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường đã hoàn thành công tác Tự đánh giá 5/5 tiêu chuẩn đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục theo thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD-ĐT, đạt chuẩn Quốc gia năm 2021.

- Trường THPT Triệu Sơn 3 thành lập năm 1984. Năm học 2020-2021 trường có 919 học sinh ở 3 khối học và 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, có 22 phòng học, 10 phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Trường THPT Triệu Sơn 4 thành lập năm 1998. Năm học 2020-2021 trường có 881 học sinh ở 3 khối học và 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, có 26 phòng học, 06 phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Trường THPT Triệu Sơn 5 thành lập năm 2000. Năm học 2020-2021 trường có 865 học sinh ở 3 khối học và 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên

chuẩn, có 27 phòng học, 08 phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường đã hoàn thành công tác Tự đánh giá 5/5 tiêu chuẩn đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục theo thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD-ĐT, đạt chuẩn Quốc gia năm 2021.

Các trường trên địa bàn huyện có vị trí địa lý phù hợp với hiện trạng phân bố dân cư. Diện tích đảm bảo theo yêu cầu trường học đạt chuẩn quốc gia. Khuôn viên các trường được xây dựng riêng biệt, có tường rào, cổng trường, biển trường; các khu vực trong nhà trường được bố trí hợp lý, luôn sạch đẹp. Diện tích phòng học, bàn ghế học sinh, bàn ghế giáo viên, bảng viết đúng quy cách; phòng học thoáng mát, đủ ánh sáng, an toàn; khu sân chơi bãi tập rộng, đảm bảo an toàn, đúng tiêu chuẩn. Cơ sở vật chất đảm bảo, có đủ số phòng học, phòng học bộ môn, phòng chức năng, có cây xanh bóng mát, có nhà vệ sinh bố trí riêng cho giáo viên và học sinh đảm bảo yêu cầu. Có hệ thống cấp thoát nước, hệ thống điện lưới, hệ thống công nghệ thông tin kết nối Internet, có Website hoạt động thường xuyên đáp ứng yêu cầu dạy học và quản lý.

3.5.3.3. Tự đánh giá: Đạt.

3.6. Tiêu chí số 6 về Sản xuất

3.6.1. Yêu cầu của tiêu chí:

Huyện đạt chuẩn tiêu chí về sản xuất khi đáp ứng 1 trong 2 điều kiện:

- Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện, đảm bảo: Có quy mô đất đai, mặt nước lớn, liên xã theo quy định của từng tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm và phát triển bền vững; các khâu sản xuất trồng trọt được cơ giới hóa đồng bộ; các khâu sản xuất chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản được cơ giới hóa theo quy định của từng tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Có mô hình liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và thực hiện tiêu thụ ít nhất 10% sản lượng đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện theo quy hoạch.

3.6.2. Kết quả thực hiện tiêu chí

Giai đoạn 2011-2021, huyện Triệu Sơn đã ban hành nhiều Nghị quyết, Chỉ thị, Kế hoạch, Đề án; Chương trình hành động và cơ chế chính sách để tập trung đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp, trong đó có một số văn bản chủ yếu sau:

- Chương trình hành động số 13-CTr/HU ngày 14/3/2016 của Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện Nghị quyết số 16- NQ/TU ngày 20/4/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa về tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020, định

hướng đến năm 2025 theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững;

- Quyết định số 675-QĐ/HU ngày 28/4/2016 của Huyện ủy ban hành Chương trình đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất gắn với tái cơ cấu kinh tế huyện Triệu Sơn giai đoạn 2016- 2020;

- Chương trình hành động số 64-CTr/HU ngày 02/4/2019 của Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Chương trình số 12-CTr/HU ngày 16/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Triệu Sơn giai đoạn 2021-2025;

- Chỉ thị số 15-CT/HU ngày 31/10/2012 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm tại hộ gia đình theo hướng nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm, an toàn dịch bệnh và vệ sinh môi trường, giai đoạn 2012- 2016;

- Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 27/7/2012 của UBND huyện về việc phê duyệt, ban hành Đề án "Củng cố, nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng vùng mía nguyên liệu huyện Triệu Sơn giai đoạn 2012-2015, định hướng đến năm 2020";

- Quyết định số 2604/QĐ-UBND ngày 05/11/2012 của UBND huyện về việc phê duyệt, ban hành Đề án "Phát triển cơ giới hóa và xây dựng mô hình cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất lúa huyện Triệu Sơn giai đoạn 2012-2015";

- Quyết định số 2605/QĐ-UBND ngày 05/11/2012 của UBND huyện về việc phê duyệt, ban hành Đề án "Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm tại hộ gia đình theo hướng nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm, an toàn dịch bệnh và vệ sinh môi trường trên địa bàn huyện Triệu Sơn, giai đoạn 2012 - 2016 ";

- Phương án số 1728/PA-UBND ngày 07/9/2016 của UBND huyện về việc chuyển đổi đất trồng lúa năng suất, hiệu quả thấp sang các loại cây trồng khác và kết hợp nuôi trồng thủy sản để có hiệu quả kinh tế cao hơn trên địa bàn huyện Triệu Sơn giai đoạn 2016-2020;

- Phương án số 4409/PA-UBND ngày 18/11/2020 của UBND huyện về việc chuyển đổi đất trồng lúa sang trồng cây khác hoặc kết hợp nuôi trồng thủy sản cho hiệu quả kinh tế cao hơn giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 của UBND huyện về việc ban hành Đề án phát triển các sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện Triệu Sơn giai đoạn 2021-2025;

- Sản xuất nông nghiệp huyện Triệu Sơn đã đạt được nhiều kết quả nổi bật, cụ thể:

+ *Về trồng trọt*: Tổng diện tích gieo trồng cả năm 2021 đạt 25.010 ha trong đó: diện tích lúa 18.722 ha; diện tích ngô 1.373,5 ha; diện tích các loại cây trồng khác 4.914,5 ha, tổng sản lượng lương thực cả năm đạt 119,5 ngàn tấn, tổng giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2021 ước đạt 2.047,3 tỷ đồng, giá trị sản phẩm thu được trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2021 ước đạt 135 triệu đồng. Huyện đã thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm khác và trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản đạt 456 ha, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Bước đầu đã hình thành được các vùng sản xuất tập trung gắn liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, cụ thể:

Vùng sản xuất lúa năng suất, chất lượng, hiệu quả cao 6.400 ha tại 24 xã, thị trấn; (Thái Hòa, Đồng Thắng, Đồng Lợi, Nông Trường, An Nông, Dân Lý, Dân Lực, Xuân Lộc, Thọ Phú, Thọ Vực, Xuân Thịnh, Thọ Dân, Thọ Ngọc, Xuân Thọ, Dân Quyền, Đồng Tiến, Tiến Nông, Khuyến Nông, Thọ Cường, Thọ Tiến, Thọ Sơn, Thọ Bình, Thị trấn Triệu Sơn, Thị trấn Nưa) liên kết với các công ty TMDV Sao Khuê, Công ty CP giống cây trồng Tứ Xuyên, Công ty CP giống cây trồng Trung ương, Công ty CP giống cây trồng Thái Bình sử dụng các giống lúa chủ lực như: Thái xuyên 111, VT 404, RVT, Bắc thơm, BC 15, TBR 225

Vùng sản xuất rau an toàn liên kết với các siêu thị Big C, Co.opmart Thanh hóa tại xã Tiến Nông, Dân Lý: 9ha

Vùng sản xuất rau, quả giá trị cao trong nhà lưới, nhà màng tại Tiến Nông, Vân Sơn, Minh Sơn: 03 ha.

Vùng sản xuất ngô sinh khối cho bò sữa liên kết với Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam- Trang trại bò sữa Như Thanh, Trang trại bò sữa Thanh Hoá: 150 ha tại các xã Nông Trường, Vân Sơn, Thái Hoà.

Vùng sản xuất chè 300 ha tại xã Bình Sơn

Vùng sản xuất hoa, cây cảnh 250ha tại xã Vân Sơn, Hợp Lý, Hợp Tiến

+ *Về chăn nuôi - Thú y*: Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi năm 2021 ước đạt 617 tỷ đồng, chiếm 30,2% trong cơ cấu nội bộ ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, tổng đàn trâu, bò năm 2021 đạt 15.350 con, đàn lợn 67.000 con, đàn gia cầm 1,15 triệu con. Sản lượng thịt hơi các loại đạt 15.500 tấn, trong đó riêng thị lợn đạt khoảng 10.500 tấn.

Đến nay, toàn huyện có 214 trang trại, gia trại, huyện đã xây dựng được nhiều mô hình sản xuất quy mô lớn liên kết với các công ty, siêu thị, các cửa hàng thực phẩm để bao tiêu sản phẩm như: Trang trại của ông Lê Bá Đức và Lê Bá

Thù tại xã Thái Hòa nuôi lợn thịt ngoại, liên kết với công ty CP và Công ty Thái Dương theo hình thức nuôi gia công; Trang trại của ông Nguyễn Xuân Trường và Lê Đưa Hiếu tại xã Thọ Bình nuôi gà thịt liên kết với Công ty TNHH JAPFA COMFEED Việt Nam tỉnh Vĩnh Phúc và Công ty TNHH Thức ăn Golden Star tỉnh Nghệ An.

+ *Về lâm nghiệp*: : Toàn huyện có 16 xã, thị trấn có rừng (Bình Sơn, Thọ Bình, Thọ Sơn, Triệu Thành, Hợp Thành, Hợp Tiến, Hợp Lý, Hợp Thắng, Thọ Tiến, Thọ Tân, Minh Sơn, Dân Lực, Thọ Cường, Vân Sơn, Thái Hòa, Thị trấn Nưa). Tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp 4.521,83 ha, trong đó rừng phòng hộ 1.240,85 ha, rừng sản xuất 3.280,98 ha; giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp năm 2021 ước đạt 36,876 tỷ đồng. Do làm tốt công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng nên trong những năm qua không để xảy ra cháy rừng, phá rừng trái pháp luật, an ninh rừng được giữ vững, diện tích rừng sản xuất đã mang lại nhiều hiệu quả kinh tế cho người dân.

+ *Về thủy sản*: Là ngành kinh tế có chiều hướng phát triển trong nông nghiệp, huyện đã rất quan tâm quy hoạch, đầu tư để phát triển theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; đến nay, toàn huyện có diện tích 880 ha diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản, gồm có vùng nuôi quảng canh cải tiến với diện tích 859,7 ha; vùng nuôi thâm canh, bán thâm canh với diện tích đạt 20,3 ha. Giá trị sản xuất ngành thủy sản năm 2021 ước đạt 76,3 tỷ đồng; giá trị sản phẩm thu được trên một ha nuôi trồng thủy sản ước đạt 161,7 triệu đồng (*cao hơn 37,2 triệu đồng so với trồng trọt*).

+ *Về áp dụng cơ giới hóa đồng bộ trong các khâu sản xuất trồng trọt, chăn nuôi*

Hoạt động cơ giới trong sản xuất lúa được quan tâm đẩy mạnh, hiện nay toàn huyện có 110 máy gặt đập liên hợp, 35 cơ sở mạ khay, 106 máy cấy, trên 100 máy làm đất cỡ lớn, thực hiện cơ giới hoá 100% khâu làm đất và thu hoạch, 40% sử dụng mạ khay và 25% cấy máy; việc đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hoá vào sản xuất đã góp phần quan trọng tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, giảm nhân công lao động trong nông nghiệp, thúc đẩy chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu lao động nông thôn.

Trong chăn nuôi 100% các trang trại, gia trại chăn nuôi đều áp dụng phương thức xây dựng chuồng kín, sử dụng máng ăn, máng uống tự động, bán tự động phối trộn, cung cấp thức ăn, sử dụng hệ thống làm mát, chống nóng, chuồng nuôi khép kín và điều tiết nhiệt độ.

+ *Về công tác an toàn thực phẩm trong sản xuất nông nghiệp*

Trên địa bàn huyện đã triển khai xây dựng các mô hình sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm (ATTP); chỉ đạo đẩy mạnh phát triển sản xuất và tái cơ cấu nông

ng nghiệp; quản lý, kiểm tra vật tư nông nghiệp (bao gồm cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật...); tổ chức ký cam kết đối với các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, lâm, thủy sản nhỏ lẻ; tổ chức giám sát hoạt động sản xuất tại cộng đồng; kiểm tra vệ sinh thú y, kiểm soát vận chuyển, giết mổ gia súc, gia cầm; tập huấn nâng cao kiến thức cho người sản xuất, tuyên truyền về ATTP, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất... Đến nay, toàn huyện đã xây dựng được 32 chuỗi lúa gạo, 29 chuỗi rau quả, 24 chuỗi thịt gia súc gia cầm, 21 chuỗi thủy sản cung ứng thực phẩm an toàn, có 32/32 xã được công nhận xã ATTP theo tiêu chí của tỉnh. Trên địa bàn huyện không có vi phạm về vệ sinh ATTP.

3.6.3. Tự đánh giá: Đạt.

3.7. Tiêu chí số 7 về Môi trường

3.7.1. Yêu cầu của tiêu chí

- Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn.
- 100% các cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường.

3.7.2. Kết quả thực hiện tiêu chí

HĐND huyện đã ban hành Nghị quyết số 31/NQ-HĐND, ngày 25/12/2017 về cơ chế khuyến khích hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Triệu Sơn giai đoạn 2018- 2021. Huyện tập trung tăng cường chỉ đạo công tác vệ sinh môi trường, cụ thể: Thành lập và kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện công tác vệ sinh môi trường, ban hành, chỉ đạo nhiều văn bản liên quan đến quản lý môi trường và văn bản chỉ đạo trực tiếp tiêu chí số 17 về môi trường đối với các xã NTM và tiêu chí số 7 môi trường huyện NTM đến nay kết quả đạt được như sau:

3.7.2.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn

- Về thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông thường:

Huyện Triệu Sơn có 32 xã và 2 thị trấn (trước ngày 01/12/2019 là 35 xã và 01 thị trấn); dân số 204.876 người; lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tính bình quân 01 khẩu (đô thị: 0,8kg/ngày, nông thôn: 0,56 kg/ngày); như vậy toàn huyện ước tính tổng lượng rác phát sinh khoảng 121 tấn/ngày. Năm 2020, tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt của huyện đạt 92% (năm 2021 dự ước đạt 95% (thị trấn đạt 97,4%; các xã đạt khoảng 94,7%). Lượng rác trung bình thu gom, xử lý khoảng 115 tấn/ngày. Do người dân đã phân loại, tận dụng những rác thải có nhóm hữu cơ để làm thức ăn chăn nuôi, phân bón hữu cơ nhờ đó lượng rác thải thu gom đã giảm đi nhiều, trung bình thu gom được xử lý khoảng 86,8 tấn/ngày.

Đề thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt đúng quy định, huyện Triệu Sơn đã quy hoạch 132 trạm trung chuyển tại các xã, thị trấn điểm trung chuyển, tập kết rác, đầu tư nâng cấp, cải tạo 36 khu xử lý tại các xã; đầu tư khu xử lý tập trung toàn huyện từ nguồn ngân sách huyện, huy động từ cấp trên và xã hội hóa tại xã Vân Sơn - Thái Hòa (công suất 100 tấn/ngày). Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung (bãi chôn lấp) của các xã được định kỳ phun chế phẩm, rắc vôi bột; chôn lấp rác thải theo hình thức cuốn chiếu và phủ lớp đất bề mặt.

Rác thải sau khi được thu gom, vận chuyển đến các khu xử lý rác của các xã, thị trấn để xử lý. Phần còn lại hợp đồng với đơn vị thu gom vận chuyển đi xử lý tại bãi chôn lấp hợp vệ sinh (bãi rác Đông Nam - Thành phố Thanh Hoá) và hợp đồng xử lý tại khu xử lý bằng công nghệ đốt tại huyện Hoàng Hóa.

Toàn huyện có 34 tổ vệ sinh làm nhiệm vụ thu gom từ chủ nguồn thải đến khu xử lý, sử dụng 46 xe kéo, 350 xe gom rác đẩy tay, 03 xe ben tải nhỏ, 08 công nông và sử dụng 02 xe chuyên dụng của các công ty sử dụng cho các đơn vị ký hợp đồng thu gom, xử lý. Nguồn thanh toán từ thu giá dịch vụ của các chủ nguồn thải, hộ gia đình và bù đắp từ ngân sách cấp tỉnh, huyện, xã theo quy định. 32/32 xã đã thu giá dịch vụ theo quy định với tỉ lệ thu đạt trên 95%.

- Chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại: Các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, may mặc, cơ khí, sản xuất phân bón... trên địa bàn các xã đều ký kết hợp đồng thu gom và xử lý chất thải công nghiệp thông thường. Riêng chất thải nguy hại (CTNH) tại các cơ sở có phát sinh CTNH, yêu cầu chủ cơ sở phải có nhà kho lưu giữ, thiết bị lưu chứa CTNH và dán mã CTNH theo quy định; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý và nộp chứng từ CTNH về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, quản lý theo quy định.

- Chất thải nguy hại đồng ruộng: Bao bì hóa chất bảo vệ thực vật của 32 xã và 2 thị trấn được thu về 4.300 thùng, bể chứa bao bì ngoài đồng ruộng, ký kết với Công ty cổ phần môi trường Nghi sơn để thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ 6 tháng 01 lần, với khối lượng khoảng 6.500 kg/năm.

- Đối với chất thải y tế: Trên địa bàn huyện có 01 bệnh viện (Bệnh viện đa khoa huyện), 01 Trung tâm y tế dự phòng, 34 trạm y tế và 25 cơ sở khám chữa bệnh. Chất thải y tế phát sinh khoảng 95.265 kg/năm. Trong đó chất thải y tế thông thường khoảng 24.111 kg/năm được phân loại bán cho cơ sở tái chế phế liệu, một phần được xử lý như chất thải sinh hoạt thông thường, chất thải y tế lây nhiễm khoảng 71.154 kg/năm được hợp đồng vận chuyển về Bệnh viện Đa khoa huyện Triệu Sơn để xử lý (theo Quyết định số 2126/QĐ-UBND ngày 11/6/2015 của UBND tỉnh về kế hoạch quản lý chất thải y tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2020).

3.7.2.2. 100% các cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề,

chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường

Toàn huyện có 2.803 cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ đều đạt các yêu cầu về bảo vệ môi trường (BVMT), 100% cơ sở có các công trình, biện pháp xử lý chất thải đảm bảo đạt các quy định về BVMT. Trong đó gồm 159 cơ sở thuộc đối tượng lập hồ sơ môi trường (Báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết BVMT, Kế hoạch BVMT, đề án BVMT đơn giản) cụ thể:

+ 38 dự án, bao gồm: 04 dự án về chăn nuôi, 05 dự án về khai thác khoáng sản, 29 dự án về sản xuất và dịch vụ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.

+ 105 dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND huyện.

+ Còn lại 2.644 cơ sở sản xuất nhỏ, kinh doanh nhỏ lẻ (dịch vụ thương mại, buôn bán các sản phẩm, hàng hóa tiêu dùng, đồ gia dụng, nhà hàng ăn uống, nuôi trồng thủy sản hộ gia đình...), các cơ sở này đều đã ký cam kết với các xã về việc chấp hành các quy định về BVMT đã được các địa phương quản lý, kiểm tra và giám sát thường xuyên theo thẩm quyền.

Hàng năm huyện đã xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá việc chấp hành các nội dung đã cam kết của các cơ sở, sản xuất kinh doanh, dịch vụ và xử lý các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh có hành vi vi phạm; phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an môi trường thực hiện việc kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở thực hiện theo đúng cam kết về môi trường. Qua kiểm tra, giám sát đã hướng dẫn các cơ sở thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường và xử lý các cơ sở có các hành vi gây ô nhiễm môi trường theo quy định.

Đối với các cơ sở nuôi trồng thủy sản: Trên địa bàn huyện có **7.101** cơ sở nuôi trồng thủy sản, trong đó có 20 cơ sở nuôi thâm canh có diện tích nuôi trồng từ 5- 10 ha tại các xã (Xuân Thọ, Thọ Tân, Thọ Tiến, Thọ Bình, Thọ Ngọc, thị trấn Nưa...), còn lại 7.081 cơ sở nuôi nhỏ, lẻ. Tổng diện tích nuôi trồng 866,3 ha chủ yếu là diện tích nuôi cá, các cơ sở nuôi trồng thủy sản đã có cam kết bảo vệ môi trường với UBND xã. Các cơ sở nuôi trồng thủy sản đã thực hiện vệ sinh ao nuôi thủy sản định kỳ; không sử dụng thuốc thú y thủy sản, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép trong nuôi trồng thủy sản.

Đối với các trang trại chăn nuôi tập trung: Trên địa bàn huyện có 197 trang trại chăn nuôi, trang trại tổng hợp, nuôi trồng thủy sản kết hợp trồng cây ăn quả, trong đó có 14 trang trại thuộc đối tượng lập hồ sơ môi trường (04 trang trại thuộc đối tượng lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt; 10 trang trại thuộc đối tượng lập Kế hoạch BVMT được Chủ tịch UBND huyện xác nhận theo quy định), còn lại 187 trang trại có quy mô nhỏ hoặc trang trại sinh thái không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường theo quy định.

Ngoài ra, có 15.053 gia trại, hộ chăn nuôi nhỏ lẻ (với quy mô đàn dao động từ 2-25 đầu gia súc hoặc 5-50 đầu gia cầm, thủy cầm). Tất cả các trang trại đều được xây dựng theo đúng quy chuẩn bảo vệ môi trường, được quy hoạch tại các khu cách biệt với khu dân cư nên không gây ô nhiễm môi trường đến nhân dân, 100% các trang trại đều được xây dựng hầm bioga hoặc sử dụng đệm lót sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi. Trong năm 2019, 2020, do ảnh hưởng của dịch tả lợn Châu Phi, số lượng đàn lợn ở các trang trại, gia trại đã giảm nhiều so với các năm trước

- Toàn huyện có 06 đơn vị được UBND tỉnh phê duyệt nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống (cụ thể: 01 làng nghề nón lá tại các xã Xuân Lộc, 04 làng nghề hoa cây cảnh tại xã Hợp Lý, 01 làng nghề chổi đót tại xã Thọ Sơn và 01 Làng nghề chế tác đá tại xã Đồng Thắng). Có 01 làng nghề được UBND huyện phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề theo đúng quy định tại Thông tư 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, còn 03 làng nghề đang trình phê duyệt, còn 06 làng nghề đang trình thẩm định. Các làng nghề đã thành lập các tổ chức tự quản về môi trường và ký hợp đồng với các đơn vị chức năng để thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn sản xuất. Nước thải chủ yếu phát sinh từ hoạt động sinh hoạt được xử lý qua các bể tự hoại trước khi thải ra môi trường.

- Trên địa bàn huyện có 02 cụm công nghiệp (CCN) đã được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định thành lập, gồm: CCN Hợp Thắng và CCN liên xã Dân Lý, Dân Lực, Dân Quyền; hai cụm công nghiệp đã có nhà đầu tư; CCN Hợp Thắng đã được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2153/QĐ-UBND, ngày 22/6/2021; CCN liên xã Dân Lý, Dân Lực, Dân Quyền được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Hàng năm huyện đã xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá việc chấp hành các nội dung đã cam kết của các cơ sở, sản xuất kinh doanh, dịch vụ và xử lý các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh có hành vi vi phạm; phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an môi trường thực hiện việc kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở thực hiện theo đúng cam kết về môi trường. Qua kiểm tra, giám sát đã hướng dẫn các cơ sở thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường và xử lý các cơ sở có các hành vi gây ô nhiễm môi trường theo quy định.

3.7.3. Tự đánh giá: Đạt

3.8. Tiêu chí số 8 về An ninh, trật tự xã hội

3.8.1. Yêu cầu của tiêu chí

Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội.

3.8.2. Kết quả thực hiện tiêu chí

3.8.2.1. Hằng năm, Huyện ủy ban hành Nghị quyết, UBND huyện có kế hoạch về công tác an ninh, trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác

xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ Quốc

Hàng năm, Huyện ủy ban hành nghị quyết, UBND huyện ban hành kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự (ANTT) trên địa bàn; ban hành các văn bản chỉ đạo các ngành, các cấp trong công tác đảm bảo ANTT, trong các dịp Lễ, Tết, các sự kiện chính trị trọng đại của đất nước và địa phương.

3.8.2.2. Không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật

Trong những năm qua, tình hình ANTT trên địa bàn huyện được giữ vững ổn định, không để xảy ra đột xuất, bất ngờ, không hình thành điểm nóng phức tạp về ANTT. Huyện đã chỉ đạo Công an huyện chủ động nắm chắc tình hình trên các lĩnh vực an ninh chính trị, an ninh tôn giáo, an ninh nông thôn, an ninh nội bộ, an ninh văn hóa - tư tưởng... Kịp thời phát hiện các âm mưu phá hoại, kích động biểu tình gây rối an ninh trật tự; các mâu thuẫn, thắc mắc khiếu kiện của nhân dân, trong các cơ quan, doanh nghiệp đóng trên địa bàn để tham mưu cho cấp ủy, chính quyền, Công an cấp trên có biện pháp chỉ đạo, giải quyết, giữ vững ANCT và TTATXH trên địa bàn:

Từ năm 2018 đến nay, trên địa bàn huyện Triệu Sơn không xảy ra khiếu kiện đông người kéo dài, khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật. Công an huyện đã chủ động nắm tình hình tham mưu cho cấp ủy, chính quyền vào cuộc chỉ đạo, giải quyết kịp thời 04 điểm khiếu kiện phát sinh trong nhân dân (Minh Sơn, Vân Sơn, Tiến Nông, Dân Quyền); 03 điểm mua bán, hiến nhượng, xây dựng công trình liên quan đến tôn giáo (Hợp Thắng, Dân Quyền, TT. Nưa, Minh Châu); 03 vụ đình công, 03 vụ chuẩn bị đình công và 01 vụ chuẩn bị biểu tình phản đối Luật Đặc khu và Luật An ninh mạng. *Trên địa bàn Triệu Sơn hiện không có các điểm khiếu kiện phức tạp, nổi cộm, kéo dài mà cấp ủy, chính quyền tập trung giải quyết.*

3.8.2.3. Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm liền kề trước

Tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật trên địa bàn huyện được kiểm chế và giảm so với các năm trước; không để hình thành các ổ, nhóm tội phạm hình sự hoạt động phức tạp, các điểm ma túy phức tạp được đấu tranh triệt xóa; điều tra phá án đạt tỉ lệ cao:

- Năm 2018, xảy ra 124 vụ việc về ANTT (Giảm 08 vụ = 8,4% so với năm 2017); trong đó phạm pháp hình sự xảy ra 104 (giảm 97 vụ = 6,8% với năm 2017), điều tra làm rõ 89/104 vụ (Đạt tỷ lệ 85,5 %).

- Năm 2019, xảy ra 115 vụ việc về ANTT (Giảm 09 vụ = 7,3% so với năm 2018); trong đó phạm pháp hình sự xảy ra 95 (giảm 09 vụ = 8,7% với năm 2018),

điều tra làm rõ 83/95 vụ (Đạt tỷ lệ 87,3%).

- Năm 2020, xảy ra 109 vụ việc về ANTT (Giảm 06 vụ = 5,3% so với năm 2019); trong đó phạm pháp hình sự xảy ra 89 vụ (giảm 06 vụ = 6,4% với năm 2019), điều tra làm rõ 77/89 vụ (Đạt tỷ lệ 86,5%).

- Số người nghiện trên địa bàn giảm, hiện còn: 142 người nghiện (năm 2018 là 288 đối tượng, năm 2019 là 268 đối tượng). Huyện đã chỉ đạo Công an huyện phối hợp cùng các ban, ngành, đoàn thể tổ chức công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật; lập hồ sơ, phối hợp cùng gia đình, địa phương cai nghiện cho các đối tượng và đưa đối tượng đi cai nghiện tại cơ sở cai nghiện bắt buộc. Tệ nạn bài bạc, số đề, mại dâm được ngăn ngừa và đấu tranh xử lý nghiêm; Triệu Sơn hiện không có tụ điểm phức tạp về ma túy.

3.8.2.4. Lực lượng công an huyện hoàn thành tốt nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự tại địa phương

- Những năm qua, tình hình ANTT trên địa bàn huyện luôn được giữ vững ổn định, không để xảy ra đột xuất, bất ngờ, hình thành điểm nóng phức tạp về ANTT. Tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật trên địa bàn huyện được kiểm chế và giảm so với các năm trước; không để hình thành các ổ, nhóm tội phạm hình sự hoạt động phức tạp, các điểm ma túy phức tạp được đấu tranh triệt xóa. Đặc biệt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc phát triển mạnh mẽ, sâu rộng trong đấu tranh phòng, chống tội phạm (từ năm 2018 đến nay, Công an huyện đã tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp chỉ đạo xây dựng, ra mắt và duy trì hoạt động hiệu quả đối với 13 mô hình tự quản về ANTT; hiện nay Công an huyện đang tập trung tham mưu cho Ban chỉ đạo 138 huyện chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 121/KH-BCĐ ngày 24/5/2021 của Ban chỉ đạo 138 tỉnh về xây dựng điển hình tiên tiến trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTT; chỉ đạo mỗi xã, thị trấn xây dựng, ra mắt ít nhất 01 mô hình, Công an huyện ít nhất 02 mô hình tự quản về ANTT). Kết quả trên đã góp phần tích cực vào sự ổn định chính trị - xã hội, phục vụ có hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh trên địa bàn; được cấp ủy, chính quyền địa phương và nhân dân ghi nhận, đánh giá cao.

- Từ năm 2018 – nay, lực lượng công an huyện luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao: 02 năm liền (2017 và 2018), Công an huyện được Chủ tịch UBND tỉnh và Bộ trưởng Bộ Công an tặng “Cờ thi đua” đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua Vì an ninh Tổ quốc cấp cơ sở; năm 2020, được Giám đốc Công an tỉnh tặng danh hiệu thi đua “Đơn vị quyết thắng”.

3.8.3. Tự đánh giá: Đạt.

3.9. Tiêu chí số 9 về Chỉ đạo xây dựng NTM

3.9.1. Yêu cầu của tiêu chí

- Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định.

- Văn phòng Điều phối chương trình NTM cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định.

3.9.2. Kết quả thực hiện tiêu chí

Ban Chỉ đạo xây dựng NTM huyện Triệu Sơn giai đoạn 2010 - 2020 được thành lập theo Quyết định số 179 - QĐ/HU ngày 10/11/2011 của Ban Thường vụ Huyện ủy; giai đoạn 2020 - 2025 được thành lập theo Quyết định số 197 - QĐ/HU ngày 09/10/2020 gồm 36 thành viên. Đồng chí Bí thư Huyện ủy làm Trưởng ban, đồng chí Chủ tịch UBND huyện, Đồng chí Phó Bí thư Thường trực huyện ủy làm Phó ban, đồng chí Phó chủ tịch UBND huyện phụ trách nông nghiệp làm Phó trưởng ban Thường trực; các đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch HĐND, UBND đều tham gia Ban Chỉ đạo.

Ban Chỉ đạo Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng NTM huyện đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung của Chương trình xây dựng NTM trên địa bàn huyện đảm bảo kịp thời, hiệu quả, đúng quy định. Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của trung ương, tỉnh, hướng dẫn các xã thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ thúc đẩy xây dựng NTM; chỉ đạo duy trì, củng cố, nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM tại các xã; chỉ đạo thực hiện các tiêu chí huyện NTM trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản; kiểm tra thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở trong việc huy động đóng góp tiền của, công sức của nhân dân tham gia xây dựng NTM, tránh tình trạng huy động quá sức dân. Tại hội nghị tổng kết 10 năm (2019) về chương trình xây dựng NTM tỉnh Thanh Hóa, huyện Triệu Sơn được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa Tặng Bằng khen cho 5 cá nhân, 5 hộ gia đình có thành tích xuất sắc trong phong trào xây dựng NTM của huyện.

Văn phòng Điều phối NTM được thành lập theo Quyết định số 4017/QĐ-UBND ngày 9/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn và hoạt động đúng quy định theo Quyết định số 1996/QĐ-TTg ngày 04/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Văn phòng Điều phối NTM các cấp. Hiện nay Văn phòng Điều phối NTM huyện đã được kiện toàn có 11 thành viên gồm: Chánh Văn phòng Điều phối NTM là đồng chí Phó chủ tịch UBND huyện, Phó chánh văn phòng là đồng chí Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT, 1 thành viên chuyên trách và 8 thành viên kiêm nhiệm là cán bộ và chuyên viên của các phòng ban UBND huyện.

3.9.3. Tự đánh giá: Đạt.

V. TÌNH HÌNH NỢ ĐỘNG XÂY DỰNG CƠ BẢN TRONG XÂY DỰNG NTM

Trong quá trình triển khai xây dựng NTM, việc đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội luôn được quản lý chặt chẽ, từ việc xác định nhu cầu đầu tư, xây dựng kế hoạch, đặc biệt là thẩm định nguồn vốn để đảm bảo khả năng thanh toán, thực hiện nghiêm túc quy định của nhà nước về thanh quyết toán vốn đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách. Đến 30/9/2021, huyện Triệu Sơn không còn nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM.

VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đã làm được

Sau gần 12 năm thực hiện, đến nay kết quả chương trình xây dựng NTM của huyện đã đạt được những kết quả nổi bật:

- Nhận thức của cán bộ và nhân dân đã chuyển đổi theo hướng từ tư duy coi Chương trình là một dự án đầu tư của nhà nước sang tư duy nội sinh lấy sức dân là chính, chủ thể của chương trình là người dân nông thôn, nhà nước đóng vai trò hỗ trợ. Thực hiện tốt Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở, huy động được cả xã hội chung sức xây dựng NTM.

- Kinh tế liên tục đạt tốc độ tăng trưởng cao, sản xuất nông nghiệp được quan tâm đầu tư phát triển mạnh, hình thành nhiều mô hình, vùng sản xuất tập trung quy mô lớn gắn với liên kết tiêu thụ nông sản, giá trị sản phẩm thu nhập trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2020 đạt 124,3 triệu đồng, gấp 1,46 lần năm 2010 (năm 2021 ước đạt 135 triệu đồng); công nghiệp - xây dựng và dịch vụ đã có bước đột phá lớn trở thành động lực cho tăng trưởng giá trị sản xuất của huyện; tổng số vốn huy động để xây dựng NTM trong 12 năm đạt 9.753 tỷ đồng; cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư xây dựng đồng bộ; thu nhập bình quân đầu người gấp 3,61 lần năm 2010 (riêng khu vực nông thôn gấp 3,72 lần năm 2010), đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao; diện mạo của quê hương NTM ngày càng khang trang, tươi đẹp.

- Truyền thống hiếu học và văn hóa của quê hương được duy trì và ngày càng phát triển, có 92/107 trường từ Mầm Non đến THPT đạt chuẩn quốc gia, chất lượng giáo dục luôn đứng trong tốp đầu của tỉnh; chất lượng chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh cho nhân dân ngày càng được cải thiện; số lao động có việc làm thường xuyên và số lao động được đào tạo liên tục tăng qua các năm, tỉ lệ hộ nghèo giảm 23,81 so với năm 2010 (24,7%); các di tích lịch sử văn hóa được tôn tạo và phát huy, tệ nạn xã hội được kiểm soát và đẩy lùi, hoạt động văn hóa, thể dục thể thao ngày càng phát triển.

- An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, dân chủ ở cơ sở được phát huy, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc phát triển mạnh; luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương; trên địa bàn

không có trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự; lực lượng công an, quân sự ngày càng được nâng cao về chất lượng và trách nhiệm, gắn bó với nhân dân, luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

- Hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở ngày càng được xây dựng vững mạnh toàn diện; đội ngũ cán bộ công chức luôn được đào tạo bồi dưỡng cập nhật kiến thức lý luận, chuyên môn và thực tiễn, hoạt động tích cực, gần dân, sát dân hơn đã làm nòng cốt trong quá trình xây dựng NTM.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

- Một bộ phận nhỏ cán bộ, đảng viên và người dân vẫn chưa nhận thức đúng, chưa tích cực chủ động trong xây dựng NTM, còn có tư tưởng so bì, thiếu sự quyết tâm trong đóng góp kinh phí, công sức, hiến đất,... nên phong trào ở một số thôn xã, chưa thực sự nổi bật, thiếu tính bền vững.

- Kinh tế tuy đã tăng trưởng cao nhưng chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của huyện; việc áp dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất còn chưa rộng rãi nên chưa tạo ra nhiều giá trị gia tăng trong các ngành hàng, sản phẩm trên địa bàn huyện; việc tích tụ ruộng đất để sản xuất quy mô lớn trong nông nghiệp, thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn còn hạn chế.

- Một số công trình, thiết chế văn hóa tại xã, thôn chưa được khai thác, sử dụng có hiệu quả như nhà văn hóa, khu thể thao xã, thôn ít tổ chức các hoạt động tại cộng đồng làm giảm hiệu quả đầu tư và lãng phí nguồn lực.

- Sau khi đạt chuẩn NTM một số xã có biểu hiện thỏa mãn, không tập trung nâng cao chất lượng tiêu chí, chưa đẩy mạnh xây dựng xã NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu nên đến nay toàn huyện mới có 3 xã NTM nâng cao, chưa có xã nào đạt tiêu chí xã NTM kiểu mẫu.

2.2. Nguyên nhân

- Huyện có xuất phát điểm thấp, bắt đầu xây dựng NTM, bình quân tiêu chí toàn huyện chỉ đạt 5,3 tiêu chí/xã, cơ sở hạ tầng nhiều xã còn khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao (chiếm 24,7%), thu nhập bình quân đầu người thấp. Huyện có số lượng xã tiến hành xây dựng NTM nhiều (trước năm 2020 là 35 xã), trong đó có tới 4 xã miền núi và một số xã không có vị trí thuận lợi để phát triển kinh tế và thu hút đầu tư.

- Xây dựng NTM là Chương trình và nhiệm vụ mới đối với đội ngũ cán bộ, công chức huyện, xã, lại chưa được đào tạo trước cả lý luận và thực tiễn, phải vừa làm, vừa học vừa rút kinh nghiệm nên trong những năm đầu còn lúng túng chưa

xác định rõ được các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, phương pháp, lộ trình thực hiện, chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị để đẩy mạnh xây dựng NTM.

- Kinh phí để thực hiện Chương trình xây dựng NTM đòi hỏi lớn, một số tiêu chí cần nguồn lực nhiều, song thu ngân sách ở một số xã đạt thấp đã ảnh hưởng đến kết quả thực hiện các tiêu chí. Vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước hạn chế và chưa kịp thời; nguồn lực nhân dân có hạn, lại phải đóng góp xây dựng hầu như tất cả công trình ở thôn gây khó khăn cho việc lập, xây dựng kế hoạch và huy động nguồn vốn để thực hiện Chương trình.

3. Bài học kinh nghiệm

Một là: Sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, sự vào cuộc của chính quyền, mặt trận, các phòng, ngành đoàn thể, doanh nghiệp nhất là trách nhiệm của người đứng đầu địa phương, đơn vị phải quy tụ được sự đoàn kết, đồng thuận của nhân dân, gây dựng được phong trào "toàn dân chung sức xây dựng NTM", xây dựng NTM phải bằng tư duy tiến bộ, hành động thực tiễn, hiệu quả và thiết thực, nói phải đi đôi với làm là nhân tố quyết định đến thắng lợi của Chương trình.

Hai là: Phải làm tốt công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách, mục đích ý nghĩa của xây dựng NTM để nâng cao nhận thức tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và nhân dân; cán bộ, đảng viên phải là người đi đầu làm gương trong xây dựng NTM gắn với thực hiện tốt Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở theo phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng thụ", đồng thời kêu gọi sự vào cuộc của các doanh nghiệp, tranh thủ các chương trình, dự án lồng ghép trong xây dựng NTM.

Ba là: Việc thực hiện Chương trình xây dựng NTM phải gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương hằng năm và trong từng giai đoạn nếu tách rời sẽ làm suy giảm và phân tán sự lãnh đạo, khó có thể huy động và sử dụng nguồn lực một cách hiệu quả, sẽ ảnh hưởng đến phát triển bền vững.

Bốn là: Căn cứ vào thực tiễn, điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, dân trí và phong trào của từng xã, từng thôn để xây dựng kế hoạch cụ thể không dập khuôn, máy móc. Biết sắp xếp, quy hoạch xây dựng với tầm nhìn dài hạn, đồng thời kiên quyết, kiên trì thực hiện quy hoạch để giữ vững không gian kiến trúc có nét đẹp riêng. Chọn những mục tiêu trọng tâm để có chính sách hỗ trợ kích cầu hợp lý.

Năm là: Tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát, minh bạch trong lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng NTM; khắc phục kịp thời những hạn chế, yếu kém, uốn nắn ngay những lệch lạc để xây dựng NTM không trở thành điểm nóng, không để chính quyền xa dân mà phải hướng đến phục vụ nhân dân tốt hơn thông qua sự hài lòng của người dân.

VII. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ NTM

1. Quan điểm chỉ đạo

Xây dựng NTM là nhiệm vụ chính trị quan trọng, xuyên suốt của cấp ủy, chính quyền và nhân dân nên phải được thực hiện thường xuyên, liên tục. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp và dịch vụ, tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng quy mô lớn - công nghệ cao, có hình thức tổ chức sản xuất và cơ cấu kinh tế hợp lý; phát triển giáo dục, y tế theo hướng chất lượng cao và chuẩn hóa, xã hội hóa; giữ gìn phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương, xây dựng con người văn hóa, gia đình, làng, xã văn hóa; tiếp tục chỉnh trang cảnh quan, đảm bảo vệ sinh môi trường, đảm bảo an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện đủ sức lãnh đạo nhân dân xây dựng xã NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu, hướng đến đô thị hóa nông thôn có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

2. Mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025

Thực hiện xây dựng NTM phát triển toàn diện, bền vững đi vào chiều sâu, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và môi trường sống của người dân nông thôn. Tiếp tục thực hiện hiệu quả xây dựng NTM gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và duy trì, củng cố, nâng cao chất lượng các tiêu chí xã, huyện NTM theo Kết luận số 54-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 24/7/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Triệu Sơn lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020-2025 là một trong những huyện dẫn đầu của tỉnh. Cụ thể:

3. Các chỉ tiêu chủ yếu

3.1. Về kinh tế

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hằng năm đạt 16,2% trở lên, trong đó: nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,8%; công nghiệp - xây dựng tăng 18,7%; dịch vụ tăng 15,6%.
- Thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2025 đạt 75 triệu đồng.
- Tổng sản lượng lương thực bình quân hằng năm giữ ở mức 122 nghìn tấn.
- Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao năm 2025 đạt 1.200 ha (trong đó ứng dụng công nghệ cao 140 ha).
- Giá trị sản phẩm trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2025 đạt 150 triệu đồng.
- Tổng huy động vốn đầu tư phát triển 5 năm đạt 20.000 tỷ đồng.
- Tỷ lệ tăng thu ngân sách hằng năm so với dự toán tỉnh giao (không bao gồm tiền sử dụng đất) từ 15% trở lên.

- Tổng số doanh nghiệp mới được thành lập thời kỳ 2021 - 2025 đạt 450 doanh nghiệp trở lên.

- Đến năm 2022 đạt huyện NTM; đến năm 2025 có 15 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, chiếm 46,88%, 4 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, chiếm 12,5%, 15 thôn đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, chiếm 6,55%.

- Tỷ lệ đô thị hóa năm 2025 đạt 20%.

- Tỷ lệ đường giao thông trên địa bàn (không tính quốc lộ và tỉnh lộ) được cứng hóa đến năm 2025 đạt 98%.

3.2. Về văn hóa - xã hội

- Tốc độ tăng dân số bình quân hằng năm dưới 0,7%.

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội năm 2025 còn 23%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2025 đạt 80% trở lên.

- Tỷ lệ xã, thị trấn đạt tiêu chí an toàn thực phẩm năm 2025 đạt 100% (tỷ lệ xã, thị trấn đạt tiêu chí nâng cao là 30%).

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia năm 2025 đạt 95% trở lên.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng năm 2025 còn dưới 8%.

- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên tổng dân số năm 2025 đạt 95%.

- Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn đến năm 2025 đạt trên 96%.

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới giảm bình quân hằng năm từ 2% trở lên.

- Tỷ lệ xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị đạt tiêu chí kiểu mẫu theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 2025 đạt 26% trở lên.

3.3. Về môi trường

- Tỷ lệ che phủ rừng năm 2025 ổn định 11,8%.

- Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh năm 2025 đạt 100%; trong đó được dùng nước sạch đạt 75% trở lên.

- Tỷ lệ dân số đô thị được dùng nước sạch năm 2025 đạt trên 95%.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý năm 2025 đạt 95%.

3.4. Về an ninh trật tự

- Tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự năm 2025 đạt 80% trở lên.

3. Nội dung nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM

Các xã tiếp tục huy động các nguồn lực để nâng cao các tiêu chí xã NTM giai đoạn 2021-2025. Huyện tập trung triển khai xây dựng NTM gắn với quá trình đô thị hoá theo Quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê

duyet đề án xây dựng NTM trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017-2020; đồng thời xây dựng NTM nâng cao theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại văn bản số 8283/BNV-VPĐP ngày 23/10/2018 về nội dung duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đối với huyện đã đạt chuẩn NTM.

3.1. Về quy hoạch

Tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội theo quy hoạch, quản lý xây dựng theo quy hoạch. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chung xây dựng xã, các quy hoạch đô thị và quy hoạch sử dụng đất của huyện đảm bảo phù hợp, đồng bộ với quy hoạch xây dựng vùng huyện đến năm 2045. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong quản lý trật tự xây dựng để kịp thời ngăn chặn, xử lý nghiêm, triệt để các hành vi phạm; cương quyết phá dỡ, tổ chức cưỡng chế phá dỡ các công trình xây dựng không phép, sai quy hoạch, sai phép để rắn đe, ngăn ngừa các hành vi vi phạm khác.

3.2. Về hạ tầng kinh tế - xã hội

3.2.1. Giao thông

Tiếp tục huy động các nguồn lực để đầu tư, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện theo hướng phát triển đô thị, phấn đấu đến năm 2025 toàn huyện có tối thiểu 12km đường đô thị từ 4 đến 6 làn xe; phân cấp nhiệm vụ quản lý, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống đường giao thông nông thôn cho các xã, cải tạo nâng cấp một số tuyến đường xã thành đường đôi và thảm nhựa; lập kế hoạch cân đối, bố trí ngân sách cho công tác quản lý bảo trì giao thông nông thôn từ nguồn ngân sách địa phương. Hoàn thiện hệ thống cọc tiêu, biển báo giao thông; quản lý tốt hành lang an toàn giao thông, tải trọng phương tiện tại các tuyến đường; tuyên truyền, phổ biến Luật Giao thông và vận động người dân chấp hành Luật và ứng xử văn hóa khi tham gia giao thông.

3.2.2. Thủy lợi

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/1/2012 của Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, Luật Thủy lợi, Luật phòng chống thiên tai. Thực hiện rà soát, duy tu, bảo dưỡng công trình thủy lợi, nâng cấp, sửa chữa các công trình đã xuống cấp, đầu tư thêm các công trình phục vụ tưới tiêu tại các vùng khó tưới nhằm đảm bảo tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động để đáp ứng được yêu cầu tưới, tiêu phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng NTM. Thực hiện tốt công tác quản lý và bảo vệ công trình; xây dựng kế hoạch tưới, tiêu khoa học, áp dụng công nghệ cao tưới tiết kiệm nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, và dân sinh trên địa bàn; Huy động mọi nguồn lực, tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình thủy lợi, đáp ứng yêu cầu phòng chống thiên tai, bảo vệ sản xuất và đời sống nhân dân, đầu tư một số công trình

trọng điểm như: Hệ thống tiêu Nổ hén; kênh tiêu Tân - Dân - Thố; Trạm bơm tiêu Đổng Quai (xã Thợ Tân), Trạm bơm tiêu Thợ Lộc, (xã Đổng Lợi).

3.2.3. Điện nông thôn

Thường xuyên kiểm tra, nâng cấp, chỉnh trang mạng lưới điện nông thôn, đảm bảo cung cấp điện thường xuyên, an toàn, ổn định đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của người dân và đảm bảo mỹ quan nông thôn. Bổ sung thêm các trạm biến áp để đảm bảo công suất, chống quá tải đối với các khu vực phát triển sử dụng điện tăng nhanh.

3.2.4. Trường học

Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất để 2 trường THPT còn lại trong huyện đạt chuẩn trong năm 2022 để đạt tỷ lệ 100% số trường đạt chuẩn quốc gia; nâng chuẩn mức độ 2 đối với các trường mầm non, tiểu học đã chuẩn mức độ 1, đạt chuẩn sau 5 năm. Nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập, xây dựng cảnh quan, khuôn viên nhà trường xanh - sạch - đẹp - an toàn.

3.2.5. Cơ sở vật chất văn hóa

Tiếp tục đẩy mạnh huy động các nguồn xã hội hóa để đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa. Tiếp tục đầu tư, nâng cấp các công trình văn hóa, thể thao của huyện theo quy hoạch, gắn với đầu tư đồng bộ các thiết bị chuyên dùng để đảm bảo tính hiệu quả của các công trình.

Tăng cường quản lý các thiết chế văn hóa sau khi được đầu tư xây dựng, khai thác hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu của người dân. Quan tâm đến việc bảo tồn, trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn huyện gắn với khai thác tốt các di tích với hoạt động du lịch thông qua kết nối các tua, tuyến, điểm đến tham quan. Làm tốt công tác tuyên truyền đến các cấp ủy, chính quyền và toàn thể nhân dân để nâng cao nhận thức về vai trò, vị thế của văn hóa trong đời sống và đưa hoạt động văn hóa thực sự đi vào cuộc sống nhằm nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân, văn hóa trở thành nền tảng tinh thần của xã hội.

3.2.6. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Tiếp tục huy động các nguồn lực xã hội hóa để đầu tư hoàn thiện, nâng cấp các chợ nông thôn trên địa bàn huyện theo quy hoạch, chuyển đổi mô hình quản lý chợ, đến năm 2025 đảm bảo tất cả các chợ được chuyển đổi cho doanh nghiệp quản lý. Thu hút doanh nghiệp, nhà đầu tư vào đầu tư các trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện ích tại Thị trấn Triệu Sơn, Thị trấn Nưa, các đô thị mới và các xã không có chợ nhằm đáp ứng hàng hóa phục vụ nhu cầu của nhân dân.

3.3. Kinh tế và tổ chức sản xuất nâng cao

Tiếp tục thực hiện theo Kết luận 54-KL/TW ngày 7/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Quyết định số 357/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Tiếp tục nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, các tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức sản xuất và mọi người dân về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân và xây dựng NTM trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng NTM và đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Cơ cấu lại sản xuất theo vùng nhằm khai thác tối đa lợi thế, tiềm năng của mỗi vùng và của từng địa phương; tổ chức liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong vùng; nâng cao năng suất, chất lượng của sản phẩm nông nghiệp đảm bảo an toàn thực phẩm; giải quyết xử lý chất thải trong quá trình sản xuất để bảo vệ môi trường sống của người dân nông thôn.

Đẩy mạnh đổi mới, phát triển các HTX, tổ hợp tác nông nghiệp, phát triển kinh tế trang trại theo hướng chú trọng hơn tới việc tổ chức liên kết giữa nông dân, tổ chức hợp tác của nông dân với doanh nghiệp và các đối tác kinh tế khác trong sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản để nâng cao thu nhập cho người dân và chuyển đổi cơ cấu lao động ở khu vực nông thôn.

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ gắn với công nghiệp chế biến, kết nối thị trường tiêu thụ.

Đẩy mạnh cơ giới hóa nông nghiệp, phát triển công nghiệp, ngành nghề dịch vụ ở nông thôn đặc biệt là các ngành sử dụng nhiều lao động nhằm nâng cao hiệu quả lao động, tăng thu nhập, chất lượng đời sống người dân khu vực nông thôn.

Tăng cường đầu tư, ứng dụng cơ giới hóa trong tất cả các khâu của chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp, phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng loại cây trồng, vật nuôi nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm tổn thất sau thu hoạch, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (chương trình OCOP) để phát triển các sản phẩm truyền thống, làng nghề, khơi dậy tinh thần khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong cộng đồng gắn với thu hút doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn từng xã và toàn huyện.

3.4. Văn hóa, y tế, giáo dục và môi trường

3.4.1. Văn hóa

Tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở khu dân cư; thường xuyên rà soát, điều chỉnh hương ước, quy ước của các thôn, làng để phù hợp với yêu cầu phát triển và quản lý xã hội. Xây dựng gia đình

văn hóa gắn với xây dựng làng văn hóa; giữ gìn cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp; Thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; tăng cường công tác quản lý nhà nước về các hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa; quản lý tốt các di tích lịch sử, văn hoá. Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch bằng việc kết nối thường xuyên các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao với các xã, thị trấn trong huyện.

3.4.2. Giáo dục và Đào tạo

Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, tiếp nối truyền thống hiếu học của quê hương, giữ vững là đơn vị dẫn đầu trong ngành giáo dục của tỉnh. Duy trì phổ cập giáo dục Tiểu học, Trung học cơ sở, nâng cao tỉ lệ trẻ đến lớp Mẫu giáo đạt 100%, nhà trẻ đạt 100%. Đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp trong các trường phổ thông, tăng tỷ lệ lao động đã qua đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

3.4.3. Y tế

Duy trì và nâng cao các tiêu chí đối với các xã đã đạt chuẩn quốc gia về y tế, hoạt động của Trạm y tế xã, Trung tâm Y tế huyện, Bệnh viện đa khoa huyện nhằm nâng cao chất lượng phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho nhân dân, tiến tới nâng tỉ lệ người dân có bảo hiểm y tế đạt 100%.

3.4.4. Môi trường và an toàn thực phẩm

Đưa nội dung bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm vào cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”; đưa tiêu chí nước sạch, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm vào hương ước, quy ước, coi đây là một tiêu chuẩn thi đua, là tiêu chí xây dựng làng văn hóa, khu phố văn hóa, gia đình văn hóa.

Thực hiện Kế hoạch số 4090/KH-UBND ngày 19/10/2020 của UBND huyện về thực hiện Chỉ thị số 18-CT/HU ngày 30/6/2020 của Ban Thường vụ Huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng trong việc thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Triệu Sơn, giai đoạn 2020-2025 với mục tiêu 100% số xã thị trấn đảm bảo sáng, xanh, sạch, đẹp và hoàn thành vượt mức kế hoạch, trọng tâm là trồng cây, đường hoa, đường điện ánh sáng, rãnh nước khu dân cư có nắp đậy, xây dựng vườn mẫu, chỉnh trang cảnh quan, làm vệ sinh môi trường định kỳ.

Thường xuyên phát động và tổ chức phong trào toàn dân làm vệ sinh môi trường vào ngày chủ nhật hàng tuần. Chỉ đạo các xã, thị trấn tăng cường chăm sóc hoa, cây cảnh, bảo dưỡng hệ thống đường điện chiếu sáng trên các tuyến đường. Tổ chức thu gom, xử lý rác thải dọc các tuyến đường giao thông các tuyến kênh, tuyến đê trong và ngoài khu dân cư một cách thường xuyên. Duy trì việc thu gom, xử lý rác thải dân cư, rác thải công nghiệp, rác thải y tế, rác thải độc hại theo quy định.

Tiếp tục đầu tư hiện đại hóa công nghệ xử lý rác thải tại các bãi rác tập trung của huyện; di dời các bãi rác theo quy hoạch được duyệt.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước của cấp huyện và xã về ATTP theo phân cấp. Đảm bảo các sản phẩm thực phẩm khi lưu thông trên thị trường có nguồn gốc xuất xứ, các chợ và cửa hàng đảm bảo ATTP, các cơ sở kinh doanh, bếp ăn tập thể đảm bảo ATTP. Phấn đấu đến 31/12/2021 có 100% số xã, thị trấn đạt tiêu chí ATTP của tỉnh Thanh hóa, sau đó duy trì đảm bảo và nâng cao chất lượng tiêu chí.

3.5. Hệ thống chính trị và an ninh trật tự

Tiếp tục đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” và Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ nhằm phát huy tính tiên phong gương mẫu của đội ngũ cán bộ đảng viên, nhất là về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống. Xây dựng hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả vì dân, sát dân. Xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh toàn diện, đội ngũ cán bộ công chức có đủ năng lực, trình độ, mẫn cán trong thực thi công vụ tiếp tục lãnh đạo nhân dân xây dựng NTM trong giai đoạn tới.

Thực hiện tốt công tác tiếp dân, xử lý và giải quyết dứt điểm các vụ việc ngay từ cơ sở, không để xảy ra tình trạng khiếu nại, tố cáo kéo dài, hình thành các điểm nóng.

Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân. Xây dựng lực lượng công an, quân sự vững mạnh, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội làm cơ sở, nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng NTM.

4. Một số giải pháp chủ yếu

4.1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể, Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM quán triệt và thực hiện hiện Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ đạo cấp huyện, cấp xã đến thôn. Phân công cụ thể cho các thành viên Ban Chỉ đạo, định kỳ hàng quý Ban Chỉ đạo các cấp tiến hành giao ban đánh giá hoạt động, kết quả lãnh chỉ đạo; xây dựng lộ trình

cụ thể để củng cố NTM, xây dựng xã NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu. Thường xuyên kiểm tra, giám sát của cấp ủy, Ban Chỉ đạo, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể đối với công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng NTM.

Hàng năm tổ chức sơ kết, tổng kết, phát hiện các mô hình làm tốt, cách làm mới có hiệu quả, phổ biến, nhân ra diện rộng. Có khen thưởng kịp thời đối với các tập thể, cá nhân thực hiện tốt, đồng thời phê bình, uốn nắn các tập thể, cá nhân nhất là người đứng đầu có tư tưởng trông chờ, ỷ lại, thiếu tích cực trong thực hiện Chương trình xây dựng NTM.

4.2. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền

Tập trung và tuyên truyền những thành quả đạt được trong xây dựng NTM tạo niềm tin, cổ vũ động viên nhân dân tiếp tục hăng hái thực hiện Chương trình, coi xây dựng NTM là công việc lâu dài. Kiên trì nâng cao chất lượng tiêu chí, nâng cao đời sống nhân dân cùng với thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Tuyên truyền công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, Ban Chỉ đạo các cấp. Đa dạng hóa các hình thức, nội dung tuyên truyền, nâng cao chất lượng cả chiều sâu, bề rộng nhằm làm cho các tầng lớp nhân dân, doanh nghiệp hiểu và chủ động tham gia xây dựng NTM.

4.3. Tập trung phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình hành động số 64-CTr/HU ngày 02/4/2019 của Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình số 12-CTr/HU ngày 16/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Triệu Sơn giai đoạn 2021-2025; đẩy mạnh tái cơ cấu toàn ngành nông nghiệp huyện theo hướng sản xuất tập trung, quy mô lớn, công nghệ cao, nâng cao giá trị gia tăng, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững.

Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động, thành lập các HTX kiểu mới trong nông nghiệp, thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (chương trình OCOP). Rà soát đánh giá lại hoạt động của các làng nghề và có giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo mở rộng. Tiếp tục phát triển một số ngành nghề chế biến nông sản, lâm sản, xây dựng, vật liệu xây dựng.

Đẩy mạnh thu hút đầu tư vào các cụm công nghiệp của huyện như: Cụm công nghiệp liên xã Dân Lý- Dân Lực- Dân Quyền, Cụm công nghiệp Hợp Thắng, Cụm công nghiệp Nura, Cụm công nghiệp Đồng Thắng 2; tiếp tục quảng bá kêu gọi các doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất tại khu du lịch Đền Nura - Am Tiên, thu hút các nhà đầu tư lớn có tầm cỡ để phát triển du lịch tâm linh và du lịch sinh thái để du lịch Triệu Sơn sớm trở thành khu du lịch trọng điểm của tỉnh và cả nước.

Nâng cao thu nhập của người dân nông thôn, hỗ trợ làm giàu, đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội. Bảo vệ môi trường và cải tạo cảnh quan nông thôn. Hệ thống chính trị ở nông thôn được tăng cường, quốc phòng và an ninh trật tự được giữ vững.

4.4. Phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, xây dựng cảnh quan môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp theo hướng đô thị hóa

Triển khai các giải pháp để nâng cao chất lượng hoạt động các làng văn hóa. Phát huy, sử dụng có hiệu quả các cơ sở vật chất văn hóa đã được đầu tư xây dựng. Tập trung vào việc xây dựng gia đình văn hóa, con người văn hóa có tri thức, đạo đức và trách nhiệm với cộng đồng, đất nước.

Tập trung xây dựng trường chuẩn quốc gia đối với 03 trường chưa đạt chuẩn gồm: Trường phổ thông Triệu Sơn; Trường THPT Triệu Sơn II, Trường THPT Triệu Sơn V, đã được đầu tư đầy đủ cơ sở vật chất phần đầu hoàn thiện sân và khuôn viên để đề nghị công nhận đạt chuẩn trong quý 04/2021; Trường THPT Triệu Sơn III, Trường THPT Triệu Sơn IV hoàn thiện cơ sở vật chất để đề nghị công nhận đạt chuẩn vào quý 03-04/2022.

Kêu gọi doanh nghiệp đầu tư xây dựng các trường chất lượng cao ở tất cả các cấp học. Nâng cao dân trí, nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, chất lượng giáo dục mũi nhọn, chú trọng dạy nghề, đào tạo nghề cho lao động. Phần đầu chất lượng giáo dục của huyện luôn xếp top đầu của tỉnh. Tăng cường đầu tư bổ sung cơ sở vật chất trường học như tăng diện tích nhà vệ sinh cho học sinh, bố trí đủ bàn ghế, trang thiết bị dạy học đảm bảo duy trì nâng cao chất lượng trường chuẩn quốc gia.

Bổ sung trang thiết bị, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân đối với hệ thống cơ sở y tế. Vận động nhân dân tham gia mua bảo hiểm y tế, chăm lo công tác bảo vệ và xây dựng cảnh quan môi trường. Từng bước đầu tư xây dựng hệ thống rãnh thoát nước trong tất cả các khu dân cư; lát vỉa hè làm đường điện ánh sáng, trồng cây xanh những nơi có điều kiện. Thiết thực tổ chức trồng cây, trồng hoa các tuyến đường, cơ quan công sở, nơi công cộng. Xây dựng các khu vui chơi công cộng, hệ thống ao, hồ, công viên cây xanh tại các xã nhằm nâng cao chất lượng cảnh quan môi trường.

4.5. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, rà soát ban hành cơ chế hỗ trợ trong giai đoạn tới

Công cuộc xây dựng NTM, tiến tới xây dựng đô thị hóa nông thôn là lâu dài, ngoài nguồn vốn từ ngân sách các cấp, việc tiếp tục huy động nguồn lực trong dân là cần thiết, đây là nguồn lực to lớn nên từng xã, thôn phải có kế hoạch huy động cụ thể vừa sức dân và huy động từ các thành phần kinh tế để tiếp tục đầu tư củng cố, duy tu, bảo dưỡng, xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống

của nhân dân, nâng cao chất lượng tiêu chí xây dựng NTM. Việc huy động nguồn lực trong nhân dân phải tuân thủ tuyệt đối theo pháp lệnh dân chủ ở cơ sở, chính quyền không được áp đặt mà phải khơi dậy lòng tự hào và tình yêu quê hương, ý chí tự lực, tự cường, tự nguyện của người dân, doanh nghiệp theo phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng thụ", "lấy sức dân để lo cho dân". Đảm bảo tất cả các nguồn lực, các công trình xây dựng NTM vừa sức dân, có hiệu quả cao và thiết thực, không lãng phí.

Tiếp tục xây dựng cơ chế hỗ trợ phù hợp nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu và đô thị hóa nông thôn; chú trọng các cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất nâng cao đời sống nhân dân; hỗ trợ duy trì, bảo dưỡng, nâng cao chất lượng các tiêu chí về giao thông, thủy lợi, xây dựng trường chuẩn, xã chuẩn quốc gia về y tế, cơ sở vật chất và các thiết chế văn hóa ở cơ sở...

4.6. Quốc phòng-An ninh

Xây dựng lực lượng công an, quân sự vững mạnh từ huyện đến xã, phối hợp chặt chẽ giữa Công an, Quân sự trong xây dựng cơ sở vững mạnh làm chủ. Thường xuyên thực hiện có hiệu quả các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, không để sự gia tăng của các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Tăng cường hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về an ninh trật tự, đảm bảo an ninh, trật tự nông thôn luôn được duy trì, giữ vững. Hoàn thành nhiệm vụ quân sự, quốc phòng hằng năm của huyện và các xã, thị trấn.

Với những kết quả và kinh nghiệm đạt được trong 12 năm qua, trong thời gian tới phát huy thành tích đã đạt được, kiên quyết và cầu thị để khắc phục những tồn tại, hạn chế trong xây dựng NTM. Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân huyện Triệu Sơn quyết tâm vượt qua khó khăn, thử thách, phấn đấu thực hiện thắng lợi Chương trình MTQG xây dựng NTM ở giai đoạn tiếp theo và sớm trở thành đô thị trong những năm tới.

UBND huyện kính trình UBND tỉnh Thanh Hóa thẩm tra, Bộ Nông nghiệp và PTNT thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ xét, công nhận huyện Triệu Sơn đạt chuẩn NTM năm 2021./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- VP điều phối CT MTQG XDNTM TW (b/c);
- TTTr TU, TT HĐND, UBND tỉnh Thanh Hóa (b/c);
- BCĐ CTXDNTM tỉnh Thanh Hóa (b/c);
- VP điều phối XDNTM tỉnh (b/c);
- Thành viên BCĐ huyện;
- Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Đức Kính

BIỂU TỰ ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI
Huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của huyện
1	Quy hoạch	Có quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện được phê duyệt.		Đạt	Đạt	Đạt
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã.		Đạt	Đạt	Đạt
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch.	%	100%	100%	100%
3	Thủy lợi	Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch.		Đạt	Đạt	Đạt
4	Điện	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ; thuật của cả hệ thống.		Đạt	Đạt	Đạt
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia.		Đạt	Đạt	Đạt
		5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có các hoạt động văn hóa - thể thao phù hợp kết nối với các xã có hiệu quả.		Đạt	Đạt	Đạt
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn.	%	≥ 60%	67,7%	67,7%

6	Sản xuất	Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung; hoặc có mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện.		Đạt	Đạt	Đạt
7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn.		Đạt	Đạt	Đạt
		7.2. Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường.	%	100%	100%	100%
8	An ninh, trật tự XH	Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội.		Đạt	Đạt	Đạt
9	Chỉ đạo xây dựng NTM	9.1. Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định.		Đạt	Đạt	Đạt
		9.2. Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định.		Đạt	Đạt	Đạt

Phụ biểu 01:

CÁC VĂN BẢN VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CỦA TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /2021 của UBND huyện Triệu Sơn)

1. Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;
2. Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28/10/2008 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/3/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;
3. Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23/11/2016 của Quốc Hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp;
4. Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/04/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM;
5. Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2016-2020 (thay thế Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2010 - 2020);
6. Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, giai đoạn 2016-2020 (thay thế Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới và Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi một số tiêu chí trong Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM);
7. Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn NTM, địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2016-2020 (thay thế Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 14/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn NTM);
8. Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 04/4/2017 về Ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23/11/2016 của Quốc Hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp;
9. Quyết định 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành tiêu chí xã NTM kiểu mẫu, giai đoạn 2018-2020;

10. Thông tư số 41/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới; Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố xã, huyện, tỉnh đạt chuẩn NTM;

11. Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn NTM, giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Phụ biểu 02:

CÁC VĂN BẢN VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CỦA TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /2021 của UBND huyện Triệu Sơn)

1. Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 20/4/2015 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025;

2. Quyết định số 287-QĐ/TU ngày 27/5/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về ban hành Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM, giai đoạn 2016-2020;

3. Nghị quyết số 43/2012/NQ-HĐND ngày 05/12/2012 của HĐND tỉnh về việc ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng Nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa đến năm 2015;

4. Nghị quyết số 126/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVI, kỳ họp thứ 13 về cơ chế chính sách khuyến khích xây dựng Nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2020;

5. Quyết định số 145/2013/QĐ-UBND ngày 10/1/2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành quy định về trình tự, thủ tục, xét, công nhận và tổ chức công bố “xã đạt chuẩn Nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

6. Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh sách các huyện, xã đăng ký phấn đấu đạt chuẩn NTM, giai đoạn 2016-2020;

7. Quyết định số 1415/2017/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Bộ tiêu chí xã NTM tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2020 (thay thế Quyết định số 4296/QĐ-UBND ngày 04/12/2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Tiêu chí công nhận xã đạt chuẩn NTM trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa);

8. Quyết định 2392/2017/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố “thôn, bản đạt chuẩn Nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2017-2020;

9. Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn NTM nâng cao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2020;

10. Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 19/4/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh đến năm 2020.

Phụ biểu số 3:

CÁC VĂN BẢN VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CỦA HUYỆN TRIỆU SƠN
(Kèm theo Báo cáo số: BC-UBND ngày / /2021 của UBND huyện Triệu Sơn)

I. Chương trình hành động, Nghị quyết, Kế hoạch của Huyện ủy:

1. Quyết định số 673-QĐ/HU ngày 28/4/2016 của Huyện ủy ban hành Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng gắn với xây dựng nông thôn mới địa bàn huyện Triệu Sơn giai đoạn 2016- 2020;

2. Quyết định số 674-QĐ/HU ngày 28/4/2016 của Huyện ủy ban hành Chương trình phát triển công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ gắn với phát triển đô thị huyện Triệu Sơn giai đoạn 2016- 2020;

3. Quyết định số 675-QĐ/HU ngày 28/4/2016 của Huyện ủy ban hành Chương trình đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất gắn với tái cơ cấu kinh tế huyện Triệu Sơn giai đoạn 2016- 2020;

4. Chương trình hành động số 13-CTr/HU ngày 14/3/2016 của Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện Nghị quyết số 16- NQ/TU ngày 20/4/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa về tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững;

5. Chương trình hành động số 64-CTr/HU ngày 02/4/2019 của Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

6. Chương trình số 12-CTr/HU ngày 16/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Triệu Sơn giai đoạn 2021-2025;

7. Chương trình số 13-CTr/HU ngày 16/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về phát triển công nghiệp trên địa bàn huyện Triệu Sơn giai đoạn 2021-2025;

8. Chương trình số 14-CTr/HU ngày 16/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về bảo vệ môi trường huyện Triệu Sơn giai đoạn 2021-2025;

9. Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 03/3/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và hệ thống chính trị để huyện Triệu Sơn đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2022 và tiếp tục phát triển huyện nông thôn mới sau năm 2022;

II. Chỉ thị:

1. Chỉ thị số 04-CT/HU ngày 26/02/2011 của Ban thường vụ Huyện ủy về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng nông thôn mới;

2. Chỉ thị số 05-CT/HU ngày 28/02/2011 của Ban thường vụ Huyện ủy về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao hiệu quả cuộc vận động toàn dân tham gia làm đường giao thông nông thôn;

3. Chỉ thị số 13-CT/HU ngày 28/7/2012 của Ban thường vụ Huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo trong việc thực hiện giảm nghèo bền vững dựa vào cộng đồng gắn với xây dựng nông thôn mới;

4. Chỉ thị số 15-CT/HU ngày 31/10/2012 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm tại hộ gia đình theo hướng nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm, an toàn dịch bệnh và vệ sinh môi trường, giai đoạn 2012- 2016;

5. Chỉ thị số 18-CT/HU ngày 30/6/2020 của Ban Thường vụ Huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng trong việc thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Triệu Sơn, giai đoạn 2020-2025;

6. Chỉ thị số 05-CT/HU ngày 05/7/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng trong quản lý đầu tư công trên địa bàn huyện, giai đoạn 2021-2025;

7. Chỉ thị số 06-CT/HU ngày 05/7/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng trong quản lý ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện, giai đoạn 2021-2025;

III. Nghị quyết của HĐND huyện, Quyết định của UBND huyện về cơ chế hỗ trợ:

1. Nghị quyết số 171/NQ-HĐND, ngày 05/4/2011 của HĐND huyện về cơ chế hỗ trợ khuyến khích phát triển giao thông nông thôn huyện Triệu Sơn năm.

2. Nghị quyết số 27/2012/NQ-HĐND, ngày 14/7/2012 của HĐND huyện về cơ chế hỗ trợ khuyến khích phát triển giao thông nông thôn huyện Triệu Sơn năm 2012.

3. Quyết định số 2549/QĐ-UBND ngày 31/10/2012 của UBND huyện về việc ban hành một số cơ chế hỗ trợ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013-2016;

4. Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND, ngày 17/10/2016 của HĐND huyện về cơ chế khuyến khích hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2017-2021;

5. Nghị quyết số 31/NQ-HĐND, ngày 25/12/2017 của HĐND huyện về cơ chế khuyến khích hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Triệu Sơn giai đoạn 2018- 2021;

6. Nghị quyết số 52/2019/NQ-HĐND ngày 03/7/2019 của HĐND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung cơ chế hỗ trợ các xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019 và 2020 trên địa bàn huyện;

7. Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 06/7/2020 của HĐND huyện về hỗ trợ xây dựng các công trình cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 trên địa bàn huyện;

8. Phương án số 2821/PA-UBND ngày 08/12/2017 của UBND huyện về khuyến khích, hỗ trợ các xã đang xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020;

9. Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 25/12/2020 của HĐND huyện về thông qua điều chỉnh, bổ sung Phương án khuyến khích, hỗ trợ các xã đang xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020;

10. Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 25/12/2020 của HĐND huyện về việc thông qua Phương án hỗ trợ xây dựng xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu, thôn nông thôn mới kiểu mẫu và sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện giai đoạn 2020;

IV. Quyết định, Đề án, Kế hoạch, Phương án của UBND huyện:

1. Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 27/7/2012 của UBND huyện về việc phê duyệt, ban hành Đề án "Củng cố, nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng vùng mía nguyên liệu huyện Triệu Sơn giai đoạn 2012-2015, định hướng đến năm 2020";

2. Quyết định số 2604/QĐ-UBND ngày 05/11/2012 của UBND huyện về việc phê duyệt, ban hành Đề án "Phát triển cơ giới hóa và xây dựng mô hình cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất lúa huyện Triệu Sơn giai đoạn 2012-2015";

3. Quyết định số 2605/QĐ-UBND ngày 05/11/2012 của UBND huyện về việc phê duyệt, ban hành Đề án "Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm tại hộ gia

định theo hướng nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm, an toàn dịch bệnh và vệ sinh môi trường trên địa bàn huyện Triệu Sơn, giai đoạn 2012 - 2016 ";

4. Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 của UBND huyện về việc ban hành Đề án phát triển các sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện Triệu Sơn giai đoạn 2021-2025;

5. Phương án số 1728/PA-UBND ngày 07/9/2016 của UBND huyện về việc chuyển đổi đất trồng lúa năng suất, hiệu quả thấp sang các loại cây trồng khác và kết hợp nuôi trồng thủy sản để có hiệu quả kinh tế cao hơn trên địa bàn huyện Triệu Sơn giai đoạn 2016-2020;

6. Phương án số 4409/PA-UBND ngày 18/11/2020 của UBND huyện về việc chuyển đổi đất trồng lúa sang trồng cây khác hoặc kết hợp nuôi trồng thủy sản cho hiệu quả kinh tế cao hơn giai đoạn 2021-2025;

7. Kế hoạch số 1354/KH-UBND ngày 13/8/2012 của UBND huyện về triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Triệu Sơn, giai đoạn 2012-2015;

8. Kế hoạch số 1463/KH-UBND ngày 20/7/2017 của UBND huyện về thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Triệu Sơn đến năm 2020;

9. Phương án số 1759/PA-UBND ngày 16/8/2017 của UBND huyện về củng cố, hoàn thiện và nâng cao chất lượng các tiêu chí ở các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn huyện;

10. Kế hoạch số 4090/KH-UBND ngày 19/10/2020 của UBND huyện về thực hiện Chỉ thị số 18-CT/HU ngày 30/6/2020 của Ban Thường vụ Huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng trong việc thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Triệu Sơn, giai đoạn 2020-2025;

11. Kế hoạch số 4907/KH-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Triệu Sơn, giai đoạn 2021-2025;

12. Kế hoạch số 4724/KH-UBND ngày 20/8/2021 của UBND huyện Triệu Sơn về xây dựng huyện Triệu Sơn đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021.